

NGUYỄN TUÂN

Chín

NGƯỜI TỬ TÙ

VIỆN VĂN HỌC
HÀ NỘI

vh

Mục lục

Bữa Rượu Máu

Chữ Người Tử Tù

Vườn Xuân Lan Tạ Chủ

Những Chiếc Ấm Đất

Thả Thơ

Đánh Thơ

Ngôi Mả Cũ

Đánh Mất Ví

Gỡ Cái Vịt Ra

Một Vụ Bắt Rượu Lậu

Hương Cuội

Một Đám Bất Đắc Trí

Chén Trà Sương

Đèn Đêm Thu

Trên Đỉnh Non Tản

Đói - Roi

Mười Năm Trời Mới Lại Gặp Cố Nhân

Khoa Thi Cuối Cùng

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Bữa Rượu Máu

Phía Tây thành Bắc, trên một nền đất rộng đổ sát vào chân thành cho lền gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mọc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm đại sinh nở bừa bộn. Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người. Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỗi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tàu lá chuối trống trải không đủ là nơi làm tổ, lại chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa Ngâu, vườn chuối dầm dề một khúc nhạc sông nghe buồn thiu buồn thiu.

Vườn chuối phía Tây góc thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngồn ngang những tàu lá, cuống còn tuôn rỉ ra những dòng nhựa thăm màu. Không khí làm se nhựa chuối lại, kết nên thành những khối keo quyện chặt lấy bụi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luồn bãi dâu trồng ở dưới chân thành sát ngay với bờ rào, nghe tiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đứng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

Tiếng người trên mặt ngọn thành cũ hát rằng:

Trời nổi cơn lốc

Cánh càn u sâu

Tiếng loa vừa dậy

Hồi chiêm mớm mau

Ta hoa thanh quất

Cỏ xanh đổi màu

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau

Thừa chịu lệnh cả

Dám nghĩ thế nào

Hãy ngồi cho vững

Cho ngọt nhất đao

Hồi hồn!

Hồi quý không đầu!

Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân cây chuối đổ xuống mặt đất tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng kỹ. Cái bài hát năm mươi tư chữ nghe như bài sai của thầy phù thủy, đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có tiếng rọt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh, mình lìa hẳn gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng là một miếng đất không ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát mà phá vườn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lìa, chiều nay và đêm nay bàn tán không ngớt miệng về cái tiếng hát trên vườn chuối

mặt tường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự nhủ ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sớm hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành với những câu hát rõ mồn mọt:

Ta hoa thanh quất

Cỏ xanh đổi màu

Sống không thù nhau

Chết không oán nhau...

Bọn vợ lính mang chuyện đó về nhà, thì những người lính cơ đều ra vẻ cảm động sợ hãi và cắt nghĩa:

- Ông Bát Lê sắp làm việc đấy

- Làm việc gì?

- Ông Lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Tiếng người hát trên mặt thành là tiếng ông Bát Lê đang đập múa thanh quất ở vườn chuối đấy.

- Múa thanh quất? Ở vườn chuối? Sao lại hát thế? Ông Bát Lê chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

- U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát Lê không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án thảm, ông Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ tay. Những vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay, ông Bát không cầm đến thanh quất. Không hiểu tại sao lần này Ông Lớn lại cho gọi Ông Bát ra cho kỳ được và xem chừng như ngài sẵn sóc đến cái vụ xử trảm này nhiều lắm.

Lui vào tư thất, và nhác thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào vàng son lộng lẫy nhà riêng mình, quan Tổng đốc sung chức Đồng lý Quân vụ liền quở:

- Ít bữa nay, chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy đóng cửa.

- Bấm lạy Ông Lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa. Sớm tối lúc nào con cũng phải ở trong nội thành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây, Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, con có mạn phép về thăm nhà. Được tin Ông Lớn cho đòi, con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội. Con chờ lệnh Ông Lớn truyền xuống.

- Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đồng lý Quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng son, hất hàm hỏi tên đầy tớ già bát phẩm đang thu bé mãi người bên chiếc cột:

- Liệu bây giờ chếp còn mát tay không?

- Dạ.

- Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho xuống cái lệnh chi không?

- Dạ.

- Có mười hai tên tử tù sắp đem hành hình. Quan Công sứ muốn được xem tận mặt cái bọn chịu án trăm đó. Người chém sao cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhát thì không những ta trất tiền thưởng mà người còn bị quở nữa. Chém cho thực ngọt.

- Dạ.

- Tiền thưởng này chính quan Công sứ lấy ở quỹ mật mà thưởng cho chú đó. Ta muốn giữ phần cho chú nên ta cho gọi vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm thêm chút bổng mà dưỡng cái tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù là chú phải làm việc cho đầy đủ phận sự. Chớ để phiến đến ta. Ta đã trót khoe khoang cái tài chém “treo ngành” của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

- Dạ bẩm ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ, chúng con xin hết sức ra công chó ngựa. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Và chẳng gần một năm nay, không cầm đến mã tấu, em có điều hơi lạc mất đường đao.

- Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém “treo ngành”. Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được thì một lần cuối cùng này nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém người sắc tay của một người đầy tớ hầu cận ta là như thế nào.

- Dạ, bẩm Ông Lớn...

- Chú đừng nhiều lời. Đây này, ta cho chú mượn thanh quất của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn, cứ đưa cái tín bài này ra cho họ nom rõ.

Quan Đồng lý Quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy Bát Lê lĩnh thanh quất của quan Tổng đốc leo lên tường thành, xông xáo trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ mười hai tên tử tù đang nằm đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành mọc không có hàng lối nhất định. Ông Bát phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối mọc theo hàng lối

thăng. Y xoay cẳng, lấy bước chân đo những quãng trống từ một gốc chuối này đến gốc chuối khác. Tiến lên, lùi xuống, đo ngang, đo dọc, tự cho là tạm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Đây là cái khu dọn dẹp sẵn để nhận lấy sự thí nghiệm sau cùng của một đường đao bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quất trong mấy hàng chuối được chọn lựa kỹ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào thân cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một đường máu lúc phá vòng vây. Một buổi sớm, Bát Lê nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải, múa lưỡi gươm qua phía trái, thanh gươm hai lưỡi đã gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc Bát Lê đã ẩm ướt, và nhựa chuối chát thấm vào đấy, gặp ánh nắng sớm, đã xuống màu dần dần.

Trên đồng thân cây trơn ướt, Bát Lê vẫn làm việc, nhảy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ mỗi một cây chuối gãy gục xuống cỏ đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

Sống không thù nhau

Chết không oán nhua

Cây chuối đổ chắm câu cho từng câu hát, và văng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu chân thành.

Truyện được cập nhật nhanh nhất tại iread.vn.

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều. Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngồn ngang sự tàn phá, như một võ sinh sắp trở tài ở võ đài với sự phân vân lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận

lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dây chuối, tay phải cầm ngang thanh quất.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu: "Tiếng loa vừa dậy" vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dây bên phải. Đũa gươm mạnh từ cao soãi xuống theo một chiều chếc, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quất chỉ ngập vào chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quất bị ngừng ở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây cháy mù. Vừa giật lưỡi thanh quất khỏi thân cây đang từ từ lả gục xuống, vừa hát một câu nữa. "Hồi chiêng mớ mẩu" Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tầm cây chuối hàng đầu dây bên trái, Bát Lê thuận đũa thanh quất; lại chém xuống một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nữa như một thân hình người quỳ chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải, Bát Lê đã hát hết mười bốn câu, và đánh gục mười bốn cây chuối. Bát Lê quay mình lại, ngắm các công trình phá hoại của mình. Thì ở mười bốn cây chuối chịu tội kia, thân trên bị chém vẫn còn dính vào phần gốc bởi một lần bệ đập nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăm trum trên đầu, lau lưỡi gươm vào đấy, vuông vải lại dầm thêm chất nhựa xám.

Thế là xong một cuộc tập chém lối "treo ngành". Và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhận tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất, Bát Lê chốc chốc lại dừng bước và ưỡn mình về phía sau, ngắm cánh tay khằng kheo mình đang lăm lăm cầm lưỡi gươm.

Nội cỏ trước dinh quan Đồng lý Quân vụ một buổi chiều thu quyết đã đổi màu. Mọi khi, ở đấy chỉ có bê bò được thả lỏng khom cổ ngón áng cỏ tươi, bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quân ăn. Bây giờ ở đấy, người ta dựng lên một nhà rạp có tàn, có quạt, có cờ ngũ hành. Trước nhà rạp người ta đã chôn sẵn mười hai cọc tre bị vỡ gỗ

đóng mạnh xuống toét cả đầu. Đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo dẫu có nẹp đã tề chỉnh tuốt gương trần đứng thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất lại sáng hơn nền trời. Nền trời vẫn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái rợ. Những bức tranh mây chó màu thẫm hạ thấp xuống thêm và đè sát xuống pháp trường oi gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm. Tiếng gông bọn tù dây va vào nhau theo một nhịp bước rụt rè, nghe rõ mồn một như tiếng sên người chấp hiệu định liệu khiến bước đi cho cỗ đòan đám.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre. Trong giây lát đã buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Tử tù bị trói giật cánh khuỷu, quỳ gối trên mặt đất, khom khom lưng, xếp theo hai hàng chênh chếch nhau, châu mặt vào rạp. Những người giữ phần việc ở bãi đoạn đầu đang bóp hông, nắm xương cổ và tuốt cho mền sòng lưng tử tù. Họ cần om thế nào cho tội nhân lúc quỳ phải để được gót chân giữa đúng vào cái mẫu xương cụt nơi hậu môn. Như thế, tử tù sẽ phải rướn mình lên mà nhận lấy lưỡi đao thả mạnh xuống cái cổ căng thẳng. Tử tù lạnh người dần dần. Sinh khí chừng như đã thoát hết khỏi người họ. Trông xa, họ có cái dáng cứng thân nhiên của những tượng đã tạc hình người phỗng Chiêm Thành quỳ trước sân thờ các đình chùa nhà Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài Lưu thủy trường gần mãi lại. Rồi trong một giây phút mọi người lắng rõ tiếng sên tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và lính tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc có cuộc hành quân. Quan Công sức mặc đồ binh phục trắng có ngù kim tuyến đi sòng hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tỉnh, một người đi ghệt, một người đi ủng, đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của

pháp trường. Những tên lính tinh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tàn vàng tán tía lọng xanh.

Trăm họ dân đen bị bức đi xem chém không dám phạm thượng cúi gầm mặt xuống đất, nhìn cánh cỏ may chọc thủng vải ống quần.

Trong nhà rạp các quan an vị. Thầy thông ngôn người Nam Kỳ đứng khoanh tay đằng sau quan đầu tỉnh Lưu trú Pháp. Quan Tổng đốc nói trước:

- Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Bản chức rất mong rằng đây là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của Quan Lớn, cuộc trị an ở xứ này sớm định.

Quan Công sứ nhận chén rượu của quan Tổng đốc và rót một chén để tạ lại sự trung thành của quan Tổng đốc đối với công cuộc bảo hộ:

- Thiêm chức rất lấy làm hân hạnh tin cho Quan Lớn biết rằng Nhà nước Bảo hộ không bao giờ quên ghi công Quan Lớn vào công đầu trong cuộc bình định.

Hai quan đầu tỉnh uống đến tuần rượu thứ nhì. Bát Lê cầm gươm tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vái một vái, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhớm mình khỏi mặt ghế bành:

- Xin phép Quan Lớn cho ty chức được trình với Quan lớn một tên đây tở trung thành. Hẳn là tay đao phủ tại pháp trường hôm nay.

- Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy đó không?

- Dạ. Mà hôm nay sao hẳn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật đầu. Viên giám trăm và Bát lê cùng lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng. Dứt ối hồi chiêng mớm, thì một tấm linh hồn lìa khỏi một thể xác. Tùng! Bi li! Bi li!

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quất mấy vòng. Rồi y hát những câu tẩy oan với hồn con tội. Trong nhà rạp các quan chỉ nghe thấy cái âm lơ lơ rờn rợn. Viên Công sứ Pháp chăm chú nhìn Bát Lê múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những đầu tội nhân bị quỳ kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu phun lên kê phì phì, vọt cao lên nền trời chiều. Mà trên ánh cỏ hoen ố, không một chiếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm việc xong, không nghỉ, chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bấy giờ viên Công sứ mới nhìn kỹ cái thẳng cầm gươm mặc áo dài trắng, một dải dây lưng đều thẳng chẻ ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng hẳn không có một giọt máu phung nào vấy được vào. Lưu trú quan Pháp liền gật gù hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối chém treo ngành rất ngọt. Lưu trú quan Pháp thưởng cho Bát Lê ba cọc bạc đồng bà đầm xoè.

Lúc quan Lưu trú đầu tỉnh gần cầm mũ cáo về toà Sứ, quan Đồng lý quân vụ còn ân cần buộc thầy thông ngôn Nam Kỳ dịch cho bằng được:

- Bẩm quan lớn, chém treo ngành như thế này là phải lựa vào những lúc việc quân quốc thanh thản, số tử tù ít ít thôi. Gặp phải những lúc nhộn nhạo quá, án chém nhiều, tử tù đông quá, thì ty chức đã có cách khác. Là chẻ đôi cây tre đực dài ra, cặp vào cổ tù xếp hàng, nối đuôi, quỳ hướng về một chiều. Đại để nó cũng như là cái lối thanh tre cặp gắp chả chim mà nướng ấy. Rồi Bát Lê sẽ cầm gươm mà róc ngang như người ta róc mắt mía.

Lúc quan Công sứ ra về, khi lướt qua mười hai đầu lâu còn dính vào da cổ người chết quỳ, sân pháp trường sắp giải tán bỗng nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. Thường những lúc xuất quân bất lợi, tướng cơn lốc cuốn gậy ngọn cờ suý, cũng chỉ mạnh được thế thôi. Trận gió xoán, giạt, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi, và đuổi theo các quan đang ra về. Cái mũ trắng ở trên đầu quan Công sứ bị cơn lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn lộn mấy vòng. Mọi người liếc trộm hai quan thủ hiến và thì thào.

... Bấy giờ vào khoảng giữa giờ thân.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Chữ Người Tử Tù

Nhận được phiếu trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nhịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao? Hay là cái người mà vùng tình Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhòm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. A, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại

còn có tài bẻ khoá và vượt ngục nữa không?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

- Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi?

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ

mà thấy tiêng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào cũng bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngực quan bản khoản ngồi bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đấy đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngực tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thăm của nội cỏ đẫm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng cho cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thăm lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân giờ không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sớ trên cây đèn nền vợi làn mực dầu. Hai ngọn đèn bắc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục ngắc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa dâm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là bộ nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ. Ở đấy, trong giây lát

lại lập loè chút ánh sáng của con tâm còn thơm sạch. Người ta phải lấy làm lạ hỏi tại sao ngục quan lại không có một cái đầu trâu một cái trán dơi và một cái mặt khi. Trong thế giới khuyến ưng, khuyến phạt, cái bộ mặt quốc thước, nhẹ nhõm kia thực là một sự lạ lùng. Sự lạ lùng đó, trong bọn quan lại, người bề trên không chịu được và kẻ ti tiểu cũng không chịu được (1)

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mấy dòng này: “Ở đây, trong giây lát... kẻ ti tiểu cũng không chịu được”.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dẹt dẹt và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong treo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đồng cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn lại phải đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. “Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hẳn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đái ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hẳn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu”.

Sớm hôm sau, lính tỉnh dần đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngay trên sáu bộ vai gầy. Cái than gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắc lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ.

Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gõ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ mồ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước sơn dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại xỉn lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí:

- Rệp cắn tôi, đổ cả cổ lên rồi. Phải dỡ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông, đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đưa một câu:

- Các người chớ phải tập nữa. Mai một chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bấy giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy không ông lại phết cho bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thềm đá tảng đánh thuyênh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tẩm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy lạ lạ, đều nhắc lại:

- Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy để tâm cho. Hẳn ngoạ ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ “để tâm” có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mảnh khoé hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung:

- Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chơi nhiều lời.

Nguồn.n.: .iread.vn

Bọn lính dẫn cả ra, nhìn nhau mà không héu. Sáu tên tử tù có ngục nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thơ lại lễ phép nói: “Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biểu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm”.

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu văn thịch, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khoá cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn:

- Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất (2)

(2) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất sáu dòng chưa tìm ra được.

Ông đã trả lời quản ngục:

- Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng có đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông có ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợt một trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bi sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bức mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu: “Xin lĩnh ý”. Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không để chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục: “Hay là hẳn muốn dò đến những điều bí mật của ta?”. “Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận”.

Trong đề lao ngày đêm cửa tử tù đợt phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn đặng đặng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời khuấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huấn chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dụi bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho... cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một

người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai một đây, ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bút giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí ông vào Kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi đến, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện: “Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi”. Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hốt hơ hốt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về bảo chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đi phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói toả như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc toả cay mắt, họ dụi mắt lia lia.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

- Ở đây lẩn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy: thầy Quản nên tìm về quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụi xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chằm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

Viên quản ngục nhìn mặt chữ khô lần lần. Y sung sướng vì giữ được dòng chữ quý.

Y tự nhủ: “Tất cả nghề nghiệp ta, và có lẽ cả đời ta nữa, lái chỉ ở chỗ xin được chút kỷ niệm này”.

Nhưng, một tình buồn mênh mông đã len vào lòng sung sướng của quản ngục...

... Ít hôm nữa... pháp trường trong Kinh...(3)

(3) Văn bản in trong sách (1940) bỏ mấy dòng cuối dùng này: “Viên quản ngục nhìn mặt chữ... pháp trường trong Kinh”.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Vườn Xuân Lan Tạ Chủ

50 năm về trước, du khách ở vùng Thanh Hoá thường khi đi qua chỗ bến đò Ái Sơn, về hữu ngạn con sông Mã, nhận thấy ở vệ đường tay mặt một khoảnh vườn độ 4, 5 sào, xung quanh trồng toàn một thứ tre đặng ngà

Đáng chú ý nhất là cái cổng kiến trúc theo lối cổng bên Phù Tang hải đảo. Nếu khách biết chữ Hán và đọc được chữ thảo Bát tiên đại thủ đời Thanh, thời khách nhận thấy 3 chữ tên biệt thực viết phỏng theo lối chữ Tăng Quốc Phiên. Trên cái nền bằng gỗ lim sơn màu “cẩn rượu”, ba chữ thếp vàng “Tuý lan trang” như hoạt động trên miếng bạch thạch cẩn vào gỗ đỏ.

Chủ nhân “Tuý lan trang”, một vị hữu quan, từ ngày được nộp lại triều đình chiếc ấn vàng, lui ề chỗ huê viên, thường để hết thời giờ vào việc vun trồng, chăm chút một thứ lan rất quý, tìm tận ở Yên Tử sơn, hồi còn tại chức nơi tỉnh Đông ngoài Bắc. Hoa xưa kia, quen cái khí hậu nơi đỉnh núi cao; nhất đán hoa về nơi đồng bằng, hoa không khỏi một phen rầu rĩ với ngày nắng hạ, đêm sương thu chỗ xứ lạ mà lá úa giò gãy. Sớm, chiều hai buổi thăm hoa, chủ nhân lan viên chỉ lo hoa kia chẳng ở mãi với mình, mà cái công ngàn dặm chọn đất lành bọc cỏ quý quấy về quê hương sẽ lấy chi đền chuộc lại. Sau một hồi tàn tạ giữa lan viên, hoa lại bắt đầu cười với gió xuân về. Thoảng mùi lan đượm, ngấm lá lan xanh rờn trên mấy hàng chậu suý tuý lam lớp đất phủ lẫn vờ cùng hòn cuội trắng, chủ nhân như sống một cảnh đời mới. Rồi lan kia như cảnh tình người tri kỷ, ngày một thêm hoa và chả mấy chốc chủ nhân phải lùi lâu trang về một mé huê viên, nhường nơi đất tốt cho cỏ quý nảy ngọn thêm cành.

Chủ nhân lấy luôn tên giống lan đặt làm tên biệt thự, ngụ cái ý yêu hoa và tỏ cho khách qua đường biết vườn nhà đầy cỏ lạ.

Nhớ đến lời sư cụ chùa Quỳnh Lâm vùng tỉnh Đông dặn lại sau khi cho giống lan, mỗi bận xuân về, sớm sớm, chủ nhân lại phải co cả vườn Tuý lan say với hơi rượu thời cái vương giả hương ấy mới còn ở với người thế gian. Ngày xuân phải bón lan bằng hương rượu chủ nhân lại phải cho cả vườn Tuý lan say với hương rượu thời cái vương giả hương ấy mới còn ở với người thế gian. Ngày xuân phải bón lan bằng hương rượu, chủ nhân rất lấy làm sung sướng được gần vùng cất rượu ngon có tiếng ở châu Thang là làng Vĩnh Trị. Ái Sơn đối ngạn Vĩnh Trị và đứng ở Tuý lan trang trông rõ đê làng Vĩnh Trị. Những buổi sớm mùa xuân, mặt nước con sông Mã phẳng lặng như tờ, lại lăn tăn làn sóng nhỏ do mái trèo đập làn nước của một chiếc thuyền nan bơi từ bến Ái Sơn sang bến làng Vĩnh Trị. Bọn người sinh nhai chỗ duyên giang, dậy sớm đứng trên mạn thuyền để thở cái không khí trong sạch bình minh vui cười bảo nhau:

“Lại thuyền cô chiêu Tần bên Tuý lan trang qua Vĩnh Trị lấy rượu cho hoa!”

Phải, cô chiêu Tần-con gái ông chủ vườn Tuý lan trang đi lấy rượu về bón huê đấy!

Quan án Trần, vì cái thích chơi hoa, phải giảm những sự chi dùng trong nhà để có đủ tiền đặt thứ “rượu khê” cho hoa lan, trị giá hai quan một vò bên làng Vĩnh. Mà mỗi sớm, chèo thuyền đi lấy rượu theo lời cha dặn, cô chiêu Tần đã diễn ra trên dòng nước con sông Mã một cái cảnh tượng giống như trong tranh Thủy mặc của người Tàu. Một người con gái mà cái dáng điệu dịu dàng đã in theo khuôn nhịp chôn đài trang, tóc búi cánh phượng, áo mặc rộng tay màu thiên thanh, chân đi dép cỏ mà lại thực hành một cái ý nghĩ chan chứa màu thơ-ngày xuân cảnh sớm, bơi thuyền lấy rượu cho hoa-đủ làm cho lãng tử được thấy cái đẹp ấy phải đưa mình vào mộng.

Vươn mình trên con bạch tuấn, cậu ấm Hai nghì cương, xuống yên, buộc ngựa vào gốc thùy dương, rồi đi tản bộ đến một cái quán dựng trên đê. Ngồi trên bệ đắp hàng đất sét, cậu ấm Hai như chờ đợi một người và muốn giết thời giờ, luôn tay phe phẩy cái roi ngựa làm bằng cành liễu khô bẻ ở cổng huyện Đông Sơn là nơi cha ngồi chức Huyện úy. Cậu ấm Hai ngồi chờ cô chiêu Tần đi lấy rượu về. Ngồi đợi người yêu lâu quá sức đợi và khi cúi mặt nhìn nền mặt đất chực chỗ quán nước, cành liễu khô đập luôn luôn vào đôi má chiếc giầy tàu bằng nhung đen để gai xe tám sợi, không đủ cho người quên hết những ý nghĩ về thời gian một khắc một chày, cậu ấm Hai lại cất mình lên ngựa cho khuây khoả nỗi lòng khi vắng bạn. Con bạch tuấn được lỏng cương vể, cũng uể oải lê bốn vó trên đường. Vó câu một bước lại dừng, con bạch tuấn còn mê man những đám cỏ non của ngày xuân phủ kín mặt đê dài. Rồi vắng tiếng hát nơi đầu sông đưa lại. Cậu ấm Hai nhận được thấy tiếng người quen, gò đôi cương nâng cao đầu ngựa trắng; lỏng tay buông tay khấu, lần bước dậm đê, ngựa đã từ từ đi xuống nơi dốc chỗ bến đò. Cậu ấm Hai, cô chiêu Tần cùng nhau thi lễ: người xuống ngựa, khách dừng chèo, nơi giang đầu lại có cái cảnh tượng như hết cảnh tả trong bài thơ của Bạch Lạc Thiên .

- Xin lỗi công tử đã dầy công chờ tiện nữ. Dưới Nguyệt viên vào đám, đặt nhiều rượu ở bên Vĩnh Trị, nên hôm nay qua lấy rượu cho lan phải lợi lâu. Vậy công tử sang bản trang từ bao giờ?

- Án từ nơi huyện đã xong nên bữa nay gia nghiêm muốn qua Tuý lan trang xem hoa nở. Gốc trầm Quang Nam buộc ở đầu ngựa này sẽ dùng để đốt lên trong khi lệnh nghiêm và gia nghiêm cho phép tiểu sinh ngồi trì hồ.

- Quan Lệnh doãn cho công tử mang trầm qua Tuý lan trang như mỗi lần hội diện cùng gia nghiêm, thời bên bàn rượu, trước những giò lan nở, tiện nữ lại một phen được nghe lại tiếng đàn thập lục của công tử.

Quan Lệnh doãn huyện Đông Sơn là bạn thân và là khách quý của quan án Trần bên Tuý lan trang. Ngày còn làm kẻ thư sinh, hai ông già ấy,

đã cùng thi một trường, thụ giáo một thầy và xuất thân cùng một hội. Sóng nước bề hoạn, tuy không làm chìm đắm nổi khách công danh trong khoảng mấy chục năm trời, nhưng cũng đã làm cho hai người đời phen tơ tưởng lúc xa nhau. Hoạn hải từ ngày thuyền buộc bến, quan án Trần về ở Tuý lan trang, cho là một cái diễm phúc được vui tuổi già gần người cố hữu. Rồi muốn cho cái tình thân ấy được thân hơn một bậc nữa, đôi bạn già cái tình thông gia gây nên bởi cuộc phối hợp nay mai của hai trẻ. Đều là người hiểu rõ cái lẽ sự lẽ thói giả dối và thực hành không chịu uốn mình theo lẽ thói giả dối và thực hành cái luân lý khổ khắc với đôi trẻ thơ. Cho nên còn ở cái thời kỳ vị hôn phu và vị hôn thê mà cậu ấm Hai cùng cô chiêu Tần thường được gặp nhau và trò chuyện. Nếu cuộc đời cứ theo cái nhịp êm đềm mà đưa đôi già, đôi trẻ ấy đi với ngày lụn tháng qua, thời chân hạnh phúc của con người ta. Tạo hoá có lẽ dành riêng cho nhà họ Trần và nhà quan Lệnh doãn Đông Sơn. Lạc thú hai gia đình ấy ví có thời mé lâu Tuý lan trang bày chi thiên lệ sử; khách tài tình phỏng ngàn năm không để giận thời giống lan kia, còn cột mãi gió xuân về! Nếu hầu hết những hạnh phúc đều giống nhau ở chỗ ấm cúng, êm đềm, đầy đủ thời mỗi nghịch cảnh lại có bộ mặt riêng tùy theo cái đầu đón của người trong cuộc.

Truyện được .dịch tại .iREAD..vn.

Năm Ất Dậu, đời vua Đồng Khánh, vùng Hoai Ái phải qua cơn binh lửa gây nên bởi loạn Văn thân. Cũng có người lấy danh nghĩa mà dúng ta vào công cuộc phá hoại; nhưng vớt đầu cho hết những kẻ lợi dụng thời cuộc, làm cho thoả thích lòng dục trong lúc giao thời trắng đen không tỏ rõ. Cái thời loạn! Mà thời loạn thời trai thời loạn chứ sao? Cô chiêu Tần sống vào buổi non sông mờ cát bụi, đã đành trông ngóng cái thời bình. Cậu ấm Hai gặp lúc loạn ly, không những không có thủ đoạn của kẻ làm trai thời loạn, mà lại còn tỏ cho người thời ấy biết rằng một kẻ thư sinh chỉ có cái tâm hồn lãng mạn là một người chọn lầm thế kỷ. Chọc trời khuấy nước, trong khi người ta ham chuộng cái sức khoẻ mà chỉ biết có ngón đàn, hiểu có hồn hoa, thời ở tâm những tài tử, buồn, tủi, cực đến dường nào! Trước

những cái tin máu, xương thành sông núi trăm họ làm cỏ, hai trái tim thơ ngây, của cô chiêu Tần và cậu ấm Hai, đều đập chung một điệu hải hùng. Riêng về phần quan Ân Trần, thời thân già đã không lấy làm quan tâm đến vóc xương khô, còn những lo cho hoa, làm sao ngăn nổi gót chân đám người ô hợp nếu một mai chúng tràn đến.

Quan Lệnh doãn Đông Sơn lo việc tuần tiễu quân nghịch cũng thừa đi lại trên quan án Trần. Nơi Tuý lan trang, hoa thường vẫn nở, người thường vẫn không chảnh mảng việc vun xới cho hoa mà chỗ lan viên lần lần như đã thấy cảnh điêu tàn. Không phải tại người, không phải tự hoa; chỉ tại cái không khí nặng nề của thời loạn phảng phất trên chỗ hoa viên.

Một đêm kia, về quãng cuối năm Bính Tuất, mưa tuôn rả rích, gió thổi vù vù, một cái đêm đông đầy những sự bí mật tối đen.

Cô chiêu Tần, kinh động mở mắt dậy. Mé lầu trang lửa đỏ ngất trời. Tiếng người đi lại nhộn nhịp. Tiếng người quát tháo dữ dội. Họ nghét giẻ vào miệng cô chiêu Tần, rồi vục đi. Chỗ bến đò Ái Sơn, bốn chiếc thuyền từ từ dời bến. Đứng trên mũi thuyền có tiếng người con gái gào khóc, một người vạm vỡ mặc quần áo đen, quần khăn đầu rìu, tay cầm một cây “hông” đốt bằng giẻ tẩm dầu, soi sáng quắc mặt nước con sông.

Bên Tuý lan trang, lửa vẫn đỏ ngòn mà tịnh không ai cứu hoả. Tre và gỗ chỗ lầu trang thi nhau mà cháy trước những ngọn lửa xanh lè liếm quanh loài thảo mộc. Lúc mà ngọn lửa đám cháy không soi rõ những đám lan xanh rờn trên chậu sứ, thời canh đã sang tư. Đêm tăm tối buông một bức màn bí mật, lạnh lẽo lên trên chỗ lan viên tàn tạ. Chỗ đầu sông, đàn đóm lập loè nơi bến nước, gió đêm vi vục bãi lau già!

Sớm hôm sau, các người ở vùng đấy, ngồi triết lý sông, giữa hai ngum nước chè tươi nơi quán:

- Quan án Trần cũng vì bị kinh động, cảm xúc mạnh quá mà chết. Cô chiêu Tần, thuyền cướp mang đi. Cái biệt thự kia bị cháy ra tro. Cho hay sống vào thời loạn, cái phú quý và cái sắc đẹp cũng nhiều khi là cái mầm vạ lớn.

Từ khi Lan vắng chủ, từ khi hoa không người nâng giắc, giống cỏ quý kia cũng quyết tạ theo tri ky, thề không ở lại với thế gian. Và chẳng người giai nhân đã đi, cái hào hoa cũng tận. Cái thuật cất “rượu khê” bên làng Vĩnh Trị, cũng không ai truyền lại cho ai nữa, để lại một mối tiếc cho “làng men” mỗi khi nhắc tới cái phong vị hồi cận đại.

Sai cái đêm dữ dội ấy, cây cỏ nơi Túy lan trang đều một loạt ủ rũ như để tang cho người thiên cổ. Tơ liễu khóc mưa, tóc tùng reo gió, bóng tre lìa bụi, đều ngậm một cái tình buồn trước cái hương trời lặn lóc khoảnh vườn hoang. Lan đã biết tạ chủ, thời cỏ cây kia há kém ai!

Đê lại bên sông một khoảnh đất cao hơn mặt ruộng, đứng xa trông như một cái gò phát bằng ngọn, ngày nay, Túy lan trang chỉ còn là một chỗ đi về của đám mục đồng. Tụi trẻ kia không biết kính trọng cái âm phần của giống Túy lan khi yên giắc sau lúc tạ chủ, cho trâu bò giẫm nát cả mồ hoa!

Thiên “thảm sử Túy lan trang” cũng đi theo với thời gian và bị xoá nhào trong trí nhớ người đồng thời. Ngày nay du khách đi qua vùng Ái Sơn đất Thanh Hoá, nghe thấy những danh từ “Gò Lan tạ” và “Quán cậu Hai” phải hỏi mãi mới ra nghĩa cũ. “Gò Lan tạ” là nền tảng Túy lan trang và là cái nơi vùi hoa lan: “Quán cậu Hai” là nơi cậu ấm Hai nghỉ ngựa trước khi gặp người ngọc chỗ lầu trang, vẫn hết sức giơ cái thân tàn chịu lấy cái gió mưa nơi đầu bến. Gò, quán kia đã ghi vào trong tâm trí khách chơi hoa một cái kỷ niệm buồn rầu. Vườn xuân lan tạ chủ; đàn đóm lập loè nơi bến nước và gió đêm vi vạt bãi lau già...

Tiểu thuyết thứ bảy (1935)

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Những Chiếc Ấm Đất

Bóng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thủng thẳng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng con trẻ gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

- Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào

- Vậy chú vẫn đóng cửa chùa đó à? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ. từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kẻo nữa khách thập phương họ kêu đấy.

Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi xúng xính trong chiếc áo dài thâm, chân sáo lấm, tay bưng cái khay tiến vào tăng xá, vái sư cụ:

- Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.

Nhà sư già đã quen với những việc biếu và xin mượn này ở dưới cụ Sáu, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô xác, nụ cười không có gì là ấm áp thiết tha. Nó chỉ đủ là hiền lành thôi.

- Thế cháu đựng nước bằng cái gì?

- Dạ có người nhà quấy nồi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.

- Ai đi đà Phật? Năng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nhĩ chân đã. Để già bảo chú tiểu đưa tên bọc ra giếng. Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi; sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thu một ít lộc Phật

- Bạch cụ, cháu ăn mận ở nhà vẫn còn lửng dạ.

Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và vẫn chỉ cười rất thuần hậu.

- Chúa có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà tàu như thầy cháu thì cũng có một. Cứ nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lắm lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem là như thế nào. Nghĩ đến cái nhân duyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và kỳ lắm cháu ạ.

Thoáng thấy tên lão bọc đã quảy xong gánh nước đang ngơ ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảng xanh, người con cụ Sáu, với cái từ tốn của một thư sinh ngồi hầu chuyện bực phụ chấp đã xuất gia, liền vội vàng đứng dậy xin phép về.

- Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách uống trà. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang chờ nước.

Nhà sư già cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xoè rộng hết cả nan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu.

- Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.

Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:

- Ấy, ấy, thông thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nồi nước, lúc gánh đi đường xa nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nước vẫn mát.

Bọn xin nước bán chầu nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nồi nước tròng trành theo bước chân mau của người đầy tớ già đánh rỏ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình sao ướt nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài bò sát. Ví buổi trưa hè này là một đêm bóng trắng dài, và ví cổng chùa Đồi Mai là một cái cửa non dài thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần.

Ánh nắng già dạn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất. Giống như vệt khói nhờ, nắng vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cái thấp dưới chân mình, nhà sư già nheo nheo cặp mắt, nhìn cái nắng sáng loà. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi chuyển động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ. Gió nồm thổi mạnh, nhiều cơn, đã đem cả mảnh bụi trần kia vào lọt cổng ngôi chùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu, thử dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh còn vướng mãi vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu. Từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật Tam thế bằng gỗ mít đặt ở trên bệ và mấy pho kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đấy. Cái chuông treo ở trên nhà phượng trượng cũng là của ông cụ Sáu cúng vào hồi trùng tu lại chùa. Và mỗi lần nhà chùa lập phả khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu số. Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc, biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thịnh thoảng trong bọn khách đến chơi, ông cụ Sáu được sự cụ biệt đãi nhất. Tháng một lần, nhà sư lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư cũng chân thành tặng khách một rò lan Chu Mặc. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thế nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước mà chuyện vãnã rất lâu. Nhà sư ít nhời, trầm tĩnh ngắm bóng cụ Sáu rong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mát lạnh: chốc chốc lại vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rớt xuống,

tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tỳ tay vào thành giếng nhìn mìn rêu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thăm gần hai con saomf nói: “Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây. Tôi sợ dĩ không nghĩ được đến việc đi đâu xa được, cũng là vì không đem theo được nước giếng này đi để phật. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thề này: “Là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ lập tức cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểu tại sao ngọn đồi này cao mà thủy lại tụ. Địa thế chùa này, xem ra còn dụng võ được...” Chừng như cụ Sáu bàn rộng tới những chuyện không nên trao đổi với kẻ tu hành đã lánh khỏi việc của đời sống rồi, sư cụ nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay sai quả lắm. Rồi kéo cụ Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen với nhau, đã mười năm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay nhà chùa.

Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trắng rồi mà không thấy văn cảnh chùa uống nước thăm hoa, để cho sư cụ cứ nhìn mấy chậu Mặc lan rò trở hoa mà tặc lưỡi. Cùng bất đắc dĩ phải ngắt cắm vào lọ con vậ. Dạo này cụ Sáu chỉ chơi người hà xuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngắm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sư già thở dài cùng sư bác chờ đây: “Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tàu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏ được thì cũng thành một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phú quý nhỡn tiền không bằng một ấm trà tàu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tàu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ còn khổ đến bực nào. Phật dạy rằng hễ muốn là khổ. Biết đâu trong bốn đại dương nước mắt chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chẳng có một phần to nước mắt của một ông già nằng lên chùa nhà xin nước ngọt về để uống trà tàu. Mô phật!”.

Ông cụ Sáu, hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Người khách lạ vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích. Lê tròn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, người khách kể:

“Ngày xưa, có một người ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khát cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế mà hăn còn chọc lựa từng cửa rồi mới vào ăn xin. Hăn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho giá được mặt chủ nhân rồi có xin gì thì hăn mới xin. Có một lần hăn gõ gậy vào đến lớp giữa một hà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhà cùng một vài quý khách đang ngồi dùng bữa trà sớm. Mọi người thấy hăn mon men lên thềm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả, để xin tên ăn mày định giở trò gì. Hăn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người đang khoan khoái uống trà. Hăn đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi người ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bần thiêu quá, chủ nhân bèn hỏi xem hăn muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơn nữa, hăn lại muốn đòi xôi gấc, như kiểu người trong phương ngôn. Hăn gãi tai, tiến gần lại, tùm tùm và lễ phép xin chủ nhân cho hăn “uống trà tàu với!”. Mọi người tưởng hăn dở người. Nhưng tại sao không nữ đuổi hăn ra vào con gọi hăn lại phía bàn cho hăn nhận lấy chén trà nóng. Hăn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hăn nói xong, dở cái bị ăn mày của hăn ra, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ấm. Thấy cũng vui vui và là lạ, mọi người lại đưa cho hăn mượn cả khay trà và phát than tàu cho hăn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hăn định đùa định xược với bọn họ đến lúc nào mới chịu thôi. Hăn xin phép đầu đầy rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tổng sang chén quân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hăn là ăn mày, mặc dầu quần áo hăn rách như tổ đĩa. Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hăn nheo nheo mắt lại, chếp môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhà: “Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương xuống, thực kẻ ty tiện này không có điều gì dám kêu ca lên nữa. Chỉ hiềm rằng bình trà của ngài cho nó lẫn

mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm”. Hẳn lạy tạ, tráng ẩm chén, lay khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ẩm độ ẩm của hẳn, hẳn thổ cái vòi ẩm kỹ lưỡng cất vào bị, rồi xách nón, vái lạy chủ nhân và quan khách, cặp gậy tập tễnh lên đường . Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm kinh sợ người ăn mày vì, ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mười mảnh trấu”

Truyện được cập nhật nhanh nhất tại [-iread.vn-](http://iread.vn)

Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đấy, thích quá, vỗ đùi mình vỗ đùi khách, kêu to lên:

- Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này, thì tôi dám mời anh ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon. Nhà, phần nhiều lại toàn là ẩm song ẩm quý.

- Cổ nhân cũng bịa ra một chuyện cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước đấy thôi. Chứ cụ tính làm gì ra những thứ người lạ ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.

- Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hẳn mới sành thế và mới đến nỗi cầm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch Mao Hầu và trà Trảm Mã hẳn cũng đã uống rồi đấy ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một ẩm trà thứ hai nữa chứ. Chẳng nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ẩm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát thái rộng miệng vẽ Liễu Mã, ông khách nâng cái ẩm quần ẩm lên, ngắm nghía mãi và khen:

- Cái âm của cụ quý lắm đấy. Thực là ẩm Thế Đức màu gan gà. “Thứ nhất Thế Đức gan gà; - thứ nhì Lưu Bội; - thứ ba Mạnh Thần”. Cái Thế

Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.

Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giờ cái ấm đồng cò bay vào sát mặt khách:

- Ông khách có trông rõ mấy cái mẩu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu, họ gọi là cái kim hoả. Có kim hoả thì nước mau sôi lắm. Đủ năm cái kim hoả đấy.

- Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sôi không?

- Lại “ngư nhân, giải nhân” chứ gì. Cứ nhìn tắm nước to bằng cái mắt cua thì là sôi vừa, và khi mà tắm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

Chủ khách cả cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:

- Thịnh thoảng có đi qua tệt ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ. Mỗi lần gặp nhau, ta lại uống vài tuần nước. Hà, hà.

Năm ấy nước sông Nhị Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng, vụ đó dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nổi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên vẹn, hai mảnh giấy hồng điều đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:

Họ lịch sự như tên, phú quý như trời, quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu.

Ta trồng cỏ đầy vườn, vải hoa đầy đất, gọi hề đồng pha nước trước hiên mai (1).

(1) Câu đối này lấy của ông Tú Hải Văn.

Năm sau, quãng đê hàn khẩu, chùng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn tơ tơ như cũ. Nhưng lần này thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bột màu phấm mực, ngấn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùn ngang dày dặn.

Ông khách năm nọ-cái người kể câu chuyện ăn mày sành uống trà tàu, đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đấy, nhớ nhờ dặn của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tàu nữa. Nhưng người khách hỏi nhà ông đến, người khách đã bùi ngùi thấy người ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách: “Có muốn tìm cổ Sáu thì ông cứ xuống Chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xếp vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thế thôi”.

Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữacơm cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uốngtrà. Thịnh thoảng có xin được người nào quen một vài ấm, cụ lấy làm quý lắm: gói giấy giắt kỹ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra pha uống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhài, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bút lấy ít nhị đem ướp luôn vào gói trà giắt trong mình, nếu đấy là trà mạn cũ.

Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé vào nhờ gian hàng tấm của người cùng làng, bày ra trên mặt đất co đến một chục chiếc ấm mà ngày trước, giá có trồng ngay cọc bạc nén cho trông thấy, chưa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ, là cụ bán lũ ấm đất làm hai lớp. Mấy kỳ đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sát vào tai người bà con: “Có thể mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chẳng nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sau?”

Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúc bán nấp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt. Đó mới là cao kiến”

Cụ Sáu cười hề hề, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mê mê những cái thân ấm đất đủ màu, cái thì dáng giỏ dâu, cái thì múi na, hình quả vả, quả sung, quả hồng. Cụ đang bảo một ông khách:

- Thế nào tôi cũng tìm được nấp cho ông. Cứ phiên sau lại đây thế nào cũng có nấp. Không, đúng ấm tàu đấy mà. Nếu không tin ông cứ úp ấm xuống mặt miếng gỗ kia. Cho ấm ngửa trôn lên. Cứ xem miệng vòi với quai và gờ miệng ấm đều căn sát mặt bằng miếng gỗ thì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau không triềng, thế là đích ấm tàu.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Thả Thơ

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phủ bà vừa mất vào quãng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín mặt nấm mộ mới, thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Ví những luật lệ về luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới suối vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn chí tử. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha một người em gái bỏ cô mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre căn không đủ gây thành một bụi ấm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ ào ào thổi mãi.

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia phong. Nhưng ông Giời thích thừa trừ đã buộc ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu. Và những lúc này, người ta không mấy ai nói đến tài và hạnh và thường chỉ hay nhắc đến chữ phận và chữ duyên.

Tiếng trống phủ trên lầu canh cứ điểm những tiếng vô vị nào một tư thất lạnh lẽo. Gian nhà giữa cụ Phủ Ông đã thâm canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; chái nhà phía tây, cô Tú âm thầm ngồi vấn chuyện với bóng in trên lá màn vải xô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhoè những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tư rời phòng mình, qua gian giữa gây một lư trầm cho cha. Ở gian giữa tư thất liền có tiếng ngâm thơ:

Cứ đốt lò hương cho tới sáng

Thử xem mưa gió tới bao giờ (1)

(1) Rút trong Hải Văn thi tập

Nhưng có một đêm rất gần đây, tiếng trống phủ thành hết quấy quả canh dài cụ Phủ và cô Tú nữa. Người ta đã cáo quan về vườn rồi. Ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông già ngồi dạy trẻ và một cô con gái ngày ngày ngồi trong nhà gỡ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng già cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú sẵn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rỗi dùng thời giờ vào việc sao một lá số, gieo một quẻ bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

- Dăm ba tên học trò nhép này, lấy gì mà đủ sống. Trà tàu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác ẫn chưa bỏ được cái chứng thắp nến bạch lạp để đọc Đường Thi sách thạch bản thì phải lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rịt mũi thuốc chặt xuống nõ điếu, tiếp:

- Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòm son trong đĩa, chăm chăm nhìn bạn.

- Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

- Cũng khó lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên quan Đốc trên tỉnh, không mấy thắng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ càng hay chữ càng hay thua cay. Có lần đêm tôi mất đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

- Cụ Phủ dạy như thế thì nhầm rồi. Cứ gì phải được tiền. Và chẳng, người thua có mấy khi là người dốt chữ đâu, và kẻ được thường cũng không dám tự đắc lên mặt sành thơ. Ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

- Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu cố định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo và, vòng cho đủ chữ một túi thơ, kẻ cũng công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bày trò vui đó, e có mệt cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó can. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi. Chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ dốt chữ, họ thua thơ, mình ăn tiền của họ đã không lấy gì làm hứng thú lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

- Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ; kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dự vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nhà nho nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trò một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiều bán xã, mua quan viên cũng không ra ngoài cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác đọc lại các tập thơ cổ, tìm sẵn những chữ “vòng” chữ “thả” thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong và ấm tiếng lắm.

- Để tôi xem xem có nên không đã.

- Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy đệ xin đính ước với bác để tuần trăng sau. ừ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời, thả thơ thì tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tính tình và đỡ cho khoản nhật dụng.

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đôi trái núi đá. Cái buồn thấy đời là ngắn là ít, chớm qua lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài.

Truyện được dịch.h. trực tiếp. tại iREAD.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ đã được giũ lớp bụi ngâu và ra khỏi cái níp sách sơn son. Cụ Nghe Móm bắt đầu nghiên lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống Thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kếm vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vắt tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bầm. Rồi cụ ngồi nhóm dật, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đấy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch rồi rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đĩa và ngang to bằng hai nón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái còm dài lẫn thần hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

- Đừng nghịch, thầy trông thấy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đấy để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em viết câu: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần” đấy chứ? ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ “hướng” ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này câu: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần. Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: “Quân hướng Tiêu Tương, ngã “vòng” Tần”. Chữ “vòng” đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ “thả” ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: cố, tại, vong, phản và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái chí, trở mặt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp:

- Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn rồi sẽ biết.

- Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng hả chị? Lạy chị giảng cho một chút ừa, rồi các em xin đi ra bực học bài ngay, để chị rọc giấy.

- Trên đầu mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ phản. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn độ hở cái khoảng viết mấy chữ: “Quân hướng Tiêu Tương ngã... Tần”, với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ cố, tại, vong, phản, hướng em chọn lấy chữ phản mà đánh mà làm thành ra câu: “Quân hướng Tiêu Tương ngã phản Tần”, thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên đều ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

- Bây giờ các em nhón, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhá.

Đêm mười bốn tháng tám là cuộc thả thơ lần thứ ha của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bảy; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

- Trăm mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vầng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vầng trăng rằm, người tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đề chịu lời của ông già nhận xét là chí phải.

Vầng trăng mười bốn lúc chếc vè đoài đã in một cục bóng thắm và dài trên mặt con sông trắng và lạnh như thổi thiếc vừa nguội. Đây là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho hàng chục con người đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cỏi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tao đàn nào.

Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha. Cô bận tay đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất quê kệch mà lại túng vào chữ ăn tiền, cô Tú tùm tùm nhìn mãi nhà ocn đang vợ tiền, chừng như muốn bảo thềm người được tiếng bạc đổ chữ đó: “Đây ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ chữ nghĩa tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?”.

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt sông đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhở đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để cho con gái lớn gần quá lứa kén chồng.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Cụ Nghè móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm hay thua luôn. Và bọn đánh thơ thì ướ oải vợ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đổ chữ lấy tiền.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Đánh Thơ

Giữa quãng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoảng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hoá có ba người đàn bà rất đẹp và rất lãng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiểu xảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời.

Cái thời ấy là thời của nhà nước bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định. Nơi quê hương, vào hững ngày u hoài âm ỷ, gió Đông bắc còn gửi mãi về cái mùi diêm sinh đem từ ngoài bờ cõi vào. Nhưng, mặc kệ, dưới chân một nếp hoàng thành, bên bờ một con sông nước không bao giờ có sóng, mỗi ngày vẫn có ba người đàn bà ca hát từ lúc mặt trời tắt cho đến lúc mặt trời mọc. Tiếng đàn hát trên mặt nước một con sông nông lòng và không gợn chút tăm cá, đã vắng đưa ra rất rộng. Thấy thế, một vài ông già mặc áo vải, mỗi lúc chống gậy trúc ra bến, ngắm bóng nắng tàn rưng phía bên tả ngạn sông Hương, đã thốt ra những lời than thở.

Nhưng, giọt lệ già của người mặc áo vải rỏ rơi xuống thì cát nơi bãi sông cứ việc thấm hút và uống cạn. Và có một cái gì vẫn còn lại mãi mãi ở hai bờ sông Hương thì vẫn chỉ là những tiếng hát. Tiếng đàn hát của giai nhân.

Họ là một bộ ba có ba cái tên rất đẹp, rất thơ mộng: Một người là Mộng Liên, một người là Mộng Huyền và một người nữa tên là Mộng Thu. Ở Huế, những cái miệng tuổi tác đã bắt đầu theo thị hiếu mà nói luôn luôn

đến ba cái Mộng xinh kia và luôn luôn tấm tắc: “Thần kinh hữu tam Mộng”.

Giữa cái thế giới đàn sáo của thành đoio, ba cái Mộng xinh đẹp mỗi đêm rải rác ra mọi bến đò tản mát ở dọc sông hương, những cái sở đắc về thanh và sắc của mình.

Nước một con sông hiền lành đẩy nhẹ cánh hoa vô định lừ đừ trôi một mình theo những cái xoáy nước yếu đuối. Mỗi đêm, ba cái Mộng gõ một nhịp phách, bấm một dây tơ và để rồi phá cười lên vài trận. Để cho cái xã hội đàn ông mặc áo xanh ẩm ướt phải thèm muốn. Thế rồi trong một đêm tốt đẹp, có một ông Phó Sứ giữ lăng, đã đứng lên làm chủ cho một cái Mộng. Mộng Liên đã về hẳn với quan Phó Sứ.

Một cái miệng cười, mười ngón tay tháp bút trước kia là của chung thiên hạ, bởi vì nó không có sở cứ, bây giờ đã trở nên của riêng một nhà. Cặp vợ chồng ấy là một lứa đôi tài tử.

Ông bà Phó Sứ giữ lăng không mấy khi ở yên một chỗ.

Cái nghề của họ buộc họ phải xê dịch luôn luôn và mãi mãi. Suốt một dải Trung Kỳ, họ đi về như là trẩy chợ. Tới mỗi nơi, ở mọi chốn, quan Phó Sứ lại mở một cái túi đựng toàn bài thơ đổ ra cho mọi người đặt tiền và bên chiếu bạc văn chương, Mộng Liên lại đàn, lại ca để làm vui cho cuộc đồ đen rất trí thức này.

Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này ở một tỉnh. Cái chiếu bạc thả thơ của họ thường trải ở một phủ nha, huyện nha hay là nơi tư thất một đốc bộ đường. Bất kể lúc lên voi, lúc xuống chó, lứa đôi này đã để dấu giày trên mọi chốn và tha lê đi khắp nơi cái túi thơ và cái túi phách ăn người của họ. Họ nhờ và cổ thi, kiếm ra cũng được rất nhiều tiền. Nhưng cái giống lăng tử cầm tiền thường không nóng lòng bàn tay và có mấy khi họ nghĩ đến sự bảo hiểm

cho ngày mai của mình. Vợ chồng ông Phó Sứ chưa bao giờ nghĩ đến việc làm một cái tổ ở một chỗ nhất định nào.

Quê hương của họ là Cờ bạc và Đờn hát. Nhà cửa đôi lưu đãng ấy gửi vào trong cái truy hoan của thiên hạ. Cái lã trong đời bấp bênh của họ là ở chỗ nhiều người đã nhắc nhòm tới cái tên Mộng Liên và Phó Sứ, mỗi khi lứa đôi chậm tới hay là đã lâu rồi mà chưa thấy trở lại. Người đánh thơ được, người đánh thơ thua liếng xiếng, ai ai cũng đều nhớ đến họ những khi xa vắng. Hình như bấy nhiêu người đều nhận ông Phó Sứ là đáng mặt làm nhà cái cho những buổi thả thơ rất nên thơ; mở xong mỗi tiếng thơ có khi ăn thua từng mấy chục bạc, người ta đều ngâm đi ngâm lại câu thơ thả. Nhà con, nhà cái đều ngâm vang cả nhà, chừng như muốn thi nhau một cái giọng tốt, chứ đồng tiền mất đi hay thu về được gấp ba số đặt, thời có gì là đáng kể. Giữa hai tiếng bạc trên một chiếc chiếu la liệt những mảnh thơ đề, Mộng Liên đêm đêm kê đùi tựa má ông Phó Sứ, lại đánh đàn, lại ca Nam bằng, ca Nam ai.

Có lẽ không riêng gì ở một nơi, mà ở mọi nơi, những lúc sốt ruột chờ mong vợ chồng ông Phó Sứ trở lại với túi thơ, mỗi buổi gần giờ tan buổi hầu, những lúc việc quan thanh thảo, bao nhiêu thầy thừa phái ở các ty Phiên, ty Niết và những ông Hậu Bỗ, Thông Phán tỉnh, Kinh Lịch đã nói những câu:

- Quái lạ, sao cứ này hai ông mù đó đi lâu quá chưa trở lại thả thơ cho bọn mình chơi hề!

- Đánh thơ của lão Phó Sứ có cái rất thú là được thua chi chi, mình cũng đều lấy làm thích cả. Bởi vì lão biết chọn những câu rất hay mà thả. Mỗi lúc ngâm lên, cái hay của câu thơ đã làm cho bọn mình lạnh hết cả người.

- Chẳng thế mà quan Kinh, ngài đã mấy lần phải bán lương non, thua nhẵn.

- Chơi cái gì thì chơi, chứ đến cái lối đánh thơ thả, cái nghiệp những anh đã hay chữ lại thêm tự phụ, là chỉ mãi kiếp thua không còn lấy một đồng một chữ tiền.

- Và có nhiều đứa dốt cay dốt đặng, thì lại mới tay vợ tiền.

- quan bác có biết tại sao không? Đệ cho không có cái nào lợi hại bằng lão Phó Sứ. Hẳn lấy ý tứ ra mà do tiếng bạc của từng người. Nếu lão biết quan bác thích lối thơ liệu, đọc lên âm thanh và niêm luật tròn trĩnh, nhịp nhàng, thế nào lão cũng rình lão thả một đôi chữ rất quê kệch hay là khổ độc. Quan bác mấy khi lựa những chữ quê kệch mà đặt tiền. Vậy nên lão vòng những chữ rất ngớ ngẩn đó. Thế là quan bác mất nghiệp, nếu bữa đó, quan bác lại đặt tiền đến tột cửa. Và lão lại còn bán cho mấy cửa đánh những chữ ngô nghê mà lão biết trước sao mình cũng khinh rẻ.

- Kỳ tháng trước, quan Kinh phải đi khám án mạng ở vùng quê thành ra bỏ lỡ mất buổi thả thơ mà tôi rất lấy làm hứng thú. Ngài nghĩ, tôi đã bắt thóp được một câu do sự vô ý của mục Mộng Liên. Nguyên hôm ấy, lão Phó Sứ cho thả năm chữ: cầm, thử, đan, thiếp, sâu trong một câu thơ mà lão “vòng” chữ đầu. “Vòng tâm duy hữu dạ đặng tri”. Kể cũng khó đánh đấy chứ. “Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ, biết cho tấm lòng gì?” Lòng đàn? Lòng son? Lòng một theiêu phụ? Lòng sâu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mục Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ cầm, rồi mục thánh thót bầm khẽ mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ cầm ngài ạ. Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đũa cho vợ gỏi, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng nên lão mới thả chữ cầm. Và đánh chữ cầm, thế nào cũng ăn. Hôm ấy, tôi đặt hai chục được sáu chục và muốn tỏ ý cảm ơn người đánh đàn một cách kín đáo, hôm sau tôi đã mua biểu Mộng Liên một cây đàn nguyệt có bốn cái trục bằng ngà voi nấy. Đấy, chơi thơ, nhiều khi tâm lý nhiều vào là ăn.

- Tâm với lý gì. Có biết thơ thả, lão Phó Sứ thường mau lại của ai không? Mua của Tào Sắt bên phủ Tuy Lý Vương! Hai ba đồng, tiền công

vòng một trăm câu. Thơ Tào Sắt mà thả, thì đừng có hòng mà ăn.

- Nay, các ngài có được rõ câu chuyện lão Phó Sứ dám thuê thợ bên Tàu khắc riêng cho mình mấy tấm thạch bản in thành một tập thơ mỏng không? Lão ra khuôn mẫu cho họ in nhiều câu có những chữ lạ, rất ngộ nghĩnh và mỗi khi đem câu đó ra mà thả thực không ai ngờ đến. Nhưng chỉ có khi nào đánh to lắm, lão mới giở đến bí thuật này. Lão tìm đến những quan toa và có tiếng là hay chữ lão mới thả một hai câu thật gay go. Các quan thua, đòi lão phải dẫn chứng cổ thi, lão giả vờ bịt tên sách lại, che kín lề, mép và gáy cuốn thơ, chỉ cho xem đủ cái câu thả đó và đứng đĩnh, tùm tùm trình với cả làng rằng đó là một câu thơ Tống. Thật là rõ ràng chữ thạch bản, chữ tuy nhỏ bằng con kiến, nhưng đeo kính vào xem, chữ không nhòe lấy một nét. nhiều người thua cay, thường chỉ tự trách mình xem cổ thi ít quá và tặc lưỡi kêu: “Cổ nhân dùng chữ úp mở uyển chuyển úa đi thôi. Họ cậy có tài, tự cho mình cái quyền hạ những chữ quá lắt léo, đem cái quyền lực của sáng tạo ra mà làm bọn mình đảo điên cả nhận thức và cả tiền bạc nữa. Còn ai biết đặng nào mà lần nữa”. Ấy một năm lão Phó Sứ dùng lối thả thơ sanh tử như thế độ một đôi lần, đủ gỡ lại nhưng bữa thua to. Chà! Nhưng mà nghĩ lắm lúc cũng tội. Vợ chồng họ nhiều khi thua nhẵn. Lắm bữa không có lấy một chữ tiền mà thừa dây đàn nữa. Và hai ông mụ phải vờ cáo bệnh nằm bệt một nơi có khi đến hàng tháng.

- Cụ Tuần trước ở đây, chơi không được lịch sự, thành thử vợ chồng ông Phó Sứ họ cũng đâm nhờn. Ai đòi đi mặc cả với họ mỗi buổi đánh thơ xong, phải đưa cho mình một số nhất định là bao nhiêu, mặc dầu họ thua hay là được. Không những thế, Cụ lại còn quấy nhiễu họ giữa những tiếng bạc lớn. Lấy tiền nhà cái, lúc năm đồng, lúc mười chữ, tẹp nhẹ quá. hình như cụ còn chót nhả với cả mụ Mộng Liên nữa.

Bạn đang đọc-c truyện tại- iREAD.v-n

- Thì cũng phải lấy hồ chút ít chứ sao? Có thể thì những buổi hội giảng đầu tháng bên tòa bên tỉnh xong, Cụ mới giữ các quan phủ huyện lại

cho chớ? Vậy chớ ai trả tiền những năm rượu linh đình giáo đầu cho mỗi cuộc thả thơ?

- Cái ông huyện Bình Khê, người trông đứng đắn thế vậy mà nhảm lạ. Ông ta chúa hay vờ vĩnh. Nhà cái chưa thả thơ xong, ông cứ vờ vĩnh giục ồn lên những là lâu và làng đặt tiền chạ như thế thì một đêm, phỏng thả được mấy câu thơ. Thế rồi ông vờ lấy lá thơ đặt ở giữa chiếu, dọa mọi người nếu không đặt tiền nhanh lên thì iông thối tuột lá thơ r và xin làng, nếu nghĩ lâu quá, thì đợi đené câu sau hãy đánh vậy. Mỗi lần ông cầm lên đặt xuống lá thơ, cái mẫu giấy tàu bạch cuộn tròn như tổ sâu kén lại nói giãn dần ra một chút. Và ông đã hé nhìn được chữ gì viết trên đầu giấy, cuộn tròn tận vòng trong cùng lá thơ. Mắt ông ta nhanh như cái cắt. Có lần ông Phó Sứ vòng một chữ bút, ông huyện vờ xin thối thế nào mà nhìn được cái nét số dài. Rồi là có bao nhiêu tiền đem đặt vào chữ bút đến tột cửa! Nhưng, mục Mộng Liên xem chừng cũng hiểu, nên mỗi lần sau, ông huyện Bình Khê động tay vào lá thơ là mục lại buông tay đàn, chặn lấy giấy và nhìn trừng trừng vào giữa mặt ông huyện có tính gian giáo kia.

Đêm hôm đó người ta bày cuộc đánh thơ ở nhà ông Kinh Lịch. Mọi người tụ tập ở đấy đều lấy thế làm vừa lòng. Vì ít ra, ở đây, người ta cũng chơi bởi có phần được tự nhiên hơn ở trong dinh các cụ. Ông Kinh Lịch là một người trọng cái sạch sẽ của tâm hồn, nói to cùng mọi người là ông không thua tiền hồ. Ông chỉ yêu cầu ai được thơ nhiều nhất thì nên cho người lão bộc nhà ông một số tiền nhỏ mọn để đền lại cái công nó làm dầu, làm đèn, nấu cháo và bưng điếu. Ông Kinh lại còn khấn khoản với mọi người đừng nên làm huyền não nhà cửa lên. Ông vui vẻ nói:

- Đã hay rằng vớ được câu thơ hay, ai ma chẳng muốn ngâm vang lên. Thứ nhất lại ngâm vang câu thơ thả mình vừa đánh trúng cái chữ hiểm hóc, thì ai mà bụm miệng được. Một người ngâm, cả làng phụ họa vào, ồn ào bằng võ chợ, cái đó cũng là thường tình. Nhưng, tôi xin các ngài biết ho là

chúng ta ở trong thành, gần ba dinh Cự Lớn, mình không nên lám náo động quá. Bình khe khẽ, đủ nghe với nhau thôi.

Cả một lũ con bạc lên mặt tài giỏi, nhìn ông Kinh Lịch cười hóm hình và khoan thai bước vào chiếu giữa. Ông Kinh Lịch châm thêm dăm bảy cây sập nữa đã gần sẵn vào để đèn đồng. Tất cả thành thử đến hơn mười cây nến, chung nhiệt độ lại để tăng bốc cái mùi thơm gắt ngát của một bình hoa rộng miệng chứa gần trăm gốc huệ trắng. Hoa huệ mãi khai cuộn cong đầu cánh trắng lại như những râu rồng và gặp tiết đêm, gặp sức nóng của nến cháy, của người thở mạnh, của hơi thở dồn vang càng hết sức nhả mùi hương. Không khí đều là huệ hết cả, có người rít mạnh mỗi thuốc lào, đã lầm rằng thuốc của mình là ướp ủ bằng hoa hệ. Hơi huệ ngùn ngụt bốc lên, quyện lấy mùi dầu dừa nơi mái tóc Mộng Liên. Mộng Liên mặc chiếc áo màu hỏa hàng ngồi ép sát vào chồng, mặc một chiếc áo lụa năm thân nhuộm màu khói nhang đọt chỉ trứng rạn. Ông Phó Sứ vừa gỡ túi thơ vừa hỏi làng.

- Dạ thưa, có đánh thơ cổ phong không? Và có đánh chữ chân không?

Một con bạc ít tuổi và chừng như mới tập tống lối chơi chữ này, hỏi lại:

- Đánh thơ cổ phong? Thôi, nếu thả thơ cổ phong thì anh em ở đây đưa tiền cho ông tiêu hết. Còn đánh chữ chân là thế nào?

Ông Kinh Lịch đang nằm bên khay đèn, ngồi nhóm dậy nói chỗ xuống chiếu dưới:

- Cái ông Thừa nhà tôi đến hay lắm lắm. Đã đi đánh thơ đòi ăn tiền thiên hạ, còn hỏi lục vấn thế nào là chữ chân. Thưa ông, câu thơ bảy chữ, đem vòng chữ thứ bảy cuối cùng cho làng đánh, thế gọi là đánh chữ chân ạ.

- Nếu thế thì đánh cả chữ trắc và cả chữ bằng à? Thôi, xin làng cứ theo như lệ mọi khi ma đánh. Đây chúng tôi không phải là thi bá, không dám

đánh chữ vắn, chữ chân.

Ông Phó Sứ và Mộng Liên nhìn nhau cười; vợ chồng có ý bảm thăm nhau rằng làng cũng khôn đấy nên mới không dám trêu vào lối đánh thơ hiểm hóc này.

Lá thơ đầu tiên đã ra khỏi miệng túi gấm vắn khư khư nằm trong tay Mộng Liên. Cả làng chăm chú nhìn và ngậm ngội và ngẫm nghĩ. Cái gì mà “...thượng, mai khai, xuân hựu lão”? Cuối lá thơ thả, có sẵn năm chữ thả viết xương kinh: tái, sơn, đình, mộ, Văn. Cả làng ngậm:

- "Vòng" thượng, mai khai, xuân hựu lão

Vắn lời cái ông thừa trẻ:

- Tái, sơn, đình, mộ, Văn. Ta đánh chữ tái: “Tái thượng, mai khai, xuân hựu lão”. Hoa mai... nở trên mặt ngọn ải... xuân lại già nữa.

Ngẫm ngội lâu, ông Thừa trẻ trở nên do dự. Thấy ông Thông phán tỉnh, người có tuổi và vốn sành về môn thả thơ, đánh chữ Văn ông tỏ ý ngạc nhiên:

- Văn thượng, mai khai, xuân hựu lão. Quái nhỉ! Sao lại Văn?

Rồi ông Thừa cứ mân mê mãi cọc tiền, không biết nên đặt chữ gì để ông Phó Sứ phải sốt tiết lên cắt nghĩa hộ cho bằng vẻ lễ phép ngụ nhiều ngạo mạn kín đáo.

- Thưa ngài, Văn là con sông vắn chảy qua đất Lỗ, quê đức Thánh Khổng. “Mai nở trên sông vắn, xuân lại già”: Cụ Phán tỉnh đánh thơ như thế, câu đó ngài cho làm lạ lắm sao?

Và, xem chừng cả làng cũng không có một ai đánh thêm được đồng nào nữa, ông Phó Sứ xin làng cho phép ông được thối lá thơ cuộn tròn để

tuyên bố cái kết quả tiếng bạc đầu tiên. Ông đã nhẹ nhàng cầm lá thơ, phồng má định thổi phồng một cái. Một vài người vội vàng rút thêm tiền đặt vào mấy chữ tái, sơn, đình. Chỉ có chữ mộ là không ai đánh cả.

Mộng Liên ngồi đánh được một phần ba bản đàn Nam bình (1)

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất bốn dòng chưa tìm ra được.

Thế rồi tiếng bạc mở.

Và cả làng đều ngã ngửa ra khi đọc rõ lá thơ kia là câu: Mộ thượng, mai khai, xuân hựu lão”. Cả làng nhao nhao:

- Ô, cổ nhân dùng chữ ác thật. Hoa mai nở trên nấm mồ, xuân càng già. Thơ phú thế có giết người không? Ai biết đặng mồ mà lần, mà đoán.

Ông Phó Sứ trước khi vợ tiền cả làng, vì không ai đánh chữ mộ, ông đã vội trình với làng một trang sách thơ mở rộng. Và tay vừa chỉ một dòng chữ in nhỏ, mồm vừa nói:

- Thưa làng, câu này ấy ở bài Tọa phóng hạc đình của Từ Dạ.

Bao nhiêu bộ mặt tâng hăng đều cúi cả vào trang cổ thi và ề à ngâm lại:

- “Mộ thượng mai khai, xuân hựu lão; Đình biên hạc khứ, khách không hoàn”. Hay, hay thiệt.

Ông Kinh Lịch đêm ấy thua to. ông truyền cho người cuốn chiếu bạc và ân cần dặn vợ chồng ông Phó Sứ thán sau có trở lại thì thế nào cũng hải tổ chức cuộc thả thơ ở ngay nhà ông cho ông gỡ lại. Ông còn năm nì xin ông Phó Sứ làm quà cho mình tất cả những lá thơ đã dùng đánh suốt một đêm qua. Thấy nhà cái trừ từ, ông Kinh Lịch nói dối:

- Có cho, thì tôi giữ làm chút kỷ niệm.

Ông Phó Sứ cười, trao vào tay ông Kinh mấy chục lá thơ đã dùng đến nhàu nát rồi va thắt chặt lại miệng túi gấm còn đựng đến gần trăm lá thơ khác chưa dùng đến còn phong kín cái bí mật một chữ thơ. Rồi nhà cái nhà con chấp tay từ biệt nhau với một câu đính ước: “Cữ thượng tuần tháng sau, xin lại gặp nhau ở đây nữa”.

Nhưng ngày thượng tuần tháng sau, ông Phó Sứ và Mộng Liên không trở lại. Rồi quá cữ trung tuần, rồi qua luôn cả cữ hạ tuần. Nhiều khách thả thơ đã đầy công chờ đợi vợ chồng ông như một cái bóng chim như một cái tằm cá.

Một hôm, có người ở Kinh ra, nói chuyện cùng ông Kinh Lịch:

- Ông Phó Sứ hết ở chân Đèo Ngang rồi. Mộng Liên giờ là người góa và đang lúng túng tìm người giữ cho cây đàn. Số là đi qua Hoành Sơn quan, thấy cảnh đẹp, lòng sinh tình, hai ông mụ đã yêu nhau giữa vùng trời nước bao la. Ngay chỗ dưới chân ngọn tường ải có chữ “Đệ nhất hùng quan” của đức Thánh tổ ngự phê ấy, ông ạ. Trúng cơn gió độc, ông Phó Sứ đã hóa ra ma chết đường. Mộ để sát ngay bên đường thiên lý. Cái giống ma trời này, sẽ thiêng vô cùng. Rồi đây những lúc thanh vắng, những lúc trăng bãi gió ngàn, hồn ma tha hồ mà trêu ghẹo khách bộ hành vô Kinh đấy ông ạ. Cấm cảnh cho lão, đâu có bậc thời sĩ quê vùng Ngũ Quảng có làm đôi câu đối điệu. Xin đọc ông nghe:

Ra Bắc vào Nam, trăng gió đề huề thơ một túi.

Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Ngôi Mả Cũ

Thành ra cái hồi cụ Án nhà mấy thì cậu mới có ba tuổi.

- Dạ.

- Thế cậu không rõ cái người phân kim cảm huyết cho cụ Án hồi ấy là ai à?

- Dạ, thưa không.

- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bờ cô cha, bờ cô mẹ, sống cái tuổi thơ ấy giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc đèn sách, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hỏng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Câu hiều ngồi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giật lùi về cái hồi còn nhỏ của mình. Cụ Án ông mất, cụ Án bà cũng mất theo liền. Cách nhau không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... Mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài còn con... Một mình ở với chị, lúc ấy chị mới có mười hai tuổi... bấy giờ lại đang loạn lạc. Trăm họ tan lìa... Bao nhiêu ông già bà cả chạy giạt vào cái thăm thẳm của rừng Hưng Hòa. Màn trời... có những vòm lá cây âm u. Chiều đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bỏ với những đàn kiến lửa nối nhau ngày đêm bò liên liền như là quan quân đi tiêu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa cảnh ly loạn, cậu Chiêu hình dung thấy rõ mồn một, một cái đứa trẻ bờ cô rất đáng nên tội nghiệp kia. Cậu đấy. Ừ, tưởng là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến

bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một người con quan lúc bấy giờ thật đã khốn cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói và uống. Càng nói chuyện, cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều. Mỗi lúc hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

- Dạ?

- Thưa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiếu đất của ngày bé bỏng. Dưới cán màn trời triền miên những kinh động ngỡ sợ, ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm màu tang. Trên cái chiếu đất dằng dặc mùi côi cút, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lẫn lút. Có những ngày liên tiếp cậu Chiêu và chị- cô Tú –phải nấu củ rừng ăn với cháo chó,-những con chó trung thành cùng theo chủ vào ruột rừng Hưng Hóa.

- Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngôi thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chồn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

- Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại quên được mồ mả cha ông. Và chẳng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

- Ờ. Đấy là xứ Đồng Cồn phải không? Từ ta đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

- Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đồng ba thì tình mơ đi, độ quá giờ ngộ đã tới.

- Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ Án thế nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hỏng hết. Ai lại tọa như thế, hưởng như thế bao giờ. Minh đường có mà thành ra nghịch thủy hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm cụ vừa bưng đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ hồ qua giường bên nghỉ.

Bấy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong qua bên chái buồng cạnh. Cô Tú ngừng tay gieo thoi trên khung cử vải, vuốt mái tóc xuề xòa dưới vành khăn nâu mở quạt.

- Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chần đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nộm khoai cho tương, chị để phần cho em một ít đấy.

- Em nhớ ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả xán lạn rồi. Bởi vì đời đã sớm đòi hỏi cô nhiều về bốn phận. Có nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu em đi thi được và làm nên được. Ở trong cảnh cuối cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày dệt vải, và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng. Những lúc rời tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngầy ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hối lỗi vì những lúc là phiền lòng cô Tú mà cậu coi như là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy âu yếm và thừa đứ tin vào mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rau dưa, đưa tắm nước cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa. Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột:

- Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai lửa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

- Em coi chừng lời nói, kéo cụ Hồ nghe thấy thì uổng cả cái bụng thành kính của mình đi.

- Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện nếu không phải là thứ một lạng đựng vào cồng thì không hút. Gớm, không hiểu ông cụ Hồ để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn ai vòng như râu rồng. A chết chữa, hình như hôm nay quê không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

- Có trong kia rồi.

- May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ gặt gồng mỗi khi bưng thau nước ra mà không kèm vài quả chanh sao?

- Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em. Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

- Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiều đãi được chu tất. Nhưng em chỉ sợ cụ cứ ở lý mãi đây, hết trông trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

- Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, khối người giàu có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo. em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

- Vậy hở chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

- Cự Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà có biết vì nhiều lần chú Thủ có nói đến rồi. Nhưng chị quên...(1). Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lụa chập ba sợi xe làm một rồi mới dệt, rồi mới nhuộm đen. Đấy, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viên chung quanh lá cờ to tướng là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn là tướng quân Cờ đen, mỗi lúc cụ trương lá cờ đầu khi xuất quân, trông oai phong lắm liệt. Bên thắt lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu súng thập bát hượng bắn một lúc những mười tám phát liền (2).

(1) và (2)Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ hai dòng chưa tìm ra

Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tàu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều, là chính vào lúc quân Cờ Đen có cái tục tế cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

- Cự Hồ mà tài giỏi và dữ thế kia?

- Vậy mà những lúc việc quân thông thả, cụ mặc áo dài “sường sám” đội mũ “sường chí” có quả bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong dinh với thầy, thì trông nhàn nhã và văn vẻ lắm. Cự Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân có mác như chữ lá thiếp. Bao giờ thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quản, chỉ thẳng vào đầu mũi và cùi tay không tí xuống văn kỷ. Nên những nét rất khoẻ và rất thẳng. Hôm nào em giở cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thế một ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính chỉ đáng

trọng mộc cách vừa phải mà nhiều khi còn gượng ép nữa kia, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử bọc quanh một lão tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gần kề và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết gì cả.

Giàn bầu nậm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chặt ô giàn nửa. đã làm dịu hẳn cái nắng tháng tư ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sàn bị cái cốt xanh ngát của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn và vờn vào áo vải trắng dài cậu Chiêu đang ngừng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thông xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của người phong lưu và đa tình. Đây là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đây là màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa.

Gió nam từ ngoài lũy tre già thưa đưa vào, làm va đụng vào nhau bình rượu của tự nhiên. Những quả bầu mà được cứng lần cùi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đẩy những bình rượu ấy văng cụng vào nhau, người ta sẽ nghĩ ngay đến cái hình và cái tiếng của lũ khánh đất nung và cá đất nung ở cái sân cây cảnh một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nậm. Lúc buồn tay, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng nước ọc ạch. Trông sượng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Chẳng trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi được với lũ bầu nậm lòng thông trước khung cửa sổ như nhắc nhở một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Giờ chiều, đứng nắn bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy có hứng thú. Vì cậu đã bắt đầu mến được ông già Hồ. Trước kia cười ngựa, cầm cờ, đánh Tây, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng cách tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rồi thì uống một đôi rượu của những người biết nhớ ơn mình.

Truyện.n. .được cập nhật nhanh nhất tại iread.vn

Xé mảnh vải điều, buộc vào cái nấc ngãng quả bầu, cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê: “Thắt chặt dây lại tị nữa, thì dáng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhón được theo chiều dài. Trôn quả này méo sẽ làm tội mình ngày mất buổi ra đây nắn mãi cho nói bợt tạt đi”.

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nắm cái quả bầu mình đã rấm sẫm từ tháng trước, liền nói:

- Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa?

Cô Tú nghỉ tay thôi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời em:

- Dạ thưa cụ, cảnh nhà nghèo bí, cũng chẳng còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biểu cụ gọi là đèn đáp mới được có một chút đó mà thôi. Sau này nếu trời thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hồi lạ, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ quả bầu nậm ở giàn này, chỉ là mẫu vẽ trước của một cái bình bằng ngọc thực mẫu này chúng tôi phải kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thương thức cái câu cô Tú nói một cách trung hậu mà cũng rất văn hoa. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã mở to, đã đầy dần. Rồi vầng trăng tròn vẽ lên trời, lần thì quầng, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre, những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng tháng tư đã gần hết một tuần. Trong cả một cử tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải, để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em trầy xuống Đồng Cồn, nơi để

phần mộ cụ Ân ông-cụ Ân cha mình lúc năm xuống trả lại lộc cho Triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thổi cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bọn người già nua kia đều kính cẩn chào.

- Các bác đã xuống đấy ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đò ba. Cụ đẩy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

- Đồng Cồn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, Trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

- Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đò ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

- Thưa cô, thế là về tận Hà Nội?

- Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

- Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đò ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng quan Ân nhà nhiều chuyến lắm. Cụ ngày xưa thường có sẵn sóc đến anh em chúng tôi. Giữa là ngày mùa, nhưng được tin cô gọi, anh em cứ xuống ngay là vì anh em nghĩ đến cái tình quan Ân ngày xưa hay thương đến. Còn tiền nong, thôi, cô cho thế nào cũng được. Chúng tôi không dám kỳ kèo.

Họ ăn trâu, vừa thổi lửa nùn rơm vắn ăn thuốc lào, vừa ngồi xồm thưa chuyện bên khung cửi. Thoáng thấy cái ngáng bông ngà gác ở trên cột bương, họ lôi xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

- Này bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng vông điều của quan Án ngày trước. Nó sút mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lấy bẫy trượt chân, ngã khụy xuống. Một đầu đòn cắm hẳn vào bùn. Vỡ cái nấc chạm rỗng.

Một người quay lại phía cô Tú:

- Cụ Án nhà kể ra là người có bụng thương kẻ dưới lăm. Con tưởng cứ kể như vị quan khác, thì đến làm tội chứ chẳng phải chuyện chơi đâu.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngà giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thẩu đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm ấy là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sỏ lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ hôm nay lấy cái bộ áo lễ chí sấu ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tàu lăm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có nét mặt và dáng dấp của người goá trẻ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô, chiều bữa nay oằn nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thình thoảng cô quay mặt ra ngoài hỷ mũi kín đáo. Rồi co lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười nói, uống rượu.

- Cô Tú lần thân lăm. Ông Giời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc lên thành tiếng. Cụ Hồ nói tiếp:

- Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiểu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ... Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chưa chắc đã giữ nổi, thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mười năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy giờ mới là lúc cô tú nên nói đến việc đền đáp công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ Án nhà lúc sinh thời quý nói ăm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ Án nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú giùm giúp cho chúng. Cái đức nhà tôi xem chừng cũng bạc thế thôi. Có lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vừa đứng dậy, vừa sụt sùi, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kẽ tráp để chén khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô và ruột đã tộp lại. Quả bầu mới hạ khỏi giàn được mấy bữa.

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát, đã gác đầu đòn lên mấy cái trấu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ Trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn có vẽ bát quái đồ của ông thầy Tàu.

Mấy người bộ hành có vẻ học trò nghèo, ngồi ăn bánh ở quán, đang đồ nhau đối một vế câu đối mà một người vừa tức cảnh nghỉ: “Ngồi nghỉ Trạm Trôi ăn bánh trôi”. Ông cụ Hồ xoè cây quạt thước, quạt quạt và bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tưởng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đặng đặng của mấy thôi trạm trên đường xứ Đoài, ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay

đụng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tướng, họ lại vén cái rèm cáng, ghéh cổ ra ngoài nói chõ sang cái cáng đồng hành đi ngang hàng.

- Xa cứu bình bát.

- Tốt thất tiến nhất.

Bây giờ ngồi sát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ con một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

- Cậu rời ngày sau khá. Cứ một cái lối đánh cờ của cậu tôi cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bắt bóng, chiếu rú, có vẻ tài tử lám. Tôi nghiệm ra cậu không hay trình chiếu bí. Đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đẩy. Rồi cậu có nghiệm mà xem, trong mười kẻ tầm thường nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghéh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ Trạm Trôi đã lùi lại trong nắng loà của trời hè. Hai chiếc cáng vẫn hấp nô xuôi về phía phủ Hoài.

Gần tới phủ Hoài thì xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang.

- Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập được vào cung. Một con tốt lọt qua sông là cái giá trị nó bằng nửa sức con xe rồi. Ở đời không nên khinh thường cái gì. Con tốt mà sang hà, tức là đưa tiểu nhân lúc đã đắc thế. Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xoà, cụ Hồ mệt mỏi chợp giấc. Cáng vẫn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai cậu Chiêu:

- Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn; phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu lên Hưng Hoá đấu cờ với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta khiến đôi ngựa rất nhanh, và có cái nước mã ngoạ tào lạ lắm. Mà cưỡi ngựa cũng rất tài.

Trời vẫn nắng như rang.

Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

- Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhổn. Chị tôi dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đấy thăm ông Cử Hai và nhân tiện đòi bộ Lữ hành Thi tập của thầy tôi làm hồi theo đoàn sứ qua Bắc Kinh.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Đánh Mất Ví

Kéo một hơi thuốc lào tụt nõ, ông Khoá Liêm ngửa mặt lên mái nhà gianh thủng, nhìn cảnh trời đông màu nhạt, qua hững khung hồng của một mái nhà sắp đổ và đã nát. Làn khói thốc lào xanh nhờ nhờ lần lần cui qua những lỗ gianh thủng; những ý nghĩ đen ngòm của kẻ đang bực dọc với mưu hồ khẩu hàng ngày cũng theo làn khói nhẹ đi đến chỗ mung lung.

Ông Khoá Liêm đang nghĩ đến ngày mai. Hình như cần phải hút thuốc lào cho nhiều thì mới giải quyết nổi những việc khó khăn thuộc về sinh kế, ông Khoá lại ve một điếu thốc nữa bỏ vào nõ điếu, và dụi đi dụi lại thanh đoám, đến ba, bốn lần vào bát điếu, tầm mắt đăm đăm đặt vào cuốn lịch Pháp Hoa treo ở đầu giường. Ông thay dáng ngồi. Ông Khoá không ngồi xồm nữa. Xếp chân vòng tròn, xóc lại chiếc áo bông lụa thâm lốt màu quan lục khoác sẽ trên vai, ông mồm lăm bậm, mắt nhìn tay, tính bằng ngón tay. Ông xoay mình vào phía nhà bếp, gọi vợ:

- Này nhà ơi! Không phải hâm nước nữa. Cứ để đấy tôi làm cho. Ra tôi nói chuyện này!

Bà Khoá đơn đả chạy ra; vừa thắt lại nút khăn vuông mở quạ, bà hỏi:

- Gì thế hở thầy nó? Nướcgần sôi rồi.

Này, nhà nay, ngày mai là cuối tháng tây đấy. Tôi muốn ra Hà Nội, rồi sang Bắc thăm vợ chồng ông Tú, xem ông ta có giúp cho mình đồng nào không? Chứ năm mãi ở đây mà đợi chết đói, chết rét à?

- Thầy nó lại định sang bên ông Tú à? Anh Tú tuy đối với thầy nó quá như anh em ruột, tôi vẫn biết. Nhưng, vừa mới tháng trước đã ra, bây giờ lại ra nữa, coi sao tiện! Anh Tú có phải chỉ riêng cứ mang chúng ta thôi đâu?

Có người có bụng hào hiệp thường hay túng. Và chẳng, dậy chữ nho ở trường Pháp-Việt một tuần bảy tám giờ, lương lậu phỏng được bao nhiêu.

- Thế cứ ngồi ở nhà này, uống mãi nước bã chè tươi để xem mưa phún rỏ giọt vào giữa cái nhà thủng mái à?

- Tôi có bảo thầy nó không phải đi đâu? Cái thế phải mất tiền ăn đường, nhưng nên tìm một người bạn thân khác.

- Ủ, thôi được rồi! Để tìm người bạn thân khác cũng ở Bắc Ninh.

- Đã bảo sao lại cứ định đi Bắc Ninh mãi? Thầy nó không nghe tôi sao?

- Biết rồi, nhưng sang Bắc Ninh mà tìm người khác giúp đỡ cho ít nhiều rồi sẽ tạt lại anh tú gọi là đi ghé thăm qua. Thăm không thôi; Thế anh Tú mới lấy làm lạ cho mình. Bởi vì mỗi lần ra tìm anh ấy là y như có chuyện cầu cứu; bây giờ nói lạc cả cái lệ ấy đi, anh ấy phải ngạc nhiên chứ lại. Nếu anh tú có cố gắng hỏi tôi đi ra làm gì, tôi sẽ có sẵn một câu trả lời làm cho vợ chồng anh Tú giật mình!

Bà Khoá tươi tỉnh nét mặt tò mò hỏi:

- Thế thầy nó sẽ trả lời ra làm sao?

- Trả lời rằng chuyến này có lẽ vô Kinh viết sách, viết bằng ở bộ Lễ. Và nhân có thời giờ rảnh, ra ngắm non sông đất Bắc cho thoải thê, kéo nữa biết bao giờ mới lại từ Huế ra thăm lại chỗ cố giao tâm sự như anh tú? Bà nó nghe thế, đã sợ chưa?

Bà Khoá tùm tùm nhìn chồng một cách kính yêu vô hạn.

Trong cái cười kín đáo của người vợ nhà nho kiết kia, người ta có thể hình dung ra cả một thế giới “mực tàu giấy bản” thừa nợ có những hiền phụ chỉ biết một việc khuất phục, tháo vát và hy sinh để cho chồng đủ lực nằm dài trên bục điểm son trang sách mộc bản, và ngêu ngao ngâm thơ Đường Tống.

Ông Khoá Liêm được thể lại càng lên nước, rung đùi rõ nhiều. Ông lại kéo một mồi thuốc nữa! Trông cặp mắt lim dim và cái mồm tròn như chữ O đang thổi ra những vòng khói đặc, trông kỹ nét mặt ông Khoá đã ruỗi hết những đường gân, bà Khoá nghĩ ngợi: “Ai dám bảo chồng mình là khổ? Tưởng chồng mình như thế mà không thành được người sung sướng trên thế gian, thì cũng nên lấy làm lạ đấy. Chỉ nghe thấy tiếng nói và giọng cười thôi, thì ai cũng tưởng là sang lắm! Thật là sang sảng như chuông!”.

Bỗng ông Khoá hỏi gọn một câu:

- Bây giờ, nhà phải đi mượn đâu lấy hai đồng bạc để tôi ăn đường... Nếu không đủ thì ít ra cũng phải có một đồng rười.

- Mượn ở đâu? Những chỗ quen biết đều... vướng cả rồi!

- Nào tôi có biết! Cái đó là công việc của nhà nó chứ? Thế mọi lần thì sao? Nhà nó quên rồi à?

Bà Khoá lại cười tùm tùm. Ông Khoá lại rung đùi ngâm thơ tướng mãi lên cho đến lúc cao hứng quá, phải cho miệng nghỉ ngâm để rít một điếu thuốc lào to và chặt hơn mấy điếu thuốc trước nữa.

Buổi chiều mùa đông ấy là hôm đầu thán và lại là hôm chủ nhật, vợ chồng ông Tú đang sắp ngồi vào mâm cơm, thì một chiếc xe tay đã đặt ở trước hiên nhà ông Tú, một ông khách đứng tuổi, ăn mặc nửa kim nửa cổ, tay ôm một bọc lớn, tay chống chiếc ô đen đã đổi ra màu xám xanh...

Nghe tiếng cạch của càn xe bít sắt nện vào thềm gạch ở lề đường, vợ chồng ông Tú nhìn ra, rồi đều cùng thốt ra một lúc:

- Chú Khoá Liêm!

Vợ chồng ông Tú nhìn nhau tòm tòm trước khi ra cửa đón khách.

- Ông Khoá ở Thanh ra thẳng đây đấy à?

Gói gì thế? Bà Khoá mạnh chứ?

- À, gói nem đem ra làm quà anh Tú uống rượu đấy. Ở trong gói có cả bản sao cuốn “Việt Điện U Linh”, tôi chép cho anh theo lời anh dặn đấy.

Bà Tú vẫn mỉm cười... Ông Tú phải đưa mắt nhìn, bà mới thôi và mời ông Khoá:

- Chú đi rửa tay rồi đi xơi rượu luôn đi thôi!

Cái tình thân mật giữa vợ chồng ông Tú và ông Khoá Liêm lại càng rõ rệt thêm nữa, khi bà Tú ngồi bên mâm cơm làm bồi rượu cho chồng và cho bạn chồng. Bà vừa ăn, vừa đợi, vừa vui vẻ nói chuyện:

- Cái số chú Khoá thực là tốt lộc! Cái bát ba ba này của chú Khách Quảng Sinh Long vừa biểu đây...

Ông Tú bây giờ mới nói:

- Chữ tôi viết xấu thế mà lão Quảng Sinh Long vẫn cứ ưa! Giá hẳn mà biết chú thì hẳn thích lắm. Nếu có ai thấy cách xưng hô đằm thắm, trẻ trung, từ nhiên của ba người đứng tuổi này, người ta sẽ phải lấy làm chướng, nếu không có người giảng cho họ rằng ông Tú với ông Khoá là bạn học chữ nho một trường một thầy, và bà Tú là con cụ Đốc, và cụ Đốc vốn là thầy học cả ông Tú lẫn ông Khoá.

Bạn đang đọc truyện tại iREAD.vn

Ngày xưa, còn tập trường quan Đốc, ông Khoá Liêm được cái vinh dự chằm đóm hầu thuốc lào quan Đốc, còn ông Tú thì được vinh dự hơn bạn: ông được pha nước trà tàu cho quan Đốc, mỗi sáng sớm, trước giờ giảng sách. Rồi, cũng được cái may hơn bạn nữa là khoa thi chữ nho của nhà nước Bảo hộ mở lần cuối cùng cho đám sĩ tử Bắc Hà, ông Tú đậu Tú tài mà ông Khoá chỉ là ông Khoá.

Và, từ ngày ông Tú dạy chữ Hán ở trường Nhà nước, ông Khoá vẫn thường ra đây quấy quả luôn, lấy cái cớ rằng “cái” Tú tài đi làm việc Tây hẳn phải kiếm ra nhiều hơn “cái” Khoá sinh chỉ ỷ vào hoa tay, có chữ tốt chép sách và viết bảng. Một lần, hai lần... rồi dần dần, ông Tú cho như thế là một phong tục riêng của người bạn nghèo, và ông Khoá thì lại hiểu rằng thế là một luật lệ rất thường trong tình bạn hữu.

Nhưng lần này, lại ra Bắc Ninh, lại gặp ông Tú, ông Khoá không dám có can đảm hỏi tiền nữa. Ông tự xét mình như thế là không biết điều một tý nào cả. Vừa mới tháng trước đã lấy mười đồng rồi còn gì nữa!

Cho nên, lúc đỏ đen, nghỉ ngơi một lát, ông Khoá vội nói với vợ chồng ông Tú:

- Anh chị cho phép tôi lại thăm một người bạn...
- Ai thế! Từ xưa tới giờ sao không thấy chú nói?
- Ông bạn tôi cũng vừa mới ra ở đây. Có lẽ khuya tôi không về đây ngủ.

Thế rồi đêm ấy ông Khoá đã tìm tới nhà bạn và, thật là không may cho ông, đêm ấy ông đã thất vọng nhiều. Khi gia nhân người bạn kia trả lời rằng chủ nhân đi vắng xa, có lẽ đến cuối tiết trọng đông mới về, ông Khoá thất thểu bước tỉnh bước say, lại đành quay về nhà ông Tú vậy! Và tự nghĩ:

“người cố hữu của mình thế này thì ra còn nửa tháng nữa mới về. Thế là hỏng cái đám này. Cái số anh Tú thật hôm nay lại vào ngày “đại tiểu hao”. Mình có muốn lấy của anh ấy nữa đâu? Thật là hai vai có quý thần chứng minh... một món cầm về cho qua những ngày thất nghiệp. Cái đó không sợ. Nhưng mình đã lấy tiền của vợ chồng anh ấy thì mình còn làm gì hưởng được cái khoái chí phong lưu và có những lúc nhàn tản đi ra Kinh Bắc chỉ để ngắm non sông mà thôi!”.

Ông Khoá Liêm càng nghĩ càng lấy làm buồn cười cho mình. Rồi ông ngượng ngịu, khi phải trả lời vợ chồng ông Tú:

- Ấy vì ông bạn tôi đi vắng ạ!

Vợ chồng ông Tú tùm tùm. Ông Khoá nói tiếp:

- Tôi ở chơi đây với anh chị một đêm nay thôi, nhà bạn lắm! Mai tôi xin về.

Vợ chồng ông Tú trách móc, cố giữ khách, nhưng khách van lơn nhất định xin về, kêu rằng nếu tối mai không có ở Thanh Hoá thì nhờ hết nhiều công việc lớn!

Đêm khuya, ông Khoá vắt tay lên trán nằm nghĩ nát óc, tìm một cách gì cho đỡ ngượng để xin tiền ông Tú. Và lại coi bộ tháng này vợ chồng ông tú cũng túng dữ. Rét thế này à vẫn cái áo bông đụp cũ! Nhưng nếu không mặt dạn mày dày cố hỏi thì đừng nói gì đến mang được bảy đồng về nhà nữa: hãy một số tiền ăn đường cũng đủ khó nói rồi. Thế thì, đã đến nước này, ông Khoá đành phải cứ xin tiền của ông Tú.

Ông lại hút thuốc Lào! Cái thú đêm đông sương lạnh khoác chiếc mền bông, ngồi xồm hút thuốc Lào, là một cái thích dễ truyền nhiễm. Ông Tú cũng chạy lại gần giường bạn, cũng hút và hỏi:

- Chú nhất định về! Mai đi tàu nào!

- Phải đi tàu sớm, hay ô tô sớm sang Hà Nội, rồi đi xe lửa trưa về Thanh. Không thể ở lại được đâu! Anh nhớ dặn người nhà đánh thức tôi nhé.

Đêm ấy, ông Khoá nằm nghĩ; -Có lẽ anh ấy sẽ bỏ sẵn vào phong bì rồi lúc mình gọi xe là anh ấy đưa cho. Anh Tú bao giờ cũng nhã nhặn lắm kia mà! Mình cũng chả cần phải báo. Và, nói cho thật ra, mình nói cứ ngập ngừng thế nào ấy. Không có cần đảm nói. Thôi hãy ngủ đi”.

Sớm mai, ông Khoá hé mắt nhìn đồng hồ thấy gần giữa tàu chạy, vội choàng dậy, đòi ra tàu âm ỉ cả lên. Lúc bước lên xe, ông Khoá định ninh rằng ông Tú sẽ dúm cho một cái phong bì. Bắt tay ra xe rồi mà không thấy có gì không lòng bàn tay, ông nóng cả mặt! Ông vội kêu:

- Anh Tú! Sao tôi đau bụng thế này? Có lẽ phải đi chuyển ô tô thôi!

Ấy thế rồi ông Khoá đành phải lỡ tàu, ở lại để nhân nhó và đợi chuyển ô tô.

Giờ ô tô đến, ông Khoá lại vội kêu rầm lên rằng chỉ còn một chuyến ô tô này thôi, khéo không lại nhớ nữa thì khốn cả.

Bà Tú lại gọi xe. Ông Tú lại bắt tay. Nhưng vẫn không thấy gì, ông Khoá phải sốt ruột vì những câu chuyện cầm tay người ở dặn với kẻ về:

- Chú về cho mạnh, từ giờ đến cuối năm ra chơi một chuyến tất niên nhé!

Ấy thế rồi ông Tú và bà Tú càng lấy làm cảm động khi thấy chú Khoá dùng dằng và bùi ngùi nét mặt bước lên xe. Xe đã khuất bóng người, bà Tú ra về nhớ nhung phàn nàn với chồng:

- Tội nghiệp, chú ấy độ này chả biết làm ăn ra làm sao? Trông bộ cũng vẫn thế thôi! Đi đâu mà vội thế? Giá có ở lại một đôi hôm thì tôi cũng có

đủ thời giờ giặt tạm giúp chú ấy ít đồng.

Hai vợ chồng ông Tú ngồi thừ ra nhìn nhau có ý trách lẫn nhau về chỗ lãnh đạm của chú Khoá. Ngọn gió bắc thổi mạnh mưa bụi bay đã nặng hột. Vợ chồng ông Tú lại càng thêm nhớ ông Khoá Liêm. Thì quái, sao ông Khoá Liêm lại còn tiến vào kia và khua ô nói trước:

- Không thể đi được, anh chị ạ!

- Thôi chú ở đây, mai mốt hãy về. Vợ chồng tôi đang lấy làm ái ngại cho chú.

Có thể chứ!

- Thưa anh chị, kể như tôi vừa rồi thì cũng đáng ái ngại thực.

Lúc lên xe ô tô lấy vé mới biết mất cả ví tiền! May họ còn bỏ xuống đường cho về đây trông thấy anh chị lúc buồn này chứ không thì đã vào cầm rồi! Rõ đen quá và không may cho anh chị phải... Ờ: cấp cho tôi ít tiền lộ phí.

Đông Dương tạp chí số 23 (1937)

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Gỡ Cái Vịt Ra

Từ ngày ông ấy đổi Tri huyện Thạch Thành, tính đến bây giờ chưa đầy bảy tháng mà ông ấy đã có ý kiến xin bề trên cho đổi đi nhậm hạt khác.

Không phải vì ở đây không có bổng lênh, không có lễ sống và lễ chín của lũ dân Mường không phải vì ở đây có nhiều án mạng, có nhiều vụ kiện gay go làm khó dễ cho những vị phụ mẫu không chịu phiền làm công bộc dân một cách tận tụy với thiên chức; không phải vì ở đây, tính dân ngang ngược, cứng đầu cứng cổ, động một tí là kéo cả làng xuống tỉnh xin liên đới chịu tù, hay là chạy tuốt cả vào Kinh đánh trống đăng văn nơi toà Tam Pháp, hay là xin võng quan trả về bộ.

Đất Thang mộc ấp vốn lành; lành còn có nghĩa nữa là nhiều địa lợi, nhiều lâm sản, nhiều hải sản, nói tóm lại là nhiều của. Người Thanh Hoá tính cũng lành như tính đất ấy. Theo lẽ phong thuỷ, chả biết rằng như thế có phải là tinh đất đã ảnh hưởng sâu đến tình người? Nhưng sự thực là như thế đấy. Và không những lũ dân đen Thang mộc ấp lành mà thôi đâu, lại còn đâu nữa. Vì những lẽ thế mà có mấy ông Đồ Nghệ vốn kiêu căng với cái anh khí của chín mươi chín ngọn Hồng Lĩnh đã tạo ra các ông, các ông đã đem cái đức lành và cái đức đàn của dân Thanh Hoá ra mà trào phúng. Cái tính chế riễu không có kiêng nể vật gì và người nào hết thấy, dù vật là tối thiêng liêng, dù người ấy là tiêu biểu cái oai quyền lớn. Cho nên các ông ấy mới bảo rằng đất Thanh Hoá, vì lẽ là nơi phát tích của nhà Lê, của chúa Trịnh, của nhà Nguyễn bản triều, nên bao nhiêu cái tinh hoa đã bị người sang kẻ cả rút hết cả rồi, mà trăm nghìn phần cặn bã thì dồn lại cho bách tính. Như thế cho hết đến mấy thế hệ nữa, nếu may mà mạch đất có hồi lại thì dân khí mới mong quật khởi.

Khốn nạn thay! Nói cho rõ ràng ra thì người Thang một ấp đâu có đến nỗi như các ông Đồ kia tưởng. Các ông há chẳng nghe cái câu ngạn ngữ “Nhất Xương, nhì Gia, thứ ba Hạc Lộ” mà các vị quan có nhậm ở Thanh Hoá đều nhớ làm lòng hay sao? Câu ấy tả toát yếu và theo thứ tự cái đức bướng của dân ba phủ huyện Tĩnh Gia, Quảng Xương và Hậu Lộ. Nhưng hằng để yên mấy ông Đồ Nghệ và câu chuyện chế nhạo của họ.

Ta trở lại với cái tâm sự quan huyện Thạch Thành.

Ngồi ở huyện Thạch Thành là một nơi mà người thì chỉ có Mừng, cảnh thì chỉ có rừng, kẻ không rõ cái khổ tâm của ông huyện Thạch hẳn phải yên chí rằng giá những lúc việc quan được thanh thản, quan huyện Thạch “đánh chết” cũng phải khoan khoái hiện ra mặt, mỗi khi nhận được thư riêng ở xa gửi đến. Những lá thư ấy chắc sẽ đưa đến huyện lỵ Thạch Thành những luồng không khí mát mẻ và đủ sức mạnh thổi tan những mây sớm mai tám chín giờ còn giăng đầy thung lũng và sương chiều mới bốn năm giờ đã phủ đầy lối vào huyện? Trái lại, những lá thư của thân quyến của đồng liêu, của quan đỡ đầu ở xa ở gần, một tháng kể gửi đến nhiều lần, nhưng chính chúng nó đã làm phiền lòng quan huyện Thạch không biết đến thế nào mà kể.

Những thư đó, dù là dài hay ngắn, chia buồn hay chia vui, giọng đùa hay đứng đắn, của người thân lắm hoặc vừa mới quen, ở dòng tái bút đều có những câu đại để như là:

“... Nghe nói trên hạt Thạch Thành có thứ vịt Trạch Nhật ngon có tiếng, quan lớn (hoặc quan huynh) danh cho một cặp, khi nào tiện chúng tôi xin lĩnh...”.

Còn những thư của các quan thủ hiến bản tỉnh hoặc của quan thầy đỡ đầu ở nơi xa xôi gửi về thì lại có cái giọng hách dịch như thế này:

“Thạch Thành là nơi sở tại của giống vịt Trạch Nhật; nhân mùa lạnh tới, kiếm cho ta ít con đánh chén chơi...”.

Quan huyện Thạch Thành là một ông quan nghèo. Cái chí của ông ta lại không định hẳn vào con đường hoạn. Vả chăng, đối với chế độ quan trường, ông ta đã sẵn có một quan niệm. Ông ta chỉ mong có một cơ hội kinh doanh nào lớn lao là vui lòng đem treo kiếm ấn lên cành dương liễu ở cổng huyện, trông về Nam lạy bốn lạy, chạy tuốt về làng để theo đuổi những nghề tự do. Nhưng đây là một sự mong mỏi.

Còn tại chức ngày nào, còn ở huyện Thạch ngày nào, ông ta cho là còn điều đứng đủ trăm phần với vịt Trạch Nhật. Cái hình ảnh vịt Trạch Nhật ám ảnh ông hoài. Nó theo ông sát sạt như mang theo tiếng nói, bóng theo hình người. Lắm lúc vì bận việc công đường, bận đi hành hạt, hoặc mãi vui cùng mấy bạn tài tử lên hoạ đàn, ông quên được câu chuyện vịt Trạch Nhật. Khốn nỗi, chỉ được độ dăm ba hôm thôi. Vì thế nào, dăm ba hôm, lại cũng có một lá thư gửi đến để xin vịt, để tống vịt. Trời ơi! Giá thử đáng Thiên liêng làm một trận dịch dữ dội cho toi hết giống vịt Trạch Nhật để tuyệt hết cái giống vịt ngon, ngon đến bực mình ấy đi, để hết những người thích ăn của lạ và lười bỏ tiền ra mua nhỉ! Cũng là một sự không mong cho quan Thạch, những người có tính hay “báo” vật ấy lại là chỗ quen biết với ngài cả.

Lắm kỳ đi hội giáng ở tỉnh về, quan huyện Thạch hể có mặt ở công đường là gắt gỏng. Như thế đến mấy hôm ấy, lũ nha thuộc và dân sự đều lấy làm kinh hãi và không hiểu gì cả. Ở nơi tư thất, những ngày ấy, lúc đêm vắng, bọn lính canh nơi trại thường không được nghe tiếng đàn nguyệt rất hay nữa-quan huyện vốn lấy đàn làm thú giải phiền.

Một đêm kia, quan huyện Thạch vừa ở tỉnh về, tiếng máy xe hơi ở sân huyện đường chưa tắt mà trong tư thất đã thấy quan ông gắt gỏng với quan bà. Quan bà không những không tỏ vẻ giận chồng to tiếng vô lý lại còn tùm tùm cười một cách tinh quái, hình như muốn chòng ghẹo và thử thách kẻ hay có tính làm dữ. Quan huyện Thạch phải đấu dụi. Cặp mắt hóm hình cái

miệng đùa cợt của bà huyện Thạch cũng đôi lần ra vẻ hiền từ. Quan huyện Thạch làm lành.

Bạn đa.ng đọc tr.u.yện tại .iREAD.vn

- Sao bà lại cười? Thấy người ta đang bực rọc với những sự phiền luy của cuộc đời hàng ngày là một chuyện đáng cười lắm hay sao? Và thứ nhất là “người ta” đây lại là chồng mình? Bà phải biết nể cái người nào đang phiền muộn, đang đau đớn, ngang như nhau mới được chứ!

- Cái gì là phiền luy? (bà huyện vừa cười vừa hỏi). Có phải lại chuyện vẹt Trạc Nhật phải không? Hẳn các cụ ở dưới tỉnh lại tổng mua ít cặp phải không? Thôi phải rồi, thế nào, lão phủ Nông Cống chả vay khéo vài chục con để gửi về Huế? Chắc lão ta không vừa lòng, lại nói bóng nói gió một đôi câu chứ gì? Có phải như thế không, ông?

- Quả có như thế không sai. Bà đón giới đấy.

Vợ chồng ông huyện Thạch Thành chưa lấy gì làm già và lại là người của thời mới. Hai vợ chồng cộng tuổi lại chưa đầy bảy mươi. Vì trong lúc to tiếng nên vợ chồng ông huyện Thạch Thành phải dùng hai chữ ông bà để xưng hô. Phải, trong lúc gặt gồng, người ta phải nghiêm nghị từ cả danh từ gọi nhau. Vợ chồng ông huyện Thạch đã vui vẻ nói năng với nhau thời trong câu chuyện thuộc về gia đình ở nơi tư thất, ta lại được nghe thấy những tiếng xưng hô trẻ trung.

- Mình nghĩ đi làm quan như thế này, có thấy phiền không?

Không chiều bề trên thì họ bảo mình ngạo. Không làm vừa lòng bạn thì họ bảo ăn ở không có tình.

- Giá có biết thế những ngày thì... thì gì? Mình nhỉ! Bà huyện vẫn tùm tùm nhìn chồng ăn cháo.

- Mình có biết một con vịt Trạc Nhật thời giá bao nhiêu không?

- Thừa mình tám giác một con, lúc cao; và một chữ bạc một cặp, lúc hạ.

- Đấy mình thử tính xem, cứ cái tháng lương tri huyện hạng ba đem ra mà mua hết vịt Trạc Nhật xem được mấy trăm, mấy chục con? Họ lấy có ít đâu, mỗi người cũng là đôi ba cặp trở lên cả. Mình thử tính nữa xem tôi có bao nhiêu bạn, bao nhiêu quan thầy? Đừng nói là không đủ tiền mua nữa, nếu có bạc triệu đó cũng khó mua! Dân Mường Trạc Nhật mỗi nhà nó chỉ nuôi có ít con. Mà nó có cần đem ra chợ bán đâu?

Ý chừng họ tưởng chúng ta cứ bơi thuyền thúng ra giữa cánh đồng chiêm mà quơ lấy vịt. Hết thuyền này chở nặng lại đến thuyền khác đem về. Nhật hết lứa này lại đến lứa khác...

- Có thể này thì mình mới hiểu thấu cái nghĩa đau đớn của kẻ dưng đồ tiến, cái nghĩa không biết thương người của kẻ ngồi một chỗ yên ấm để hưởng của ngon đem đến, ngụ ở trong cổ thi: “Nhất kỵ hồng trần phi tử tiếu; đa nhân tri thị lệ chi lai”.

Bà huyện vốn cũng có chữ nho sở đắc được của cha anh truyền cho và chồng luyện cho, gặt gù nghĩ ngợi và cố tưởng tượng ra cá thắm cảnh ngày trước người ta phải chạy ngựa từng cung, từng trạm dài để đem các thức ăn ngon tiến vô Kinh.

Nhưng bản tính hay đùa, bà lại nói tiếp:

- Và có như thế này, chúng ta mới biết ái ngại cho những kẻ mới xuất chính đã phải đi cung chức hạt Thạch Thành.

- Cứ gì hạt Thạch Thành. Cứ gì có vịt ngon. Họ không tổng được thứ này, họ sẽ tổng thứ khác. có mất gì của họ? Mình há không nghe chuyện chú huyện Can Lộc phải dưng cỏ tươi và lá tre cho ngựa ăn tuần đó à?

Mình không nhớ chú huyện nhà mỗi lúc uống rượu với tôi hay nhại tiếng cụ tuần đó và nói câu: “Hạt thày có thứ lá tre nhiều chất đạm-khí rất hợp cho bộ tiêu hoá của chuồng ngựa tui” đấy à?

Vợ chồng ông huyện Thạch nói chuyện trong đêm ấy thế mà đã gần khuya. Lúc sắp đi ngủ, bà huyện bảo chồng:

- Tôi vừa nghĩ được một cách, may ra vợ chồng chúng ta gỡ được cái nạn vịt Trạc Nhật.

- Hay đùa lắm. Thôi, đi ngủ.

- Không đùa đâu mà. Có thể làm ngay được. Mai tôi đi tỉnh. Tôi sẽ mua độ 200 vịt đàn. Chỉ một hào một con. Dem về thả ở đầm Trạc Nhật. Vịt nó béo, nó ngon là vì nó ở nước. Vịt hôi là vịt ở cạn. Nó ngon nữa là vì vịt rúc được nhiều mồi. Dem vịt ở nơi xa về Trạc Nhật, cho nó chịu thủy thổ Trạc Nhật, nó ăn ở đầm đấy, thở không khí đấy, tắm nước đấy thì nó là vịt Trạc Nhật chứ là cái vịt gì nữa? Mình sợ như thế là đánh lừa người ta hay sao? Mình không biết chứ chính tôi đã lên tận làng Trạc Nhật rồi. Tụi Mường ở đấy nó nói chuyện rằng ở gần hai trăm mẫu đầm đó, gốc dạ nào bị ngâm nước cũng đều có tép chui vào ở trong cả. Người Mường ở đấy không thả dạ thả lưới đánh tép, nên vịt được ăn cái thứ tôm con đó. Thịt vịt đặc biệt nhờ đấy chứ đâu nữa?

Mình có ý quyền phụ mẫu cướp nghề của ai để mưu lợi đâu mà sợ. Chẳng qua là mình cũng phải nghĩ cách mà cứu lấy mình cho nó qua cái năm nay. Sang năm xin đổi lại hát khác. Chứ không có các ngài ấy “hặc” cho về khoản vịt thì từ giờ đến tết cũng còn là khổ. Lấy đâu ra tiền mà mua vịt? vịt đâu có nhiều mà mua?... Ấy thế rồi từ đêm ấy trở đi, thỉnh thoảng trong những đêm thu, đông mà chồng gầy đàn nguyệt di dưỡng tính tình ở nơi cô tịch, bà huyện Thạch lại tỉnh quái nhìn chồng mà ngâm hai câu thơ Kiều đối đi mất một chữ:

"Cầm đường ngày tháng thanh nhàn

Sớm khuya tiếng vịt tiếng đàn tiêu giao"

Đông Dương tạp chí số 25 (1937)

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Một Vụ Bất Rượu Lậu

Lũ dân cày ở làng Phong Cốc, bây giờ thực không còn lấy cứ gì để phàn nàn với nhau trong luỹ tre xanh và với người ngoài, ở giữa những chợ đông, rặng quan trên không sẵn sóc tới.

Đấng phụ mẫu của họ là quan Phủ Thiệu Hoá-làng Phong Cốc, thuộc về Thiệu Hoá phủ, Thanh Hoá tỉnh-những khi hành hạt qua đó thường vẫn không quên báo với thầy Đề rằng nên tạt vào đấy mười lăm phút để xem cái dân khí vùng đó lâu nay ra sao.

Ở đình làng, trong những ngày này, hương chức kỳ cựu đều được quan phủ khuyến khích họ nên giảng giải cho lũ đàn em về cái đức làm dân đối với bề trên không được tỏ vẻ kháng cự, và cái đạo làm dân trong một nước thái bình, ở một thời yên lặng phải đóng sưu thế, theo tạp dịch cho đều đều. Nếu sự phục thiện của dân là kết quả một phần thì càng nên gắng nữa lên cho được mười phần, càng nên cố sức nữa lên mãi mãi. Rồi Nhà nước sẽ thương tới, và quan Phủ hứa thêm rằng ngài đã bẫm tỉnh cho, thì tha hồ mà được nhờ...

Nhưng lúc quan Phủ gần trẩy đi sang làng khác, ngài vẫn không quên bảo thầy Lý mới, như mấy lần trước:

- Thầy nên coi chừng đến công việc của thầy và sự hành động phi pháp của dân làng. Trách nhiệm của thầy nặng lắm đó! Thầy giữ việc làng thay thầy Lý trước (bị chết một cách rất thê thảm và chẳng vinh dự gì) trong khi thừa hành công vụ, chắc thầy rõ phận sự của thầy trong lúc này, hơn ai hết thầy.

Thầy Lý run lẩy bẩy, chỉ biết mồm “dạ dạ” đưa mãi hai bàn tay chắp lên khỏi ngực. Thầy không dám nhìn thẳng vào quan và thứ nhất là nhìn vào ông Đề ngồi gần ngang hàng với quan; trong một lúc nhốn nháo ở đình lúc quan mới tới làng, thầy Lý đã dám liếc trộm ông Đề khi ngài này sai bác Cửu châm đóm để ngài hút thuốc lào vào điệu gióng của quan Phủ, có cái xe trúc uốn cầu vòng dài đến gần bốn thước ta. Ông Đề cặp mắt sáng như tia lửa, những lúc nheo nheo mí mắt lại, thì không khác gì mắt con vọ lúc ở trên cành cây gạo chú mục nhìn đống thối chết ở mặt đất. Thầy Lý tin rằng nếu ngấc mắt lên mà đụng gặp phải nhỡn tuyến của ông Đề già thì sẽ bị thôi miên mất; và thôi miên thuật kia sẽ bắt thầy phải tường tận cung khai gia sản nhà mình ra xem của chìm là bao nhiêu và của nổi là bao nhiêu, để ông Đề vui vẻ trả lời bằng ý nghĩa rằng có một ngày rất gần đây, chúng nó sẽ phải thay đổi chủ và thầy thì cố nhiên là sẽ mất quyền sở hữu ấy.

Nghĩ đến đây, thầy Lý càng không dám giữ đầu mình cho thẳng thắn, chỉ biết cúi mặt xuống đất hết nhìn đôi ủng da tây của quan Phủ, đôi guốc kính của ông Đề và đôi bàn chân lấm của mình. Thầy Lý lúc này thực là một hoá thân của sự sợ hãi. Thầy chỉ biết dạ, dạ mãi, để đáp lại những lời đanh thép mà thầy chỉ hiểu một cách mang máng. Bỗng thầy giật bản mình khi nghe thấy quan gắt:

- Cái anh Lý này “chương” quá. Người ta hỏi thầy xem số rượu dân làng uống trung bình trong những ngày thường chênh lệch với những ngày tế lễ như xuân tế, thu tế hoặc vào đám ăn chạ là độ bao nhiêu, mà thầy cứ dạ là nghĩa lý chi? Vô lý quá!

- Dạ bẩm ông Lớn, về việc dân làng con uống rượu, con cũng không lấy gì cho tường lắm. Dạ, con mới được dân cho con ra thay anh Lý bất hạnh của con được độ mấy tháng.

Câu trả lời của thầy Lý có vẻ đần độn một cách lừng khừng gần giống như lời bướng bỉnh thốt ra ở cửa miệng những dân cứng đầu cứng cổ. Tuy

rằng là thực thà, nhưng thầy Lý cũng vẫn đủ trí khôn nhận rằng có lẽ nó sẽ làm cho quan Phủ đến phải nổi trận lôi đình. Mà quả như thế thực. Thầy Lý hiền lành kia nghĩ đúng đấy. Vì quan Phủ đã biến sắc mặt, làm om cả đình làng:

- Thầy làm việc quan như thế hỏng, hỏng to. Đừng nói chi đến chuyện nay nmai thầy mong được nhà nước cho tướng lục hay là mong điền vào chân chánh phó cai tổng khuyết: Nếu anh không thay đổi cách làm việc thì cái triện lý trưởng của anh cũng khó lòng mà dặt cho được lâu đâu. Việc dân trong làng uống rượu mà thầy mù tịt như vậy, thì chết thật. Thầy làm việc không được mẫn tiệp rõ quá rồi. Nếu ta không thương anh, đem một việc này mà bầm tình thì liệu anh có còn giữ được đồng triện không?

Ấy thế rồi quan và ông Đề và lính tráng trẩy đi để một lũ kỳ cựu hương chức làng Phong Cốc đưa mắt nhìn nhau và nhìn ông Lý vừa bị quan quở. Thầy Lý đăm mê và toát mồ hôi. Mồ hôi thấm qua cái áo lụa nâu già và làm đẫm cả lưng chiếc áo the dài màu nước dưa.

Thấy Lý ra khỏi đình làng. Trận gió bắc thổi rụng lá vàng, thổi bay tà áo thầy và lớp mồ hôi gặp gió lạnh càng se đến đâu càng làm cho thầy lạnh, “trông thấy” đến đấy. Với không khí lạnh lẽo ở ngoài trời, thầy thấy trong mình bứt bưng bưng và lúc về tới nhà, thì thầy đã lấy lại được sự trật tự hoàn toàn cho bộ óc vừa bị kích động mạnh.

Vào đến nhà, bỏ khăn áo, thầy nằm vắt tay nghĩ. Thầy bỏ bữa cơm ngon có rượu ngâm thốc, có món nhắm tết. Trông thấy rượu, thầy sực nhớ ra vì câu chuyện ban nãy mà thầy bị quở ở giữa làng. Thầy điên tiết lên muốn đem lẳng “mẹ nó”, cả chai, cả nậm ra ngoài ao.

Bà vợ thấy chồng có thái độ lạ lùng, khác mọi ngày, dám chê cả món thịt để bóp tái và bánh tráng vùng bà công phu mua tận chợ bên sông gặp ngày phiên vội đón hỏi:

- Làm sao thế? Nghe nói quan về làng ta định bắt dân mở trường và khai giếng thêm phải không? Sao lại bỏ bữa rượu? Thăng Kha nhà theo tôi sang chợ ngoạn lãm.

- Mở trường, khơi giếng! Ai bảo thế? Đình với giếng gì? Việc triều đình nhà nước, u mà biết gì mà hỏi! Cất rượu đi!

Thầy Lý bỏ mặc vợ từng hừng đang lúi thúi lấy lồng bàn đập mâm cơm để dành. Thầy đang lo đến cái tiền trình của tên Lý trưởng vừa bị quan hạch là không đầy đủ bốn phận. Thầy càng ngẫm kỹ mấy câu quan vừa nói ban nãy thì ra cái chân lý trưởng của thầy là bấp bênh. Nó như cái thế quả trứng bị để ở đầu đặng, sớm tối vỡ lúc nào không hay. Rồi thầy lại lẩn thẩn nghĩ đến chuyện những chức phận ti tiểu lúc quên tạ ơn những vị đỡ đầu thì bị quan thầy báo thù lại như thế nào... Nhưng không, thầy Lý nhớ rõ ràng rằng thầy đã được quan Phủ ban cho thầy cái vinh dự bắc ghế đầu ngồi gần quan rong tư thất, sau khi quan đã rủ lòng thương nhận cho thầy cái phong bì “lễ mọn” mà thầy khom khom mình cúi dâng lên bề trên bằng sự thành kính của kẻ biết ơn và tạ được ơn. Thầy còn nhớ như in vào ruột những câu của quan giảng dụ hôm đó vồn vã ôn tồn và những cách quan coi thầy như là đầy tớ tay chân... Thầy Lý đưa tay qua trán, nhắm mắt lại, tưởng lại những phút ấy mà thầy rạo rức cả người. Sướng quá, thầy tự hỏi mình rằng cái số phận tầm thường của một người lý trưởng được hưởng những phút như phút ấy độ mấy lần trong một đời? Thầy so sánh quan Phủ hôm ấy và quan Phủ hôm nay sao khác hẳn đi? Không có lẽ quan nhiều việc đến nỗi quên hẳn là mình đã tạ lễ? Phải, không có thể như thế được. Thầy lại cho rằng hay tại mình tạ thiếu. Nhưng không, vì hôm đó, quan đã khen thầy một câu: “Anh Lý người linh lợi lắm. Anh đưa túc số như thế này, tôi tiêu nó thành được món”. Nếu thế thì là nghĩa lý gì, và nguy hiểm quá nhỉ! vì ai còn biết manh mối đặng nào mà tìm, mà hiểm. Trong ba, bốn ngày liền, thầy Lý cứ ăn kém đi vài bát cơm, ngủ kém đi vài canh dài, với những ý nghĩa ấy nó không tha ám ảnh thầy.

T--ruyện được -dịch trực tiếp tại iREAD-

Rồi, một buổi trưa kia, thầy vừa bỏ mẫu triện đồng vào tráp đen, thì thấy lũ trẻ làng đang reo ầm lên ngoài cổng:

- A...a...a... Tây về! Có Tây về làng ta!

Thầy Lý thấy khác trong người, vì không biết tại sao thầy nghĩ ngay tới sự chẳng lành sẽ xảy ra. Thầy đang sửa lại khăn áo, sắp ra xem là chuyện gì thì con chó mực ở sân gâu gâu lên trời sửa váng cả nhà lên. Một tốp người quần, áo, mũ, giày, vàng khè một màu ca-ky, đã tiến vào nhà, đứng đầy cả sân. Thầy Lý nhìn họ: người nào cũng oai phong lẫm liệt, người cầm thuôn sắt, kẻ đeo túi da đựng súng lục lên. Thầy lăm bắm: “Thôi bỏ mẹ, lại lính Đoan” và tiến ra sân.

Lính đoan thấy ông Lý ra vội xúm cả lại chung quanh cứ đặc cả lại như là đàn muông săn lúc vây được con sói rừng, đều một loạt nói bô bô:

- Trong làng có rượu lậu! Ông đi ngay! Cô cả quan Đoan về đấy!

Bấy giờ thầy Lý mới biết là có cả quan Tây Thương chính về nữa. Thầy vội chạy ra vái dài quan Đoan, người Tây, tay cầm ba toong song, đứng ở gần cổng; rồi cả bọn kéo đi rất nhanh theo một ông đội đoan có bộ râu “củ ấu” là người dẫn đường xem có vẻ thông thạo đường lối trong làng lắm.

Đến ngõ đình, cả bọn ập vào nhà bác nhiêu Tìn. Thầy Lý trong bụng phật phùng và từ lúc đi đến giờ, thầy chỉ biết theo nhà Đoan thôi. Lúc đến nhà nhiêu Tìn, thầy mới hiểu rằng quan Đoan về bắt rượu lậu ở nhà tên nhiêu Tìn, một người mà thỉnh thoảng vẫn đưa lại nhà thầy những chai rượu khê rất ngon trong những ngày nhà ông Lý có kỵ dùng thứ rượu cúng rất tinh khiết. Thầy Lý than thầm cho nhiêu Tìn đã gặp sự chẳng lành. Cảnh náo nhiệt bày ra trong nhà người bị Đoan vào nhà khám xét đã chiếm hết cả giác quan thầy Lý. Lính Đoan gọi rầm rĩ:

- Chủ nhà là nhiều Tin đâu? Nhiều Tin đâu?

Bỗng ông đội Toan vừa reo, vừa chạy:

- Nó đây rồi! Các thầy mau theo bắt lấy, Kia kia, nó đang mang vò cơm chạy! Nó vừa mới vọt ra cổng ngang!

Lính Đoan chạy, cả quan Đoan, cả thầy Lý cũng chạy theo một người nhà quê đang ôm một cái chĩnh chạy miết ra bờ ao gần đình làng, cách họ độ ba chục bước.

Trẻ con khóc. Chó sủa. Đàn bà kêu, và các ông già bà lão trở mắt, chống gậy “càng cua” đứng nhìn theo đám bụi mù bay.

Lúc thầy Lý theo kịp được nhà Dona đến bờ ao thì thấy thằng cha nhiều Tin đang lồm bồm ở giữa ao, hai tay bưng một cái chĩnh có nắp. Chung quanh bờ ao, người đứng vây đen ngòm. Quan Đoan vừa nhìn thầy Lý vừa nhìn ông đội nói một hồi tiếng Tây dài, mặt đầy vẻ tức giận, dầm chân múa tay, trông đáng ghê sợ lắm. Ông đội Đoan chỉ thuôn xuống phía ao bèo, nói chõ xuống người bưng chĩnh.

- Mà có muốn sống không? Nhiều Tin, mà có chịu lên không? Chúng ông mà ổng tóm được mà thì mà bỏ đời!

Nhiều Tin ở giữa gao, mếu máo nói lên:

- Con lạy các quan, các quan tha cho con. Các quan đừng giết con.

- Ai “giết” mà? Mà cứ đưa cái vò lên đây!

- Lạy các quan, con trót dại có làm ít tương để ăn. Lạy các quan, thật con có dám đem bán đâu!

- Tương với mắm gì? Mà không lên, ông mà phải lợi xuống thì... thì...

- Con khổ lắm. Các quan tha cho con! Ôi mẹ thằng Tín đâu, tao khổ lắm! Các quan làm tội tao, thì tao đổ tương xuống ao đây này!...

- Này thằng kia, nếu mày đổ vò cơm kia xuống ao, thì quan Đoan sẽ bắn mày! Mày định làm phi tang đi, hở?

Quan Đoan, đứng ở trên bờ vừa chửi rửa bằng tiếng Tây, vừa rút súng lục, tay trở bắm sẵn cò, chĩa vào nhiều Tín. Ông đội Đoan đứng nói với về phía thầy Lý:

- Này ông Lý nếu nó dìm chính cơm để mất tang chứng rượu lậu, ông phải chịu một phần trách nhiệm đấy.

Thầy Lý hoảng cả người. Thầy lại càng hoảng nữa khi thấy quan Đoan chĩa súng về phía mình. Rồi liên tưởng, thầy nhớ đến vụ đổ máu vừa xảy ra trong làng cách đây mấy tháng: trong một vụ bắt bớ hàng lậu do quan Đoan Bét-nắc-đê chỉ huy, ông Lý trước mà mình thế chân bây giờ đã bị đạn Nhà nước nổ chết trong giây lát, giữa một lúc mà người ta bảo rằng nhà Đoan cần phải chân chính tự vệ. Thấy quan Đoan mắt đỏ ngầu, mòm sùi bọt, quát tháo rầm cả góc ao, thầy càng cuống cả lên. Mà dưới ao thằng cha nhiều Tín vẫn cứ mếu máo và van lơn các quan đừng xuống ao, và nếu xuống hẳn dọ sẽ đánh chìm cái chính tương đi mất!

- Thế thì muốn sống mày phải lên ngay!

Tiếp lời ông đội, thầy Lý cũng bảo nhiều Tín:

- Thì mày lên đi! Tao xin mày đấy! Mày làm chuyện phi pháp để lụy cả đến lý trưởng làng mày! Mày định cho tao theo ông lý trước hay sao? Mày không nhớ đấy à?

- Con lạy ông, ông xin cho con, không có các quan giết con mất.

- Thì mà cứ lên đi, tao sẽ xin cho. Mà cầm cho kéo cái vò kia, rồi lên ngay đi! Ủ, lên đằng phía quan Đội ấy.

Bao nhiêu cặp mắt đều nhìn vào nhiều Tín đang lồm bồm bưng cái vò bước lên bờ ao.

Hắn run lập cập, vì ngâm nước lạnh thì ít mà vì sợ nhà Đona thì nhiều. Ông Đội giằng lấy tay hắn lôi lia phía mặt quan Tây Đuan, và truyền cho hắn mở nắp chĩnh ra. Hắn sợ hãi nhìn quan Tây Đuan, nhìn ông Đội, nhìn ông Lý và lập cập mở nắp chĩnh. Thấy quan Tây Đuan đã bớt giận, ông Đội cũng tươi tỉnh được nét mặt, bảo nhiều Tín:

- Ông tưởng mà ở cả ngày ở dưới ấy!

- Ông lấy làm khoái trá khi nhìn vào trong lòng chiếc chĩnh. Nhưng sao ông lại cau mặt lại và mũi hít mạnh, đánh hơi. Ông sẵn số hỏi nhiều Tín:

- Cái gì ở trong chĩnh?

- Dạ bẩm tương. Con có dám nói bậy đâu, con làm có một ít để kho cá ăn ở nhà chứ thực không dám đem ra chợ bán; ông Đội tỏ vẻ khó chịu trình với quan Tây Đuan rằng đây là một thứ nước chấm của nhà chùa thường ăn chay và người An Nam dùng với cơm. Quan Tây Đuan bắt ông Đội ném và hỏi ông có dám quả quyết như thế không. Ông Đội trả lời nhất định rằng trong chĩnh đó không có chất gì để làm rượu. Thầy Lý thấy câu chuyện khám xét kết cấu một cách ngộ nghĩnh không ngờ như vậy, phải hỏi nhiều Tín:

- Thế sao lại bưng vò tương mà chạy? Các quan khám rượu lậu kia mà! Ai bắt tương? Cái lý của anh gian lắm! Anh phải khai cho rõ rằng ra kẻ phiến cho đến tôi lắm đấy!

Nhiều Tín hoàn hồn, khai với thầy Lý:

- Con thấy người làng đi chợ về, dạo này ồn rằng nhà nước đánh thuế cả tương và nước mắm, con thấy tương của con làm không có giấy phép nên con sợ, con phải chạy đem vứt đi...

Lúc sự yên lặng đã trở lại trong làng và mọi người đã ngật nghẻo cười khi gián tán-trừ nhà Đoan rời làng Phong Cốc với nỗi tức bực thì trời đã xế bóng. Bác nhiều Tin cũng mỉm cười bưng chĩnh tương về nhà, trong bụng nghĩ thương vợ phải một phen chạy rượu lậu vất vả, và không biết vợ đã đem giấu kín vò cơm ở đâu đây. Bác tự nghĩ nếu không có chĩnh tương này thì chỉ có Trời mới gỡ nỗi cho bác khỏi ở tù.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Hương Cuội

Đứa cháu đích tôn và lũ cháu ngoại đang loay hoay ngoài sân với những đờ đồng ngũ sự lồng chông trên đám trấu và tro dầm nước.

Ông chúng, cụ Kép làng Mọc, cũng đang loay hoay với mấy chục chậu lan xếp thành hàng dưới giàn hoa lý.

Trái với thời tiết, buổi chiều cuối năm gió nồm thổi nhiều.

Cơn gió nồm thổi nhẹ, như muốn nhạo cái ông già kia mặc cả một tấm áo trấn thủ bằng lông cừu trắng. Trời nồm nực, bức đến tắm nước lạnh được, ông cụ Kép mặc áo lông cừu xứ Bắc, ý chừng muốn phô cái phú quý phong lưu của nhà mình. Không, đấy chỉ là một thói quen của cụ Kép. Mỗi khi cụ ra thăm vườn cảnh, trong một năm, trừ những ngày hạ ra không kể còn thì lúc nào cũng khoác tấm áo cừu. Mùa xuân, mùa thu, khí hậu ấm, áo mở khuy. Sang đến tiết đông, cụ cài hết một hàng khuy nơi áo, thế là vừa. Trong cái vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tia những lá úa trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý.

Buổi chiều ba mươi Tết năm nay, cả một cái gia đình cũ kỹ nhà cụ Kép đang tới tập dọn dẹp để ăn Tết.

Mợ ấm cả, mợ Ấm hai ngồi lau lá dong chăm chỉ. Thịnh thoảng họ ngừng tay, để hỏi nhau xem còn thiếu những thực phẩm gì trong cái mâm cơm cúng chiều nay. Lũ con đàn, bi bô ở ngoài sân. Chúng đang đánh bóng

ở ngoài sân những lư, đỉnh, cây đèn nển bằng đồng mắt cua và bằng thiếc Sông Ngâu. Chốc chốc, lũ trẻ lại mìm cười, ghé những cái đầu thừa thớt ít sợi tóc tơ, nhìn vào phía trong nhà cầu, hỏi mẹ chúng:

- Bao giờ cậu mới về, hả mẹ?

Không biết nên trả lời con trẻ thế nào cho tiện, mẹ Ấm cả đưa mắt cho mẹ Ấm hai.

Ông Ấm cả và ông Ấm hai, đi làm việc Tây ở tận xa chưa thấy về ăn Tết. Cứ lời những người trong làng có người nhà đi làm việc Nhà nước thì được nghỉ những từ chiều hai mươi chín kia mà. Muốn được khuây nổi mong, hai chị em dâu, người đã đứng tuổi, càng thái đồ nấu cỗ cho thực nhanh. Gốm, những miếng trứng trắng để bày mặt cỗ bát, thái hình miếng tám, sao mà đẹp thế. Đứng bên cạnh mẹ, đứa nhỏ nhất trong đàn con đã tủ thì van nài mẹ Ấm hai:

- Mẹ cho con cái miếng mụi cắt hồng kia nhá!

Người mẹ không nghỉ tay làm việc trên tấm thớt, lừ mắt nhìn con. Thằng bé vội chạy ra ngoài, sấn đến cạnh cụ Kép:

- Ông đang làm gì thế hở ông?

- Ấy chết, cháu đừng mó vào hoa của ông. Ông đang thăm xem đứng hôm nào thì hoa của ông nở đủ.

- Ông cho cháu một cái... Cháu xin ông cái lá gậy kia nhá.

- Cháu không nghịch được những thứ này. Thôi, đi lên trên nhà với ông. Mẹ cháu mà trông thấy cháu ra nghịch cây của ông, thì cháu lại phải đòn bây giờ đấy.

Nhớ đến trận đòn phát trần hôm họ, vì trót nghịch gãy mất rò lan của ông nội, thằng bé mặt phụng phịu và hai tay đánh đai vào mặt ông già, kéo trữu của tấm áo lông cừu. Nó làm nũng ông và quẩn quít lấy ông, mong ông sẽ che chở cho, nếu mẹ nó mom thấy nó ra nghịch chậu cây cấm.

Cụ Kép cười khà. Rồi cụ lại vạch từng gốc rò lan, xem xét tỉ mỉ đến màng hoa, đến rò hoa và thân lá. Hết chậu này đến chậu khác.

Tưởng chừng như cháu mình cũng là một người biết đến chuyện chơi cây, hiểm đến thời tiết trong một năm, có đủ những kinh nghiệm, thói tục và thông minh của người lớn, ông già đã nói với cháu bé:

- Tự nhiên, cuối năm lại nổi gió nồm. Cháu có thấy bực mình không? Ông tiếc cho mấy chậu lan của ông quá. Nờ hết thôi

Đứa cháu không hiểu đến ý nghĩa của câu than phiền của ông già, ngừng bộ mặt ngây thơ lên, hỏi hai ba lần:

- Hoa sắp nở, sao lại tiếc hở ông?

Cụ Kép, nhìn lại cái người bé tí hon đứng với mình trong vườn lan, thân cao không vượt khỏi cái lá lan uốn cầu vồng, cụ Kép đãi đứa cháu ngây thơ một nụ cười rất độ lượng, mắt nhấp náy kính tuỏi:

- Nếu không có nồm thổi, thì hoa trong vườn ông còn lâu mới nở. Hoa sẽ nở nhằm vào ngày rằm tháng giêng. Đúng vào ngày Tết Nguyên Tiêu. Ông cháu chúng ta sẽ có hoa mà thưởng xuân, cháu đã hiểu chưa. Bây giờ cháu vào gọi bố già ra đây cho ông bảo.

- Bố già đi ra bờ ạ.

Phải, phía cầu ao trong vườn cụ Kép, một người lão bộc, đang lom khom dúng rỏ lá xuống nước ao và sàng sẩy đồ đá như kiều người ta sàng mẹt gạo. Tiếng đá bị rung lên, đập vào nhau kêu sào sạo, khiến lũ cò trắng

ngiht chân trên lý tre vôi bay đi mất. Bõ già ngiht tay, nhìn đàn cò sợ hãi bay cao, với nét cười của một người chịu vui sống trong sự an phận.

Bõ ở với cụ Kép đã lâu lắm. Cái hồi cụ Kép còn là một thầy Khóa sinh hai mươi tuổi, bõ già đã ném cơm ở cửa nhà này rồi. Chính bõ vác lều chõng cho cụ đi thi tú tài. Những việc nhớn việc nhỏ trong nhà, bõ đều nhớ hết. Bõ nhớ cả đến ngày giỗ giúi trong họ. Không có bõ nhắc nhóm có lẽ nhiều lần mợ Ấm cả đã bỏ mất ngày giỗ. Bõ già hình như chỉ trải cuộc sống của mình để hằng năm, nhắc nhóm đến những ngày giỗ trọng và giỗ giúi của gia đình người khác.

- Thừa mợ, đến mười sáu tháng tư này lại là ngày chính kỵ cụ ngoại...
Thừa mợ...

Mợ Ấm cả, muốn tỏ sự cảm ơn, kén đáo đãi bõ già miếng trầu kèm miếng cau tươi mềm. Trong cái gia đình yên lặng này, bõ già được thiện cảm của mọi người, không phải vì ỏn thót mà chính vì lòng thẳng thắn. Lắm lúc trông tội nghiệp lạ. Bõ tính toán, sắp đặt việc nhà chủ y như một kẻ có quyền lợi dính dấp vào đấy. Cái hoài bão to lớn của bõ, là lúc trăm tuổi nằm xuống sao được có một cái “áo” gổ vàng tâm thật dày.

Ở đây, không ai nữ nói nặng bõ. Và, đến những việc nặng, mọi người đều tránh cho bõ già. Công việc thường trong một ngày, có nheieu hôm chỉ thu vào việc chuyên trà tàu và thay bã điều cho cụ Kép. Thạmạ chí trong những ngày cuối năm bận rộn như hôm nay, mà bõ già cũng không phải mó tay vào việc gì cả. Làm lợn, gói giò chả, vo gạo, đồ đậu xanh làm bánh chưng, làm dầu đèn, lau bàn thờ, nhất nhất không việc gì phải qua tay bõ. Mãi đến quá trưa hôm ba mươi Tết, cụ Kép mới bảo bõ già đi rửa mấy trăm hòn đá cuội tranứng. Nghe thấy bõ già nhận lấy cái việc rất ngộ nghĩnh đó, cả nhà đều cười. Thứ nhất là lũ trẻ con. Cụ Kép vẫn nghiêm trang dặn người đầy tớ già.

- Bõ đem đá ra bờ ao rửa cho sạch. Lấy bện dũa mà kỳ cho nhẵn, cho trắng tinh ra. Xong rồi, lựa những viên đá tròn bỏ vào một rổ. Những viên đá xù xì, không tròn trĩnh, để ra một rổ khác.

Bõ già tỏ ý hiểu;

- Thừa cụ con biết rồi. Cụ lại sắp cho dọn một bữa rượu “Thạch lan hương”. Nhưng sao năm nay, lại soạn đá sớm quá? Thừa cụ, con nhớ mọi năm cứ hạ cây nêu xong rồi mới đem cuội ra ngâm kia mà...

- Thế bõ không thấy giới đôi gió nồm đấy à? Thế bõ không biết năm nay hoa nở sớm hơn mọi năm sao? Tôi đã cho ngâm thóc để lấy mầm lúa nấu kẹo mạch nha từ mấy hôm nay rồi.

Bõ già gật gật...

Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đây tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là một kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng cho thân thể, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng kia. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoản vườn, khuân hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, đầy chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trở bông khiông biết đến, chúng tàn lá cũng không hay, thì chơi hoa làm gì cho thêm tội.

Bạn đa.ng đọc truyện tại iREA.D.vn.

Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gâ lấy một vườn lan nho nhỏ. Giống lan gì cũng có một vài chậu. Tiểu kiều, Đại kiều, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử ... Chỉ trừ có giống làn Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc giá đắt mỗi rò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:

- Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm, ông ạ. Gió mạnh lá gãy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hotọ là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy yếu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Lầm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những quý vật ấy không chịu ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.

Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khỏe, đen, hoa và gò đầy, hoa cỏ khi đậu được đến nửa tháng và trong mười ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lụi.

Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.

Chiều mai, mừng một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.

Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sình sịch, bồ già đang chăm chút canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bồ già phải cẩn thận xem lửa kéo lơ dểnh một chút là khô mất nồi kẹo.

Hai ông Ấm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gần đấy, phất giấy vào những lan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trịnh trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:

- Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại lợi chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lợi mấy chậu Mặc lan thôi.

Hai ông Ấm, ngồi phất được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toan được sở tích của cha già. Cụ Kép co ro chạy từ nồi kẹo mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xồm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông Ấm cả, ông Ấm hai lễ mẽ bưng những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gần nở. Mỗi lần có một người đụng mạnh vào rổ lan đen, cụ Kép lại xúy xoa như có người châm kem vào da thịt mình.

Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hại kẹo mới nguội.

Bây giờ thêm được bố già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban này ra mẹt, đem dúng đá cuội vào nồi kẹo, quần kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lòng chậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt rất nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa.

Úp xong lồng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa.

Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lành.

Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bố già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa.

Bố già đã bày ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng màu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đôn, bố già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngắt ngẫu hai

chậu lan còn lù lù chiếc lồng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bõ già xếp đặt trông thạo lắm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bõ già cũng phải, ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bõ già hôm nay lăm bắm phàn nàn với ông Ấm hai:

- Năm nay, cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đứng rằm tháng riêng mới uống. Và lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài sân, trông vào bữa rượu hoa, đẹp mắt lắm cậu ạ.

Ông Ấm hai vui chuyện, hỏi bõ già:

- Nay bõ già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

- Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá đâu. Mấy vò rượu này, là rượu tằm đấy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rả ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đây nút lại, không có rượu bay!

Phía ngoài cổng cũi, có tiếng chó sủa vang.

Bõ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngô duối. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre còng cua hay trúc đùi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bõ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị thì khom khom mở từng chiếc lồng bàn giấy một.

Một mùi hương làn bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giấy phất từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây. Bốn cụ và bõ già đánh hơi mũi; những cặp mắt kém coi đăm đăm nhìn kỹ khoảng không trong vát

như có ý theo dõi luồng hương thơm đang thấm nhập dần vào các lỗ khí trời. Cơ gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.

- Dạ, xin rước các cụ.

Dứt tiếng cụ Kép, tất cả bốn cụ đều úp lòng tay vào nhau thì lễ và giơ tay chỉ thẳng vào giữa, mời nhau ai cao tuổi xin nhấp chén trước đi. Tiệc rượu bắt đầu. Bõ già kính cẩn chấp tay đứng sau lưng chủ, có vẻ cũng thêm say lắm.

- Trời lạnh chút nữa, uống Thạch lan hương mới đúng phép, chủ nhân ạ!

Đáp lời cụ Cử Lũ, cụ Kép vuốt râu cười nói:

- Chính thế. Nhưng đệ sợ chờ được lạnh đến, thì hoa vườn nhà tàn mất. Trông kẹo mạch nha không đông, còn dính vào lớp đá lót, đệ cũng biết là không được khéo lắm. Trời nồm biết làm thế nào.

- Nay cụ Kép, kẹo đá thơm ngon đấy. Chỉ hiềm có mùi ung ửng pha vào hương lan. Chắc kẹo nấu bén nôi, khô và thêm không được đông nên mới có tạp vị nhiễm vào.

Sau mấy câu phê bình về tiệc rượu, tỏ ra mình là người biết thưởng thức những vị thanh lương đạm bạc, bốn cụ đều xoay câu chuyện sang phía thơ văn.

Cụ Tú người cùng làng với cụ Kép mở đầu câu chuyện làm thơ.

- Sớm nay, đệ đã khai bút rồi. Đệ nghĩ được một đôi câu đối. Để các cụ chữa cho mấy chữ, chiều nay sẽ viết luôn vào giấy hồng điều để xin phép dán thêm vào cổng nhà.

Ba cụ cùng cạn chén một lúc, cùng nói một lúc:

- Cụ Tú hãy cạn luôn ba chén rồi hãy đọc đôi câu đối mới. Câu đối của cụ còn ai hạch nổi chữ nào. Cụ nói gì mà khiêm tốn vậy... Chúng tôi xin nghe.

Chờ đợi cụ Tú dặng hăng lấy giọng, mỗi cụ đều bỏ vào mồm những viên kẹo mạch nha đá cuội ướp hương lan. Những nhân đá đánh vào răng kêu lách cách. Mỗi ông già đọc một đôi câu.

Rồi mỗi chén rượu ngừng làm một lời thơ ngâm trong trẻo. Cứ thế cho tàn hết buổi chiều.

Mấy cụ đều khen lẫn nhau là thơ hay. Trong cái êm ấy của chiều xuân sớm, tiếng ngâm thơ quyến rũ cả đến tâm hồn một người lão bộc. Bõ già, chiều mồng một Tết tự nhiên mặt sáng tỏ hẳn lên. Cái đẹp của tiệc rượu ngâm thơ lây cả sang người bõ.

Vò rượu vơi với chiều xuân sớm quên đi.

Những vò rượu vơi dần. Bõ già đưa thêm mãi những đĩa sứ vào bàn rượu.

Từ phía đầu làng, dội về mấy tiếng pháp lẻ loi. Lũ cháu nhỏ, nấp sau cột nhà, muốn chạy ra xin bõ già phát cho chúng những hòn cuội đã nhắm rượu xong rồi kia.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Một Đám Bất Đặc Trí

Ít bữa nay. Lý Văn buồn bực ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. Nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dữ tợn ấy có khi trở lại đến hai ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hậm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai:

- À, anh em chúng tôi cũng chơi bời như ông Lý nhà ta đây. Hễ ông Lý có vừa, bà nói giùm cho là có bọn Huần ở Kim Sơn ra thăm. Bá Huần, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huần Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mẹo ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý. Người nào cũng quần khăn đầu rìu, trông rất dị thường.

- Chúng tôi là người Tam Tổng, ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân địa qua đây, ghé thăm ông Lý và hỏi ông xem có công việc gì đáng để anh em đỡ tay hộ không.

Bà Lý Văn chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách hãy ngồi chơi để cho cháu nó đi đun nước.

- Thầy cháu đi lên tỉnh vắng-bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một chỗ để xơi một khẩu trà. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước trà đun sắp sôi. Họ chắp tay ra đằng sau lưng, lưng thỉnh thoảng dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó mẹo tha hồ mà sủa, mà rộ; có lúc chúng chồm vồ lên lưng

khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bấp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bấp chân tròn tĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đấy, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên làn da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lỗ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia nghênh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảng sân vườn nhà như là của họ. Trái với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cầm que hay gậy tre già với sự rụt rè kiêng nể là chúng cắn vồ và đuổi nhiều, lần này đàn chó meo, sau một hồi thị oai suông đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi “nhỏ to” ở giữa sân, họ nói chõ vào trong nhà:

- Thế ông Lý có nói bao giờ về không?

Từ trong nhà thấp, tiếng bà Lý đưa ra:

- Dạ, thầy cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào xơi nước kẹo nguội.

Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thầm bàn tán. Họ không trả lời câu mời nước của bà Lý. Trong một lúc gặt gồng, bà Lý chỉ nghe được mẩu chuyện lúc họ nói to: “... Chả có nhẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bạc bất thành linh như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phù hữu bặt”. Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc lào rít đến tận nỏ và sau mấy câu chào hỏi kệch cớm ngô nghê. Bên chiếc điếu cày dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc lào. Nấp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam còn tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tỉ mỉ trở lên đấy một cái mặt hổ phù.

Cai Xanh-người khách có hộp thuốc lào này và vừa ở đây ra-Cai Xanh là một tay chơi nổi tiếng ở mấy vùng Thanh nội và Thanh ngoại. Những tay anh chị trong đám giang hồ phóng khoáng thường được biết đến tiếng Cai

Xanh. Và những tay chơi chưa được gần y thì chỉ thèm muốn có một dịp nào nhập vào đảng y để được viết rõ đến nghệ thuật của một bậc đàn anh. Có mấy lần, Cai Xanh hay bàn với những người thân tín về việc ông Thám ngoài Yên Thế.

Người ta biết đến Cai Xanh, người ta biết luôn cả đến những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc Lào, ... Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Khi đã dùng đến thì thế nào cũng có chuyện. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hoá cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hổi dòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một huyền sử đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc Lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản, không dự một đám cưới to nào, những lúc nhỡ độ đường không có tiền trả những hàng quán hẻo lánh trên con đường Thanh nội Thanh ngoại, Cai Xanh đã lẽ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng:

- Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai mốt tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

“Nó” đây là cái hộp thuốc Lào ở trên nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù. Những chủ quán ở rìa rác đường Điện Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo cặp mắt lại như muốn đếm tách bạch ra từng đồng tiền trong tay nải khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ về cái hộp thuốc Lào của Cai Xanh mà mỗi lần thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tin thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám

nhận: “Dạ, không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh”.

Hôm này, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không được gặp, Cai Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là việc phỉếm và khi nào về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó. Vì có chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tí gì, bà Lý Văn cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã không được gặp chồng mình lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới lại trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hẵn đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.

Một ngày nữa lại hết.

Vào một sớm thứ hai, một thôi tiếng cho sửa vang ngoài cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nảy của một người quen vội vàng. Y tỏ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nẻ ra hai đường răng trắng nhớn. Ông khách chạy vội ra phía đầu chái nhà, vợ lấy cái mai dựng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý:

- Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại chơi.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết

chồng bà có những người bạn lạ lùng như thế bao giờ.

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ khăn áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phản. Từ chối hết cả những lời mời mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo hay là dọn rượu. Lý Văn chỉ nằm ngửa nhìn thượng lương nhà, tay trái vất lên trái. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dẫn dúm lại vì giày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng.

Truyện đ-ược dịch t-rực tiếp tại iREAD-

- Mấy hôm thầy nó đi vắng, có đến dăm bảy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các ông ấy đều không nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngày cho thầy nó xem.

Bà đưa cho chồng cái cán mai có tiện một nấc ở đầu cán.

- A, Phó Kinh! Thế người ta đến từ bao giờ?

- Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta lại trở lại đây.

Lý Văn tự nói một mình: “Mình đang tìm Phó Kinh. Thôi, được rồi, có cây “bút chì” này giúp sức, ta không lo gì nữa” .

Bỗng Lý Văn ngồi nhồm dậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc Lào con con Y vội quờ lấy cái hộp có in mặt hổ phù.

- Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đấy. Ông ta lúc bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta.

Lý Văn không để ý đến nhờ vợ, ngắm nghía hộp thuốc Lào sung sướng, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ:

Cai Xanh! “Tiếng nhạc” này, thế nào cũng ăn to. Một cây “Bút chì” của Phó Kinh và một cái láy chẵn của Cai Xanh, thế nào đám này cũng lọt. Ta đang lo thiếu hai tay này. Chắc thế nào Phó Kinh cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ họ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây cùng một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quát tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lợn. Bà Lý Văn chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh. Một mặt, người nhà chọc tiết lợn, tiếng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu eng éc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu cho xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tấp như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, y nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu. Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư, thì y dặt luôn đến năm sáu người cùng về, trong số đó có cả Cai Xanh và Phó Kinh.

Người ta nói cười oang oang. Lý Văn vào nhà trước, trải vội chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa.

- Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạn, hai bàn chân bẩn vỗ vào nhau mùi lượ. Cũng như từ bao giờ, bà Lý đã lẫn đi đâu mất. ông Lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đông bạn lạ đến uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế, dọn xong rượu, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng. Thực khách đều giữ một vẻ mặt bí mật.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vỏ thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thớt rười có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dĩa đầy tú hụ lên thế, lòng mâm thịt đã vơi đến một phần ba. Một vài người dặng háng. Đôi ba kẻ vể sẵn những mồi thuốc Lào, mắt nhìn trừng trừng vào người đang rít điếu cày. Lý Văn Khắc mạnh. Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đứa nào thưa, y tùm tùm:

- Thưa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát ngay công việc cho anh em và định ngày làm.

- Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thế đêm nay lại tối trời. “Tiếng bạc” này, em xin thưa để bác Lý biết: nếu đêm nay không mở ngay thì đi “tiếng bạc” đến vỡ mất.

- Cũng được. Vậy thì anh em cắt và nhận công việc luôn đi, Phó Kinh bây giờ mới lên tiếng.

- Cứ như lệ cũ mà theo, vẽ vôi cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh “bút chì” là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh Lý nhà đỡ cho một cây “bút chùng” kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những con đường độc đạo. Còn các chú nó đây-Phó Kinh xoè tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì- thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vặt như thả chông, bật hồng, vùn vùn. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em bàn thế đã tạm ổn chưa?

Phó Kinh tu một hớp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao nhao:

- Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu cất quân. Sang đúng đất bên ấy, vừa vào giữa canh ba.

Cả bọn lại đều một loạt đánh ngã vài chai lớn nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu: “Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi”. Cả bọn đều lấy làm thương thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị của người dám nghĩ dám

làm. Nghèo, cực, khải. Lấy chỗ tiền bạc của bọn bất nghĩa, đem chia cho anh em khác nghèo như mình.

Phó Kinh đã nóng mặt, xắn tay áo, ngồi chửi đồng (1)

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất ba dòng chưa tìm ra được.

- Này phải biết, một cây “bút chì” của em, em dám chấp cả một ấp người chúng nó.

Nói xong, Phó Kinh nhảy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mỗi dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hôm nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ùa theo Phó Kinh ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện voi bụi chuối tiêu phất phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kinh cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai, nói to: “Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái”.

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh rọt. Và Phó Kinh đang cười hề hề, cuốn vòng dây thừng vào cánh tay trái. Được giật về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

- Bây giờ, đàn anh lại xem em lấy buồn chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai xén qua cuốn buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

- Ngón “bút chì” của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kinh đưa cho mình cây “bút chì”, buộc thòng lọng múi dây vào cổ tay trái và bảo: “Chú nào ném hộ anh hòn đất đi!”.

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lười mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gãy mất hai chân, vết thương gọn gàng vừa đúng quăng đầu gối và cặp giò chưa lìa hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi làn da hoen máu.

Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn:

- Nếu mình nèm mạnh tay quá và không biết tính sức đi của “bút chì” là nát mất gà. Các chú không phải đánh những tiếng bạc vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ đòn “bút chì” khó khiến lắm. Và một cây “bút chì” ngang tàng như thế mà lại phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây “bút chùng”, ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá “bút chì”. Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy, thì đầu người rụng cứ như sung.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Chén Trà Sương

Trời rét quá. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ Ấm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thánh Quan, cụ nhắc cây đèn để xuống. Được khêu haitim bắc nữa, cây đèn dầu sờ phờ thêm màu xanh lá mạ chất sứ Bát Tràng.

Trên chiếu cói cặp điều đã sờn cạnh, cụ Ấm đã bày ra đấy nào là khay trà, ống nhổ, ấm đồng và hoả lò đất. Cái điều bát vẽ Mai Hạc kêu vang lên một hồi rất còn rất đều. Khói thuốc lào đặc sánh bao trùm lấy ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn dầu. Rồi làn khói loãng dần biến ra nhờ nhờ như làn hơi nước sủi. Sau màn khói, ẩn hiện một ông già chống mạnh bên gối xếp, cặp mắt lim dim như một nhà sư nhập định. Vẻ nghiêm trang lặng thinh của ông già muốn làm ngừng cả ánh khói trắng biến động đang trôi trong không khí gian nhà gạch. Ba gian nhà chỉ có một người thức.

Trong cảnh trời đất lơ mơ chưa đủ phân rõ phần đêm và phần ngày, ông cụ có phong thái một triết nhân ngồi tính bước đi của thời gian. Đêm đông dài không cùng. Nó mênh mênh và tự hiết rất chậm chạp.

Gió bắc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn gửi vào nơi yên lặng này mười lăm tiếng gà không nhẩn nhục được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ râm bụt lượn sát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người nặng nặng nhẹ nhẹ. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

Cụ Ấm thấy quạt nan thành phạch theo một nhịp nhanh chóng trước cửa hoả lò. Hòn than tàu lép lép nổ, nghe vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa, những tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một

khoảng không những nét lửa ngang dọc ngoằn ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Ấm thường hỏi chúng xem pháo hoa cải như thế có thích không.

Những hòn than tàu cháy đều, màu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn quanh. Không khí mỗi lúc giao động càng nâng cao thêm những lưỡi ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hòn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thổi vàng thổi chảy.

Thình thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô, rất khẽ và rất gọn. Thế rồi hòn than sống hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điểm ấm áp trong một cái vỏ tàn tro dày và trắng xộp. Cụ Ấm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hoá lò, thăm hỏi cái hấp hối của lỗ vô tri vô giác. Cụ Ấm bỏ thêm một vài hòn than hoa nữa vào hoá lò. Than hoa không nổ lép bép như than tàu; nhưng từ ruột ấm đồng nung nấu đã lâu, có tiếng thở dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Ấm cũng thở đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khẽ nâng vuông vải tây điều phủ trên khay trà gỗ trắc có chân quỳ. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Ấm nhắc cả đĩa dầm chén tổng chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kênh càng hơn. Cụ ngắm nghía mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng không một chút gọn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ Tàu lấy dáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Ấm thử mãi da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ẩm, hình như cố tìm tòi một chút gợi trên đất nung để được sung sướng thêm hơn nữa sau khi nhận thấy cái ấm độc ẩm kia là nhẵn nhụi quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Ấm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là sôi không. Mở đầu cho công việc vụn vặt

trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già sợ nhất cái ấm trà tàu pha hồng lúc sớm mai. Từ trên bề cao cổ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trị, tiếng kêu lộp bộp.

Tên hoá lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà đúng cách thức trà đạo như cụ Ấm bao giờ cũng có ít ra là hai ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhắc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đỏ rực. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ đội nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Ấm uống trà tàu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cẩu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần nhỡ gặp phải ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà nho:

- Có lẽ tôi phải mua ít chén có đĩa ở hiệu Tây, để mỗi khi có mấy thầy làm việc bên Bảo Hộ tới thì đem ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tàu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng như sớm nào, đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và

chấm cho anh em tập quyền. Nhiều người đã ghen tị với tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười: “Thầy già ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận: các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam-(trước kia tôi là Đờm sau sợ phạm huý nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho)-anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh đâu”. Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào dậy, cụ cũng ngâm một vài bài thơ. Giọng thật ấm, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này:

Truyện được cập nhật nh.anh nh.ất. tại irea.d.vn

Bán dạ tam bôi tửu

Bình minh số chả trà

Mỗi nhật cứ như thử

Lương y bất đáo gia.

Mỗi buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc để cụ Đốc chữa cho bài diễn nô:

Mai sớm một tuần trà

Canh khuya dăm chén rượu

Mỗi ngày mỗi được thế

Thầy thuốc xa nhà ta.

Cụ Đốc tạm cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra hết ngoài những cái nặng nề trong cơ thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất. Ấu cũng là một quan niệm và một phép vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lành mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình, cụ Ấm thường nghĩ đến cái câu nghìn xưa của thầy Tăng tử: “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân” vào những giờ uống trà này.

Trong nhà cụ Ấm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Ấm cũng bắt đầu ho. Chừng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở không dám ho, sợ làm đục vẩn mất cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại hỏi thăm sức khoẻ của cha và mon men ngồi ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy quạt, nhắc hoá lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

- Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà con đượm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Ấm chẳng dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc tỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Ấm lại bắt người trưởng nam giờ tập Cổ Văn ra bình lại cả bài Trà ca của Lữ Động. Giọng bình văn tốt quá. Điệu cổ phong trúc trắc thể mà con cụ Ấm lại còn ngâm gỏi hạc bắt đoạn cuối một câu trên xuống luôn đầu câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai cha con uống nước mà y như là một đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện vẫn mãi về trà tàu, ông cụ Ấm lại mang luôn cả tập Vũ trung Tuỳ bút giảng những đoạn công phu của Quốc Tử Giám Tế tửu phạm Đình Hồ chiêm nghiệm và xưng tụng về trà tàu. Rồi cụ Ấm liền than tiếc đến cái mùa thu đã đi mất

rồi, để sen hồ rách hết tàn rũ hết lá. “Cả ạ, thầy cho nước pha trà không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có tí thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Hồi thầy còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho đi thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu tin”.

Trong gia đình cụ Ấm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một hồi bần bách quá, cụ Ấm đã cất hẳn bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bày nó ra hăng ngày nữa. Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay nhà cụ Ấm lại được mùa cả hai vụ.

- Này Cả, con lên tỉnh mua trữ lấy ít trà Lý Tú Uyên. Năm ay ta ướp tằm vào chục chai để giảnh. Thủy tiên nhà, năm nay gọt những một lãp đấy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới. Độ mai kia thì rò hoa tách hết màng. Củ nào hoa kếp thì đem ủ trà.

- Thừa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hao thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời dạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong cái đám cây một chiếc lại một chiếc, đang rụng lá năm cũ.

Đạo mạo trong vành khăn nhiều quăn dối, cụ Ấm đã chống gậy ra đi. Cụ quay trở lại dặn người con trưởng đang lúi húi lau bộ khay trà.

- Thầy vào trong cụ Điều để rồi cùng sang làng bên thăm một con bệnh già. Con bệnh này, tổn nhiều sâm đây. Đến tối thầy mới về vì thầy phải sao tẩm thuốc sống ở bên ấy cho tiện.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Đèn Đêm Thu

Hình như năm nay thu nó về sớm hơn một kỳ; phải không hở anh Cử? Ông già sáu mươi cài hết hàng khuy hồ phách nơi tà áo chiếc áo lụa Nguyễn tím than đã bợt, ngẩng đầu hỏi người con đángoạn bộ đồ trà. Cậu Cử mơ loa cuốn lịch, thưa lại:

- Thưa thầy, lập thu vào ngàymồng một tháng bảy.

Ông già sáu mươi kêu: “Thảo nào!” và hỏi tiếp:

- Đến tháng tám này là đúng vào ngày đầy tuổi tôi con bé cháu Tố Tâm đấy nhỉ?

- Dạ thưa thầy vâng.

- Một năm đủ mười hai tháng. Lên một, Tố Tâm nó chơi đèn được rồi đấy. Năm nay anh Cử có định bày cỗ cho các cháu chơi tết Trung Thu không?

Dưới nhà, vọng lên tiếng trẻ khóc bú và tiếng đàn bà ru con: “A ơ... Tâm ơi, Tâm ngủ đi Tâm... để mẹ ra đầm, gánh nước tưới hoa... à ơ...”.

Ông già tỳ cùi tay lên gối xếp da quang dầu, vuốt chòm râu bạc, nhìn ra cơn heo may lay bức màn, làm gật gù bông cúc nơi chậu cây cảnh ngoài sân. Ông già nét mặt nghiêm trang, bảo cậu Cử:

- Các con gọi tên con cái, nên gọi cho đúng. Tên cháu bé là Tố Tâm, thì phải gọi đúng như thế. Sao lại ăn bợt đi mất một chữ. Không thể bảo

như thế là tiện là dễ gọi được. Người ngoài người ta cười cho.

Cậu Cử vội chạy xuống nhà rồi lại chạy lên ngay. Nói tiếp về việc bày cỗ tháng tám, cậu Cử thưa:

- Đã đến mấy năm nay, nhà ta bỏ mất cái tục lệ ấy. Cứ kể có bày ra lại, nó cũng vui nhà.

Dưới nhà, lại vắng đưa lên cái giọng ru con ban nãy:

“À ơ, Tố Tâm thừa chút hương trời... à ơ ư...”.

Ông cụ già bằng lòng. Người con dâu thứ ở nhà dưới ru trẻ theo cái ý của ông già vừa ngỏ với cậu Cử. Cậu Cử cũng hài lòng vì vợ đã tỏ ra là một người thuần thực, biết nghe lời gia huấn. Không những thế, vợ Cử còn tỏ ra là người cũng võ vẽ thi ca nữa. Vì con gái út là một thứ hương thơm bắt được của trời!

Thằng Ngô Lang, đưa con đầu lòng lên bảy tuổi, chạy lên mách với cậu Cử: -Em” Tố Tâm ngủ rồi cậu ạ”. Rồi nó leo lên sập, nhảy vào lòng ông nội, cũng đòi uống trà tàu. Cái lối chạy lên làm nũng ông nội như thế, và được ông nội tha thuận, thằng Ngô Lang đã có thói quen. Ông già sáu mươi yêu cháu vô cùng. Có khi ông lại đọc cả thơ chữ Hán để cho đứa trẻ sớm thông minh kia ngời nhại mình. Nhớ được một hai câu ngũ ngôn ngắn gọn, nó lại chạy xuống bếp túm dải yếm mẹ và đọc sai gần hết để vợ Cử lại phải phì cười chữa lại từng thanh âm một. Từ khi cụ Thượng Nam Ninh không ở chức Tổng đốc vùng xuôi, về trí sĩ ở Hà Nội tại cái nhà ngói chật hẹp phố Hàng Gai này, thằng Ngô Lang là một cái vườn cảnh cho cụ vui cái thú điền viên. Cụ khen cháu cụ là đỉnh ngộ. Mỗi bữa rượu sớm, mỗi tuần trà trưa, cụ đều cho Ngô Lang ngồi kèm một bên. Đã mấy mươi lần, vợ chồng nhà Cử Hai hết sức van xin ông đừng nuông cháu quá, sợ Ngô Lang đâm ra hồ. Cụ Thượng phật ý, bảo dâu và con nếu không để cho cụ như thế thì cụ vào ở trong huyện Thọ Xương vậy. Vợ chồng cậu Cử không

biết làm thế nào, đành cứ phải để Ngô Lang mặc sức quấy và làm nũng ông nội. Cụ Thượng cười và thoi không doạ vào ở trong huyện Thọ Xương, nơi mà người con trai cả lý đã mấy năm nay. Thực thế, cái ý vào ở với cậu Cử Cả, giờ là một ông quan Lệnh, ý đó chỉ là một lời doạ. Ông Lệnh Thọ Xương đã mấy mươi lần đem cả vợ con đến nhà hẹp phố Hàng Gai để rước cụ Thượng vào trong huyện ở cho mát hơn rộng hơn. Cụ Thượng chỉ trả lời ông huyện Thọ Xương:

- Lần sau, anh được lúc việc quan thanh thân, có ra chơi ngoài phố này với thầy, đừng có nên đem lính ra nhé. Ổn lắm. Chúng nó có sinh vào đời vua Lê chúa Trịnh, thì cho thêm vào cái đăm Kiêu binh Tam phủ được đấy. Thầy rất sợ hàng phố người ta nói vào.

Mấy lần sau ra thăm cha, ông huyện Thọ Xương không dám đem mấy tên lính trợ trợ ra theo nữa, nhưng đã động đến việc cũ, thì chỉ thấy cụ Thượng trả lời:

- Thầy ở đâu thì cũng thế. Miễn là được tỉnh mạc là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay tránh sự giao thiệp. Tôi tưởng vào ở tư thất một huyện nha nó phiền nhiều lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này.

Ông huyện Thọ Xương biết cha mình có bụng yêu chú Cử em hơn nên kiếm cớ ra như thế, bèn nói dối:

- Dạ, con tưởng hồi trước thầy còn ở chức, sự giao thiệp và đưa đón những tạp khách cũng nhiều lắm, và nhiều không kể cho hết được, lại là những cái gai mắt của toán lính hầu cận thầy. Một cái dinh Đốc bố đường, thưa thầy, sai nha không phải là ít. Vậy mà con không thấy thầy phàn nàn bao giờ cả.

Cụ Thượng hiểu ý, cười:

- Bởi thế cho nên tôi mới thêm đến sự an nhàn lúc được dưỡng lão. Và lại thầy ở ngoài này nó quen đi rồi. Bao giờ anh được lui về vườn và nếu trời còn cho thầy sống được một vài giáp nữa, ông con ta sẽ ở chung để sửa sang một cái vườn có đủ hoa bốn mùa. Anh không lo rằng chậm. Thôi, cứ để thầy ở ngoài này.

Cụ vừa trả lời ông huyện Thọ Xương vừa nhìn ông Cử Hai đứng sau người anh, có ý bảo thầm người con thứ rằng: “Bao giờ thầy cũng chỉ muốn ở với con, bởi vì con có tâm hồn giống như ta”. Rồi ngắt sang câu chuyện khác, cụ hỏi tiếp.

- Các anh có nghe thấy ở các phường người ta đồn về cái tin đức Thành Thái ngự du ra khánh thành cầu Bồ Đề với ngài Toàn quyền Đô Mỹ như thế nào không? Chắc ông Huyện thì rõ nhiều hơn là em cử nó. Mấy nhíp cầu tất cả nhỉ! Hình như là chín nhíp đấy nhỉ?

Thường mỗi một lần từ chối lời mời mọc chí tình của người con cả, ông già lại có một câu chuyện đánh trống lảng như thế, để giữ lấy hoà khí trong đám “anh em chúng nó”. Cùng là con cả, nhưng cụ Thượng đã thấy rõ ông Cử Cả, tức là ông huyện Thọ Xương đương chức kia, là một người có tâm thuật rất hèn kém. Cũng là một giọt máu sinh đôi mà sao ông Cử Cả và ông Cử Hai không giống nhau lấy mấy may, từ quan niệm nhân sinh cho đến từng cái nhỏ nhặt hàng ngày. Cụ Thượng tin rằng khi cụ trăm tuổi đi rồi thì ông huyện Thọ Xương dám làm mọi chuyện phương hại đến gia thanh. Cái người ấy, thường cụ vẫn hạ mấy chữ “vô sở bất chí” những lúc nghĩ riêng mình với mình: “Ta nằm xuống, là thằng này sẽ làm mất hết những chính tích hay trong đời làm quan của ta”. Bởi chán về người con lớn đã tìm được lối xuất thân, cụ càng nghĩ mà thương và yêu người con thứ. Cũng là thân danh một ông cử nhân có vợ, có con, mà vẫn còn đơn giản như ngày để chỏm. Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai sống cuộc đời mình như người

ta chơi chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thể mình. Hồi cụ Thượng còn nhậm ở dưới Sơn Nam hạ, cái gia đình lớn ấy chưa quy về một mối, ông Cử Hai quanh năm đi dạy học ở bốn tỉnh tứ chính Đông Nam Đoài Bắc. Không cần phụ huynh học sinh xử hậu hay bạc, không cần địa phương ấy là có đất văn tự hoặc dân ấy là có nếp văn chương muốn cầu học chữ của thầy, có khi tới ở đó ít ngày, ngồi giảng bài chưa ấm phòng học, ông đã quấy khăn gói tráp điếu lên đường. Người tuổi tác có hỏi, ông trả lời là vì cảnh ở đây không dung được người. “Bực trượng nhân thử nghĩ: cái gì mà nước chỉ chảy xiết khôn bao giờ tụ; cây trồng đến ba năm bó không có quả; ớt nhấm không thấy cay; hoa chỉ có mùi thơm về phần đêm; núi chỉ bằng đầu chứ không có chỏm ngọn, và mây trời không bao giờ hiện đủ năm sắc. Cảnh như thế, tôi ngồi mà làm gì. Chữ thánh hiền không phải ở chỗ nào cũng đem bổ thí được”.

Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu hồ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mòi chân phải ngừng ở lại các thôn ố, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái miệng giải sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyển bài, để đề một bức châm lên lá quạt tặng bạn đồng song, để khắc chữ triện và chạm trở moto hòn đá xù xì cho thành một con trạch ấn, để dúng ngón tay trở vào chạm mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc có hình đủ bốn thứ cây cỏ tứ hữu: cúc, trúc, lan, mai treo chơi trên vách đất quán trọ nơi ngồi dạy học.

Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sổ đồng môn, chỉ khổ lên vì đi tìm thầy. Tết mừng ba, ông Cử Hai đã trốn khỏi nhà trọ từ hôm trước để đi ăn hàn thực và đi hội đập thanh với các bạn sinh làm thơ tức cảnh. Tết Đoan Ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết trung Thu ông lên chùa Thầy ngắm trăng Chợ Giời họp trên đỉnh núi Sài Sơn. Gần tết Nguyên Đán, nếu

chưa về nhà, thì ông ẩn ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một lắp thủy tiên. Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hòa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi. Lùng tìm cái dấu bàn chân một chính khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, có lẽ còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cửu Hai những lúc cái hứng giang hồ ở người ông nổi dậy.

Từ ngày cụ Thượng nghiêm phụ về trí sĩ ở Hàng Gai Hà Nội, ông Cửu Hai không tha phương làm án nữa. Ông ở riết ở nhà chép lại cuốn gia phả, và sao được bao nhiêu pho kinh mượn trên chùa Trấn Quốc cho cha. Thế rồi vợ Cửu sinh thêm được con Tố Tâm. Trước ngày ở cữ Tố Tâm, vườn lan nhà cụ Thượng Nam Ninh ở Hàng Gai nở đều mấy chậu vừa Tiểu Kiều, Đại Kiều. Cụ Thượng cha gọi thế là lan báo hi và đặt tên luôn cho cháu gái là Tố Tâm. Vợ Cửu Hai, thấy chồng không ra mặt bất đắc chí và phần uất với buổi giao thì nữa, chỉ ngày ngày thờ cha già và chơi với Ngô Lang và Tố Tâm, cũng vui cười hể hả thêm lên. Một hôm Vợ đã dám ru con rất to, như rót vào tai chồng:

Ba năm lưu lạc giang hồ

Một ngày tu lại, cơ đồ vẫn nên

Thằng Ngô Lang và con Tố Tâm ngon vo cùng. Thằng anh mến con em, nhiều khi cắn cả má em để cho em vừa khóc vừa theo, ồn ào và dễ thương lạ. Con Tố Tâm chưa đầy tuổi tôi, mà má đã lúm đồng tiền, mà mắt đã trong như nước hồ thu. Ngắm con gái, anh hoa sớm lộ ra ngoài, vợ Cửu Hai có điều ngại ngại. Buồn một cách thoáng qua thôi. Chỉ có một lần thằng Ngô Lang làm cho mẹ nó buồn sợ hơn hết là một buổi tối, nó vén màn the lên, kéo mẹ nó đến gần cửa song có con tiện, chỉ cho mẹ nó xem một vừng trăng sớm lộ bên đầu hồi nhà.

- Mẹ ơi, ra đây mà xem ông giảng.

- Ông giăng làm sao?
- Ông giăng đẹp lắm. Có hai cái cánh nhọn.
- Thế thì đẹp gì. Ông giăng có tròn thì mới đẹp chứ!
- Tròn cả không đẹp mợ ạ.

Từ lúc ấy, thằng Ngô Lang cứ vắt tay lên trán và ngắm giăng như một người lớn đang suy nghĩ. Mỗi lần mẹ nó bảo bỏ lá màn xuống cho khỏi muỗi thì nó lại sụt sịt khóc. Và nó cứ vắt tay lên trán nhìn vừng giăng lên mỗi lúc một cao. Ông Cử Hai vừa về, nó nhảy choàng dậy, vui mừng như một người đứng tuổi khi tìm được một tâm hồn bầu bạn, nó lôi tay bố nó xềnh xệch đến chỗ chấn song, chỉ vừng giăng bạc có cánh nhọn và nói:

- Ban này ông giăng khéo hơn bây giờ kia cậu ạ. Ngô Lang nằm chờ mãi mà không thấy mây che lấy ông giăng của Ngô Lang. Thế đêm nay có mây không hả cậu?

Truyện. được cập nhật nhanh nhất tại ire.ad.vn..

Vợ chồng ông Cử Hai nhìn nhau hồi lâu, chốc lại liếc qua Ngô Lang đứng bần thần bên cửa sổ có ánh giăng xuyên qua. Người vợ hình như lấy cặp mắt lo lắng bảo thầm chồng: “Tính di truyền giọt máu nhà lại bắt chúng ta cho ra đời một tên tài tử nữa rồi” để cho người chồng nghĩ thêm rằng: “Đời thằng Ngô Lang rồi cũng chỉ đến lãng băng mà thôi. Cái vừng giăng lười liềm kia sau này còn lôi kéo cái thơ mộng Ngô Lang kia đi xa lắm. Việc ấy cũng là số mệnh định cả và điềm ra như thế”.

Qua ngày tết Trung Nguyên, ông Cử Hai để tâm vào việc mua sắm cỗ tết Trung Thu cho hai trẻ Ngô Lang và Tố Tâm và vợ chồng cũng quên cái việc Ngô Lang mê cái bóng giăng lười liềm đêm trước.

Mấy hôm sau, ông Cử Hai chạy suốt ngày như một người banạ rộn nhiều lắm. Chốc chốc lại tha về mấy cái mai cá mực, hoặc ít mụn nhiều đủ cả màu tươi và bao nhiêu là giấy hàng mã cùng là que nứa và dây lạt. Ông Cử Hai, một người tài hoa giang hồ, đến cái tuổi chán sự bay nhảy và đã nghĩ đến chuyện vui cùng gia đình.

Người ấy đã hồi tâm lại, mong gây cái êm ả cho gia đình vào một ngày tết của con trẻ. Người ấy đi kiếm các vật liệu để làm cho lũ con một cái đèn xẻ rãnh. Từ trước tới giờ cái người ấy có sao Thiên Cơ chiếu vào hoa tay, chỉ đi làm đèn xẻ rãnh ở những chỗ đầu sông ngọn nguồn cho các thứ trẻ con thiên hạ, hồ mong trả cái nợ áo cơm đối với những người bao dung mình vào những ngày và tháng bẽ bàng.

Mấy ngày liền liền, ông Cử Hai nghĩ tìm một cái đầu đề mới lạ cho đèn xẻ rãnh. Hay là lấy sự tích Tam Quốc ra làm? Không thấy hứng lắm, bởi vì đã đến ba bốn lần ông mượn tích Tam Quốc rồi. Người ta còn nhắc mãi đến bây giờ cái đèn xẻ rãnh của ông hồi mấy năm về trước, diễn cái tích “Triệt giang phò A Đẩu” lúc Triệu Tử Long nảy sang thuyền Tôn phu nhân trên sông Ngô, trông cứ như thật. Cái tài làm đèn xẻ rãnh của ông được nổi tiếng, truyền rộng ra một vùng Kinh Bắc là từ cái đèn “Triệt giang phò A Đẩu” ấy. Tác phẩm chỉ đọc có một cái ấy, ngày nay ông Cử Hai không còn nhớ ra được là đã vào tay ai. Hình hài ông vào hồi ấy cũng còn là chuyện bỏ qua, huống hồ chỉ là một công trình tiểu xảo kia! Ai đi nhớ mà làm gì!

Mấy hôm nay ông nghĩ đầu đề làm đèn xẻ rãnh cho thằng Ngô Lang, thực khó hơn là tìm vận thơ gieo cho một bài bát phú đặc. Chưa biết nên diễn cái tích gì đây! Hết ngày ấy sang ngày khác, ông ngồi bóc sẵn hạt bưởi và chẻ những hạt na ra từng hai mảnh một. Hạt bưởi xâu vào que phơi khô, tức là những cây nến cắm vào đèn giấy cho lũ trẻ con nhà nghèo chơi đêm ngày rằm.

Cụ Thượng nướng đỏ cái tiêm sắt vào ngọn đèn thổ hà, xiên mũi tiêm nóng vào lòng mảnh hạt na, hút một điều thuốc lào, thổi khói pháo. Mảnh hạt na vừa tàn thì tro thuốc rơi xuống cũng vừa tụt gọn vào điều. Gọn ngang và ngon lành đến thế là cùng. Cụ Thượng hỏi ông Cử Hai:

- Thế anh đã nghĩ làm đèn như thế nào chưa?

- Con định hỏi lại thầy về cái tích này xem có nên không. Là diễn một tích trong truyện Ngô Việt Xuân Thu, lúc Phạm Lãi đem Tây Thi sang dâng Ngô Phù Sai.

- Ừ, Phạm Lãi gặp Tây Thi giặt lụa ở bến Trữ La, hồi này thú vị đấy. Nhưng anh Cử định diễn từ đoạn nào? Phải làm những quân gì? Đừng nên làm nhiều quân lắm. Cái sức luân chuyển của tán đèn đốt lửa chỉ có chừng độ thôi. Nếu dùng nhiều quân quá, sức máy gạt ngang sẽ yếu đi nhiều.

- Con đã nghĩ rồi. Cái rãnh chính để hình dung một con sông chảy từ đất Việt sang đất Ngô. Ở phía bên phải chiếc đèn, đắp một hòn núi giả hơi cao. Ở rãnh phụ ấy đặt một cái máy gạt ăn ở hai hình quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư. Ở nơi góc bên trái, cũng ở một cái rãnh phụ nữa, lại một chiếc máy gạt ăn vào một chiếc thuyền ở trên có hình Phạm Lãi ngồi. Ở cái rãnh chính thì có chiếc thuyền lớn. Đây là thuyền Tây Thi tiến Ngô.

- Thế anh cho các quân ấy chạy và gặp nhau như thế nào?

Ông Cử Hai dùng ngón tay trở vào cái đĩa dầm sứ có nước, vẽ xuống mặt án thư mấy hình phúc họa vì trí của từng quân đèn xẻ rãnh.

- Thừa thầy, khi tán đèn quay, thì cái tuyến Tây Thi đi từ phía trái sang phải. Khi thuyền gần tới hòn núi giả, động đến cái máy gạt có cần thép ăn vào hai quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư, thì hai hình này cử động. Ngô Phù Sai sẽ ưỡn mình ra phía sau như là ngấm kỹ năng Tây Thi ở trong cái thuyền tiến công đang đi thâu vào bờ cõi nước Ngô. Còn hình Ngũ Tử Tư thì cử động hai tay như là ôm lấy Ngô Phù Sai, can ngăn không nên thâu

nhận lấy cái họa Tây Thi. Về phía bên trái cổ đèn, khi thuyền Tây Thi vừa lướt qua cái trục máy gạt ở rãnh phụ phía trái, thì chiếc thuyền con có Phạm Lãi lộn ngược đi khuất vào góc đèn. Thầy nghĩ thế nào?

- Anh dàn quân thông đấy. Thành ra hết bốn quân Tây Thi, Phạm Lãi, Phù Sai, Ngũ Tử Tư, ừ, bốn quân và... hai con thuyền. Chưa lấy gì làm nặng quá sức quay của tán đèn. Có thể thêm một quân nữa.

- Ý thầy muốn thêm một quân Thái Tể Bá Hy nữa, thưa thầy phải thế không? Vâng, có cái ông Thái Tể nữa vào nó cũng vui trò. Phải thêm một cái gạt nữa cho cái ông nịnh thần vong quốc này. Lúc thuyền Tây Thi đến, trong truyện, chính Thái Tể Bá Hy ra đón Tây Thi, và từ đấy, đã đưa Ngô vào đường diệt vong theo đúng cái kế hoạch của Việt Vương Câu Tiễn.

Cụ Thượng và ông Cử Hai ra công làm năm quân ấy cho chiếc đèn xẻ rãnh lấy tên là "Ngô vương cự gián nạp Tây Thi".

Công việc chẳng có gì, vậy mà cũng mất đến hơn mười hôm. Ông Cử Hai tìm những mẫu nến bạch Lạp rất to cháy dở còn thừa lại trên đầu các đèn nến thiếc Song ngân nơi bàn thờ. Và đi lục lọi thêm những mẫu khác nữa trong tủ để cho nó đủ. Mẫu nến của kỳ giỗ xa xôi sót ại, vẫn chưa mất hết hẳn những giọt nước mắt sấp của những ngày hương đèn năm trước. Ông Cử Hai đem đốt cháy và hợp thành được một tảng sáp lớn. Ông chuốt quân đèn xẻ rãnh và lấy sáp này làm cốt cho quân. Cũng may mà những mẫu sáp thừa kia đủ dùng, chứ không thì cũng hơi rầy vì cái khoản vật liệu ầy. Độ này nhà túng lắm, mọi việc mua bán đều phải lấy tiết kiệm làm đầu. Đã hay rằng ông huyện Thọ Xương vẫn có đưa ra luôn để đỡ thêm vào việc chi tiêu trong nhà, nhưng ông Cử Hai vẫn lấy làm phiền.

Thế là tạm xong được mấy cái cốt hình người. Bây giờ mới bắt đầu làm đến đầu người, mặt người. Thằng Ngô Lang ngồi còm hồm bên cạnh bố, hỏi luôn miệng:

- Tại sao cái mặt này cậu để trắng, cái mặt khác lại có hai chấm đỏ, và cái mặt kia cậu lại bôi đỏ hết cả đi?

Cụ Thượng đang ngồi lựa mụn lựa xanh đỏ bó thành quần áo cho quân sáp, cười và bảo:

- Cháu đừng có nghịch thì mới chóng có đèn chơi. Mặt trắng là quan văn. Mặt đỏ là quan võ. Những người trung thần nghĩa sĩ cũng đều mặt đỏ cả. Người phản nịnh thì mặt trắng mốc có điểm mấy vệt đỏ nhờ nhờ.

Ngộ Lang chỉ vào lỗ mặt người:

- Thế ra ông làm cho cháu một cái đèn có cả người nịnh và người trung, quan văn và quan võ đấy à? Sao ông không cho quân đèn mặt đỏ tất cả đi?

Ông Cử Hai gọt đầu người bằng mai cá mực, để công nhiều nhất khi gọt đến mặt Phạm Lãi và Tây Thi. Nàng Tây Thi tất nhiên phải có khuôn mặt đẹp. Nhưng nghĩ đến cái thú vị của một đời người như lúc Phạm Lãi dám bỏ lại sau mình cả một cái giàu sang nhất thì mà đi chu du Ngũ Hồ, nghĩ đến phút ấy trong cái sinh bình một người xưa, ông Cử Hai cũng làm luôn cho Phạm Lãi một cái mặt rất đẹp, cấy vào đấy một bộ râu năm chòm đen nhánh, Ngộ Lang cũng tỏ ý thích cái đầu Phạm Lãi và cả cái đầu nàng Tây Thi nữa.

Đèn xẻ rãnh đã hoàn thành. Cái tán đèn xẻ rãnh to quá. Phải thắp đến mười con bấc nơi đĩa dầu sờ, cái sức mạnh của lửa mới quay chạy được tán đèn. Ngày đầu tháng tám, ông Cử Hai đem đèn ra thử.

Có người học trò cũ ở Sơn Tây về qua Hà Nội, biết ông Cử Hai có con, đem đến biếu thầy học cũ một cái bánh dẻo mặt trắng, mặt bánh dẻo to một thước, thế nào lại nhắm ngay vào giữa hôm ông Cử Hai thử đèn xẻ rãnh. Ông bày đèn ra sân, đốt hết cả mười con bấc cháy sáng. Ông bày luôn ra sân bộ đồ trà, mời cụ Thượng ra ngồi vào cái ghế đầu đã để sẵn trước

đèn. Cụ Thượng ngồi, ăn bánh, uống nước và trịnh trọng như một người được mời tới để định giải thưởng cho đèn xẻ rãnh. Rồi cả nhà, mỗi người một miếng, trông vui vẻ lạ. Vui nhất là Ngô Lang. Cả đến con Tố Tâm bé thể mà cũng ăn được hai mảnh bánh mặt trăng.

Quan đèn bắt đầu diễn vòng đầu. Mặt trước đèn có nền soi vào, snág như một sân khấu rạp tuồng thu bé lại. Thuyền Tây Thi từ từ tiến vào sân khấu. Lúc nàg vào được đến phần ba lòng sân khấu, lướt qua chiếc thuyền Phạm Lãi, động đến cái máy gạt thứ nhất ở góc trái đèn, thì thuyền của Phạm Lãi quay vào trong và lẩn mất. Nàng Tây Thi vẫn xuôi trên sông ngô rồi biến vào nội địa đất Ngô. Cái máy gạt ở góc phải cỗ đèn động đánh xịch một cái nữa, thì trên hòn núi giả làm bằng giấy trang kim đốt đen, Ngũ Tử Tư bắt đầu ôm lấy Phù Sai với dáng điệu của người tội trung hết sức ngăn chửa. Nhưng dưới chân giả sơn, cái người nịnh thần thái Tế Bá Hy đã đon đả đi lại gần thuyền Tây Thi, giơ tay ra đón lấy. Trên cái núi giấy, hai hình tội chúa kia vẫn cử động như ban nãy, một người tỏ vẻ can ngăn, một người vùng vằng không chịu nghe. Thuyền Tây Thi dưới này, đi sâu mãi vào đất Ngô và khuất hẳn. Vậy là đủ một vòng đèn xẻ rãnh.

Ngô Lang nhảy lên mà cười. Cái đèn này là của riêng nó để bày cỗ ngày rằm. Con Tố Tâm khoa mãi hai chân và hai tay như muốn sà xuống chỗ đèn sáng. Rồi nó khóc. Mợ Cử Hai bảo chồg:

- Hay là làm cho mỗi đứa một cái. Càng đông đèn, cỗ càng vui. Giữa mâm cỗ, bày một con gà uốn hình ông Lã Vọng. Ngô Lang đã có đèn xẻ rãnh. Giờ làm cho con Tố Tâm một chiếc đèn kéo quân, cho nó khác đi.

Ngày ngày hôm sau, ông Cử Hai lại túi bụi vào việc làm đèn kéo quân. Ông đã đem một tập sách thơ cũ ra, lột mấy cái bì sơn cậ, cắt bì ra, ghép hai mảnh bì làm một, dán lại làm hình người, Tố Tâm thì chỉ chơi đến đèn kéo quân thôi. Nhưng dù sao, ông Cử Hai cũng để hết công phu vào việc làm đèn. Chiếc đèn kéo quân của con Tố Tâm, đến hôm bày cỗ rằm, cũng còn hơn các bàn xô nhà khác ở chỗ nó có những hai chiếc tán kia, mỗi cái

tán ăn vào một đĩa đèn, một tán xoay vòng theo chiều thuận, một tán xoay theo vòng nghịch. Đèn chạy, hai vòng quân, một vòng trả đi, một vòng trả về, vui mắt lạ! Lại còn đèn cá và thiềm thừ nữa. Mợ Cử Hai ngâm sẵn một vại ốc và bửa những quả bưởi rất khéo, cốt giữ nguyên vẹn lần vỏ, tổ vào vỏ những hình trám thủng, để hôm sau con nó thắp lên rồi tha hồ mà lăn tròn cái thứ đèn cù ấy trên mặt đất. Ông Cử Hai tìm lên vùng Hồ Tây đặt rượu sen thứ có tằm. Chưa bao giờ cái tết Trung Thu nhà ông nhộn nhịp cả nhà đến như thế.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Trên Đỉnh Non Tản

"Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

Làng Chàng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây là một làng trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái chàng cái đực của dân Chàng Thôn không những được người trần biết đến mà tình thoảng cứ dăm bảy năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt to tháng tám đánh chìm hết những làng ở rải rác phía chân núi Tản Viên.

Vài năm năm một, vua Thủy lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên đến đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu dê bò lợn, hao màu bị ngấm nước cứ hàng tuần trắng một, rồi chết, rồi nẫu, rồi nữa, rồi tan theo với ngọn nước lúc rút, tiếng nước xiết réo lên như thiên binh vạn mã. Mỗi nột kỳ nước trắng cuộn dâng nên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuộn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lường được. Có nhiều làng bị nạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới dò được ra dấu vết cũ. ở nhiều chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những hài cốt kỳ quái của loại động vật đời thạch khí. Trận hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao con vật quái về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con dãi to bằng cả một cái giếng làng đào thấy ở cạnh cái vãn chỉ hàng huyện huyện Tùng Thiện chẳng hạn. Còn nhiều thứ xương cốt của nhiều giống thủy quái khác nữa bị giạt vào các chân đồi, vào giữa thung lũng các xóm núi, mà nước rút xuống

mau đã ký tặng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi. Ở khắp mấy vùng Vệ Đồng, Nam Toàn, Thạch Bàn, Văn Mộng, đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm tuổi mà cũng chịu, kêu rằng cha ông bình sinh cũng chưa từng có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không iết thế nào mà nói. Có một lần, người Mường ở xóm Đá Chông, ngày chõ sát địa chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đồng xương một loài chim to lạ quá; người ta ngờ rằng đây là những chim rừng của rừng hoang núi Tản, những con chim ấy lúc sống có đủ da thịt lông, thì cũng phải to gấp năm sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ.

Tục truyền những trận hồng thủy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thủy và một vị thần trong bốn vị Tứ Bất tử nơi thế giới u linh: thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chủ Đồng Tử, và Phù Đổng thiên vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh hay đùa ghẹo người trần nhỡ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là Thánh Tản Viên. Thánh Tản Viên đã gây thù kết oán với Tiểu Long hầu, con vua Thủy Tể. Thần Núi và vị hoàng tử Nước kia đã là hai tình địch một thiên tình sử thoát hàm trong cái mơ hồ vô tận ở tít trên một chòm non xanh, ở tít tận dưới đáy một thủy cung. Hai kẻ tình thù mỗi lúc đánh ghen nhau thì muôn ngàn sinh linh đồ thán. Mỗi một kỳ đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên; đỉnh non Tản muốn cho khỏi ngập dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để ngoi lên cao thêm nữa thêm mãi. Trời, bao giờ cho nàng công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thuở. Chứ thỉnh thoảng mà hai cái Thần ấy còn cướp phá nhau và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nghìn nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản và

lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia đã thành câu hát của người xứ Đoài:

"Núi cao sông hãy còn dài

Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

Tre con thỉnh Đoàn, đến bây giờ vẫn còn hay hát. Vừa hát vừa nghe hát vừa trông lên cái chỏm non Tản: trông xa như hình một cái tán đá, non kia vôi vọi đã là cả một thế giới của bí mật, của huyền ảo.

Mỗi lần đi chủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền thờ Thán Tản Viên, không có quan địa phương nào là không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ta truyền lại rằng đền thờ Thánh Tản có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thắt quả bông để lên cho được trên đền Thượng, chưa từng thấy có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đâu có ông phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông phủ Quốc Oai chỉ nói có mấy câu: “Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khói ở Kinh thành Thăng Long. Thấy rõ cả cái Chợ Giời ở núi Sài. Có đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà Giang là có thể hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẫu gỗ chò. “Đây Quan Lớn ngài xem”, thế rồi là lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ màu trắng nhờ nhờ tiết ra một mùi hương đượm của quả men rượu ủ trấu. Cái nhân đó vụn biểndi đâu mất. Vỏ cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa hinh niên, lấy thìa múc uống thấy say ngát vô cùng. Mảnh đá cuội vỡ, quan Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng giắt trong mình. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thơm. Đôi mảnh cuội về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc

mất. Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hẵn là đã trở về với chủ nhân trên non Tản. Ngày lại càng lấy làm sợ hãi và không dám kể lại với ai cái việc Thần núi Tản đòi lại hòn cuội chọ mượn đó. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông Phủ Quốc Oai ngày nọ chẳng.

Chuyện kỳ dị về hòn cuội có nhân không biết vì đâu mà đồn về đến tận dân làng Chàng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những môi thuốc lào châm nùn rơm hút đến tụt nõ điều cây, những bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên non cao, hỏi nhau xem ở trên cái ngôi đền Thượng núi Tản Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là mỗi lúc câu chuyện có đà động đến ngôi đền Thượng huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bỗng thợ trẻ để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao bàn tán đoán già đoán non về những việc trên đền đức Thánh Tản. Những bậc đàn anh này có biết một cái gì trên ấy chẳng? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ kín kín hờ hờ giấu diếm như thế?

Thái độ ông cụ phó Sần thì lại càng đang nghi lẫn. Ngày trước ông cụ phó Dần vui tính hay bép xép. Chỉ từ dạo cách đây đâu mười năm, ông cụ phó Sần tự nhiên bỏ làng Chàng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sần đi có mang theo đủ bào, đục, tràng, cưa, dây mực, ống mực, dây quả dọi, và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lên bênh; ông cụ nhật những đồng chìm tiêu dần và cất những đồng nổi vào một chỗ rất kỹ rất kín. Từ ngày ấy, vợ con và cả người mấy xóm ở làng thấy ông đổi tính đổi nết một cách mau chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép hết chuyện người rồi mang nốt cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lắm ngày vẫn vợ như bị ma ám và nhiều hôm không cậ mồm ra mà nói lấy nửa

nhời. Và nhiều thêm tạt khạc nhổ, thăm khám nước bọt và nỗ và tay luôn luôn sờ lên cái cổ vốn lộ hầu. Ông phó Sần xưa điềm đạm thì giờ hốt hoảng. Người ấy có một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa muốn thôi dám. Bà cụ phó Sần buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giờ chừng lúc sắp năm xuống?

Cụ phó Sần là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả. Thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có cái phong thái một kẻ lãng mạn vào lúc cuối đời. Ông cụ giờ chơi cây cảnh. Và bất cứ là nơi nào, hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được. Có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ Sần cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt, để rồi lúc ở vườn quả trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc về thất vọng trên bộ mặt khô héo. Không, những thứ hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì là quý lạ cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thứ tầm thường ở cuộc đời này. Những thứ cỏ suối hoa ngàn và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sần bị bắt đi hơn một tháng để trung tu lại ngôi đền Thượng ở trên đỉnh núi Tản Viên.

Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài, mà không thấy sốt ruột. Hoa quả lành ngọt và thơm như hết thảy những cái gì không phải là trần hủ sống gửi ở mặt đất cõi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm, lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sần tin rằng sẽ có khối người đoạn tuyệt với cõi hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai và cái mắt. Nhưng, ác cái những chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, Thần non Tản đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ gỗ lại, đưa mỗi người nuốt một lá trúc xe điếu và dặn tất cả bấy nhiêu người “Thôi nhá, chuyện chi để đó. Các người về làm ăn dưới ấy cho yên ổn”. Cái lá trúc xe điếu ấy là một con dao găm, một con trúc dao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bép xép lỗ mồm tiết lộ đến thiên

cơ thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một lời đe loai của Thần Non Cao và cả một cái bí mật của ngàn xanh.

Hiệp thợ ngổa là người xa lạ các nơi tụ họp lại, một lúc xuống núi là họ phân tán ngay. Còn hiệp thợ mộc bảy người toàn là người làng Chàng Thôn. Ông cụ Sần cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền Thánh Tản. Những lúc tắt lửa tối đèn hoặc họp chè, họp rượu ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, bảy người thợ mộc đều gặp nhau luôn. Nhưng tình không ai hé răng cậy miệng ra nói lấy nửa lời về câu chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau trừng trừng mà biết vậy, rồi lo sợ đều bằng con mắt cả. Họ đều đem nhỡn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập ký ức tâm về hơn một tháng trùng tu ngôi đền Thượng.

Trong bọn, có Nhiêu Tàm, người xóm dưới, không biết đại mồm đại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ tửu nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiêu Tàm khỏe mạnh như thế, đang vui mà lăn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sần và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sần và năm bác phó mộc đã tìm đến nhà đám đòi xem mặt cho được người bất hạnh. Nói là xem cái cổ nhiêm tàm thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mã đao đang nung. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè, dài vừa đúng một cái lá trúc con. Ông cụ Sần và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trừng phạt của Thần Non Tản!

Ông cụ Sần bèn xin lấy cái ngòi mã đao ấy, nói dối là đem về khảo về một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sần đem cắm ngòi mã đao đó vào chiếc chậu sứ chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khảng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiêu Tàm, cụ Phó Sần thường họp

mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhắm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bày trước thềm nhà. Trong những ngày nồm nớp của đám thợ mộc này vừa hụt đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ố với cái vui thú được thỉnh thoảng nâng chén.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đóm nõ. Đây là một lời cảnh cáo dai dẳng.

Ngày tháng cứ thế mà vội dần trên lũy tre làng Chàng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy-không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh-buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ dối, một ông cụ già râu tóc, lông mi trắng xộp như bông, chống một cây gậy trúc đuôi gà vàng óng, khoan thai tiếng vào cổng trước làng Chàng Thôn.

Trông ông cụ đỉnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống hiệu nón tu lờ người tu hành, dân làng không hỏi căn vặn mà chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quắc thước thuộc lòng con đường đi của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quấy nồi kê. Thấy có người tiếng vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa và lại còn quẩn quýt lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nồi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường ngự ở chiếu trên cạp điều ngoài đình, thật là chưa có cố nào đẹp lão đến như thế.

- Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngợ. Ông cụ già chột nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bầy ở thềm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay áo đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ gài ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông già khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hần mặt đi và sụp xuống đất sấp lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản bàn đỡ ông Sần dậy:

- Chỗ này không phải là nơi bày vẽ ra những nghi vệ nơi cung điện. Người đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay lại trong đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

- Dạ

- Cuối trống canh tư, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thoi nào tới thì cứ xuống. Nồi một không hết thì san ra làm hai con lườn.

- Dạ.

- Đây ta để lại có ít bạc cốm. Hễ thả vào nước những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Giữ sao cho không ai biết đi đâu, vợ con cũng vậy.

Nói xong câu này, Thần Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, một tay ngăn không cho ông cụ phó Sần sấp sụp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ, phát mạnh cửa tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không sủa lấy một tiếng nào.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư. Sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà no nê rồi như lũ thợ cày, đang ngồi bó gối chờ đợi trên những tảng đá sống trâu trơn lạnh. Bến đò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm nay, người hai làng bên bờ đều lấy bến trên hoặc bến dưới mỗi lúc sang ngang trải chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nửa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tồm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sông bị vắn queo. Tồm. Tồm. Những trái sun nẫu lìa ngành cổ thụ. Dưới cái lờ mờ của đêm thắm, vài ba trái cây gợn vể lên mặt nước đặc sệt như dầu bông ít vòng tròn cùng chung một điểm trung tâm.

Truyện được dịch tại iREAD.vn

Chim thú thì thù thì đi gần mãi lại nhau. Chả còn mấy nỗi nữa, đêm sẽ tan canh. Bởi vì tiếng kêu con chim thú thì được đã gần mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con thù thì cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mộc bạn, ngồi chờ đã oải cả xương sống, chốc lại trở vai. Những bào, cán chèo, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô rất gọn.

Nước lừ đừ dịch vài bãi nước bọt mà đám phó mộc nhổ xuống dòng nước bệnh lúc muốn đánh lừa đợi chờ.

Đêm tờ mờ đen rằm hẵn lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt. Ở một điểm huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hẵn lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, dí sát hẵn mắt vào, thì là chiếc thuyền thoi và một... chiếc thùy thoi nữa. Mũi hai chiếc lườn có cặp luồng hai bên mạn ghé sát vào gờ đá. Bọn ông cụ Sần

lãng lãng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm. Những hai lườn, mà chỉ có một người đẩy. Người chở lườn không nói chuyện, không nhìn bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thăm thăm của đêm sông vắng đang thốc mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vút vút.

Bọn ông cụ Sần nắm tay nhau. Lườn đi trên sông, song song hai chiếc, gì mà lại đi như trong cái rỗng tuếch của không gian. Lườn đi êm như trườn xuống một cái dốc ngọn thác mà lòng thác đều lót một lớp đầy rêu tơ nõn. Ban này, lườn áp bến không có một tiếng động róc rách, như là khê lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rữ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi xuyên như cắm sâu mãi vào cái đông đặc của sương núi rạng mai.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ô hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một cô con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như chất kim, lạnh hơn cái gậy gẩy của rừng buổi sớm mai đây đặc sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh vắng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi tả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Cô lái và hiệp thợ mộc đã đổ bộ được một thoi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã hái lấy các đầu ngón châu bầm xuống mặt đá trên lối độc đạo cho vững bước đi.

Đây đã khởi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thấm hút không hết làn sương núi. Sương càn trên đọng gieo xuống càn dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lìa cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ rợ mốc và cỏ và đá vào lúc mới có Cầu Tạo.

Đền Hạ. Rồi đến đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sần cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dấu bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những cái gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa, trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soái, giờ đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sững trước mặt bọn người đấng sơn. Thế này thì leo lên làm sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn có biết truyện Tam Quốc, tấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ cửa ngăn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một binh đoàn cảm tử.

Cô lái dò hướng đạo quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gần kìm bước lại, đứng thẳng lên, rồi ưỡn người hơi ngả về phía sau. Họ ngắm kỹ, không có một phút dám nghĩ đến lơ lả. Có ông Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà: đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ ổng dáng của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan trang ấy giờ là người đứng ra để truyền một cái lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như là mẩn đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên bảo thế. Cô lái dặn sáu người phó mộc lên buộc vào lưng cho kỹ những đồ làm đem theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhắm mắt lại. Thế rồi cả đoàn người cứ thấy bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới mây vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẩn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tít tấp hút ngược lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mẩn đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm cơ thể bọn thợ đang băng mình qua cái miết lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một dày, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi

cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng đã phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyển trước được mở mắt xem lược qua và chuyển này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rớt đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái bảo họ mở mắt ra. đây là một khu đá bằng mặt rộng độ một mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chòm nhọn màu xanh cánh chả lại có mây trắng vàng đánh đai lấy. Ông cụ Sần sức nhớ lại những lúc ở dưới quê hương thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyển trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất mà thôi. Đã mười năm rồi còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyển này nữa, tái kiến mà vẫn như là lần đầu. Người ta càng ngỡ ngẩn với non xanh. Mà thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của Chủ Non Xanh:

- Sơn chủ hôm nay bận sang núi bên phó hội có thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh Nữ sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tấc cỏ, một cái lá. Thôi phép trên sơn thượng này nghiêm lắm. Nhớ lấy kéo lờ ra mà khốn đó.

Người nữ tỳ-đây là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ-ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ nogạt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gần mãi lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ bỗng dựng sẵn thì nước suối Tịch Mịch nín bật. Nó lững lơ trôi ồm yếu và lững lơ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần vực hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch làm ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mộc cất đồ làm vào dưới lều.

Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ màu vàng nhạt và xanh hay chín, trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng cái thai đứa trẻ gục đầu ngủ quên. Rớt xuống thảm cỏ, hột Hồ đào hoá thành luống cúc tần có bảy lá mốc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giạt mình, bay bổng.

Người nữ tỳ đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sần chờ đợi một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng sơn dương đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

- Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe. Cứ bằng lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây tên bạc này. Cứ bắn ra, rồi mũi tên sẽ vòng quay lại, không bao giờ hết tên.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám hỏi khê:

- Thế còn ngũ cốc?

Người con gái tím tím cười, chỉ ra địa sỏi:

- Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cội xanh là lúa tre, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... Các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hoà vào với nước sôi mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác nên trình qua Sơn chủ đã.

Mấy bác phó mộc trẻ trở mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn trở lại, dặn thêm:

- Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đất hình một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đây và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi lên mặt nước. Nên năng tìm đến đây, bắt cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuân rất nhiều đá cuội, cứ từng đống có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập đá bừa bộn, không cần để riêng hòn xanh hòn vàng. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bỏ bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng thả vào những gióng tre Đẳng Ngà không lồ đựng nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợ lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần xách cung sừng và hai cái tên bằng bạc lần xuống chỗ Bạch đàn đàn, bắt được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về đi qua dưới cây đại cổ kính đầu cành chàng nặng nhặn như những cặp nhung hươu, thấy có chim, ông phó Sần bèn phóng một mũi tên vàng, dây cung kêu đánh phụt một tiếng. Rồi mũi tên lướt rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống có thạch sương bồ bóng loáng nước sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sẻ đồng bì tên vàng cảm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xiên chim chín và xiên cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây nâng tiển.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngàn, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên tràng đục, đánh một giấc không biết trời

đất là gì nữa. Mở mắt dậy thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ nước nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vùi lại, đỡ mấy câu gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá rậm, đá cuội bắn tung hạt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ dặn bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sọt mái, người nữ tỳ lảng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phát trần, ngắm mấy con bạch tượng cắm ngà xuống sân đền, sau mười cây gỗ dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dậy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bộ tráng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thủy dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thủy ra, còn ai dám động đến đền Thượng? Đích cột đền là gỗ chò vầy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thủy dâng nước lên đỡ gỗ chò vầy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ Sơn chủ gọi họ lên chữa.

- Tâu Chúa Ngàn cao cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thầy Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hổng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu và dựng đền thành ra thượng thực hạ hư.

- Dạ cúi thưa Chúa Ngàn cao cả, đó là cung cách của chúng tôi thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ

gỗ khác nhau, chúng tôi e không đẹp. Tôi xin Ngài phán xuống để anh em chúng tôi khởi công.

Thần Non Tản liền phán:

- Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn giang này, có thiếu gì gỗ chò vầy và đá hoa. Ta dám chấp Kê kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà đỡ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bảy cây gỗ chò nữa, chiều nay lũ voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lột cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngoã làm.

Hiệp thợ mộc vẫn tuân tự tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như màu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hẳn lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên lòng trần đèn hình mai luyện lại sáng rực hẳn lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ Tản Viên đào ngoã. Vào những phút này, mấy thân cây cột gỗ chò vầy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của thứ gỗ đặc biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò nhấp nhánh lộng lẫy chớp lên như vầy rồng vàng cốm chạm nổi.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm từ quý tứ linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tì hình thư kiếm, quạt và phát trần, kẻ thì gạt dáng tù và với túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào với cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cẩm đới nét dẻo như tung bay được .

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên hoá thì trời xám quá, ánh sáng ngói đèn không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá gọi đôi tê giác xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh

sáng thì con tê giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. Sừng tê giác là những vệt lân hoả sáng xanh và dịu. Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống tràngkêu lách cách cóc cách gieo những thanh âm thô lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn mềm. Nhiều buổi Sơn chủ hài lòng cho phép cả hiệp thợ ngâm lá cuội mà say. Có một lần, ông cụ Sần tỉnh rượu thấy mình gối voà vào con bạch tượng mà ngủ và vợ trẻ trắng đang bức hồ đao đùa ném vào các người thợ bạn còn ngủ li bì. Bên hàng lệ liễu màu phấn hồng, có đến linh trăm con chim quyên mỏ và lông đều tím hoa sim đang rĩa vỡ những màng hoa mây khóm phong lan đen như gỗ mun.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Chàng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sò. Nghĩa là công việc chữa đèn Thượng gần xong. Ông cụ phó Sần buồn buồn nghĩ đến ngày sắp phải xuống khỏi núi. Cứ ở trên này, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn thăm thăm kín mật, mỗi lìa rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hở hàng tí chút lại với người đời về cái thần bí trên đây xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ phó Sần rầu rầu nghĩ đến một hôm nào đây, cũng không còn xa gì nữa, Chúa Ngàn Thiêng lại đưa cho người về một cái lá trúc nhọn đầu.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Đới - Roi

Một đêm giao thừa nọ, thủy chung quý sắp y ước mà vút xôi oản vào đất mình, Phật mới hiện ra mà bảo rằng: “Đấy là Hậu thân của con”.

Ân Ngũ Tuyên

Kinh Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Tếch Già chi tiền châu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hất hàm hỏi nhà chủ:

- Tôi trông cái bác vừa vào bán roi châu cho bà đây có vẻ mặt quen lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Tếch Già:

- Dạ thưa đấy là Cậu Đái.

- Đái nào? Cậu Ấm Đái con cụ Bồ Nam ấy à?

- Vâng chính là cậu Đới đấy ạ. Tên cậu, chứ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà Nho hay xuống hát ở đây giảng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đai hay cái giải mũ gì ấy - nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đới:

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Ấm Đới:

- Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tám - cái cô Tám ở Ấp ấy mà - say như diếu đở. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường Hồng Công thì mới cho là giàu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nò mà thó ngay được bộ chén ngọc liệu, đem bán đăt bán rẻ đi sắm giường Hồng Công để Tám ngủ cho đỡ đau lưng

Chủ nhà hát nguyệt ông khách:

- Ông cũng hay nhớ những cái chuyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

- Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái bộ chén ngọc liệu ấy đâu bán cho cái chú Khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đới liền sắm giường cho tìn và còn bao nhiêu thì uống sâm banh dần với tìn... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tí hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, không có cái gì khéo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

- Bây giờ cậu Đới khổ lắm ạ. Tài tình như thế mà hóa ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi chầu và vót gọng ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa:

- Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi về bà ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp tết, nhân nha ngoài đường nghĩ về chuyện cậu Đới, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng là thừa. Ông nghĩ hộ cho người, ông nghĩ luôn thể về

riêng ông. Ông thấy rằng ca và nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bên tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đây gió gời chúa hay gời mặt, nước nông mà lại hay có sóng ngầm. Qua Cổng Trắng, một đợt gió tàn năm tạt ngang tại. Ông khách rùng mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại:

- Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhẫn! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhẫn.

- Lạnh quá Nhẫn ạ. Gió phố ta lạnh quá.

- Đới bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy... Qua năm anh xuống hát mở hàng cho Nhẫn lại được đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quả mút đầu năm; người đàn bà nói lại rằng một vía lành đến nhường ấy thì phải xuống “ Với lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều.” Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận thời hát mở hàng nhà Nhẫn.

Một kẻ đói rách khúm núm tiến vào. Lại vẫn lại cái người mặc áo vành tô bán roi châu ban nầy tại nhà bà Téch Già.

- Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhẫn mở xác gửi người bán roi bà đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cắt nghĩa về phía ông khách.

- Bác Đới là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thầu khoán tới đây đánh trống cho giã gân giã cốt tay cũng không hã hết được. Nhưng tôi cứ mua để bác Đới lấy tiền tiêu hết. Bác vẫn ở trong ngõ

Liên Hoa đấy chứ? Bác xem hễ lúc nào cô Hường hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu lý nó và các cháu vào trong ở kéo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba châu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi ưỡn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đới tiến gần lại:

- Dạ thưa đây là gỗ ruổi

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới ưỡn được có một chút đường cong thì kêu đánh rắc, gãy đôi,

- Thế cái này hẳn là gỗ găng?

- Dạ bẩm ông tinh lắm. Gỗ ruổi thì dẻo bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn đưa một nửa ruổi và một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Với lại các ông tính, chúng toio làm nghề chuốt roi châu mà đánh đến một nghìn bài Thét Nhạc rồi mà đòi một cái roi bán ra áy vẫn cứ lành vẹn thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Truyện được dị.ch .tại iREAD..vn.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh:

- Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời đứa con tôi sau này nữa mà không gãy thì liệu bác có cái nào không?

- Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực?

- Tôi nói thực đấy.

- Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra.

Ông uống tàn ấm trà với bà Nhẫn thì tôi ra đây.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi:

- Anh có biết rõ về cậu Đới này không? Hát từ hồi còn Hàng Giấy kia đây. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi châu cho mấy xóm. Nên gọi là Đới - Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đĩnh đạc thì đến bà cụ Trưởng Bảy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà ra xóc phách.

Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Ấp thì cứ bò ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đáy nữa. Giá chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đáy được rồi đấy. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tài ra mà làm kép còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu rất lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi lại cũng chỉ đến thành một anh kép một để mà đặc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uống cũng tội. Cía bài Tỳ Bà chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đới - Roi đấy. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hẳn. Người vậy mà hay khái lắm đấy nhá. Cô Vy - Đồng - Bóng mê lắm. Mà xem cậu Đới thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không?

- Vy nào? Hay là Vy lấy cái lão người Cự Đà mà nó cứ gọi là Mặt - Thủ - Lợn ấy phải không?

- Chính. Tính con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khỏi người chấp chơi. Mà nó vẫn gan.

Đới - Roi đã lộn về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi châu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài Hữu Sở Tự chữ lệ và riêng

mấy câu “ Mỹ nhân hề mỹ nhân-Bất chi vị một vũ hề hiêu vân - Tương tự nhất dạ...” thì viết theo lối hành thư. Roi gỗ Nguyệt Quế khắc một câu Thiên Thai: “ Thanh đài bạch thạch dĩ thành trần”. Đều là nét khắc của cậu Đới cả. Ông khách lấy làm đặc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi mặt trống.

- Tôi phải lấy hai câu này. Bao nhiêu?

- Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Còn cây có khắc câu Thiên Thai tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi Sở Hữu Tư.

Lúc tỉnh rượu, giờ Tết lúc ấy áng chừng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Đới - Roi vào nhà trong tìm không thấy Vy đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng “ Anh Đới ơi, em phải yêu anh...”.

- Đới - Roi ngồi lặng người đi. Lời thư quyết liệt lắm.

- Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tôi thì mợ con về cũng đi ăn với ông.

Đới - Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì Vy nó muốn lấy mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vy nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa! Đới - Roi hút hết ba xu thuốc lào. Miệng Đới - Roi cười ra chua chát và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này. Đới - Roi hiểu Vy thương mình lắm. Nhưng gấn cái thân mình vào đời Vy chàng thấy là buộc một quàng chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vy nữa, chàng thấy sống là một sự hết cả vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai? Mà cứ đi chuốt roi mãi

như thế này, tết ấy qua tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phương thì cũng là một điều hớ. Đói - Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đáp đền nhau một cái tri ngộ, Đói - Roi đã men ra phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thường hiện ra để quấy nhiễu những nhà chủ cô đào ở Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khóa trái cửa gác rồi mà vẫn cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Mười Năm Trời Mới Lại Gặp Cố Nhân

Trong một hàng cà phê nhỏ, dọn lộ thiên trên một miếng đất bỏ không ở đầu cầu Đất, có hai ông khách quấy cà phê rất thong thả, chốc chốc lại đặt cùi dĩa xuống để nhìn trộm nhau. Họ ngồi trong hàng, cách nhau đến ba chiếc bàn con. Họ nhìn trộm nhau mãi, và mỗi lần người nọ nhìn trộm người kia xong thì lại mớ màng nhìn vào quăng không. Cứ trông những vết răn trên trán họ và cặp mắt nheo nheo sau làn khói của điếu thuốc lá đã dài tàn, thì người ta phải hiểu rằng họ đang có những điều nghĩ ngợi lớn. Đã đến mấy lần, hai người bắt gặp nhau cùng làm cái việc liếc trộm có lúc rất kín đáo, có lúc rất sỗ sàng. Họ đều nhận thấy như thế là thiếu lễ phép ở chỗ công chúng, như thế là ngụ một ý gian. Nhưng họ biết làm thế nào? ... Những cái liếc mắt trộm cứ trao đi, đổi lại từ bàn trong ra bàn ngoài, từ ông khách mặc tây sạch sẽ ở ngoài vào ông khách tây cũ kỹ ngồi trong. Bỗng ông khách ngồi trong đứng dậy, sóc lại bộ quần áo dạ cũ đã bóng nhoáng cùi tay và đít quần, tiến ra phía ngoài hàng, đến trước mặt người nhìn trộm mình ban nãy. Với một giọng nói khê khàng và một nụ cười rụt rè của con người giao thiệp, ông ta khom mình bắt đầu nói với người ngồi đấy cũng đang trân trân nhìn lại.

- Thưa ông, tôi hỏi thế này khí không phải, tôi trông ông quen lắm. Nếu tôi không lầm, thì ông là ông Cầu.

Ông khách ngồi ngoài bây giờ mới đứng lên, vẻ mặt sáng sủa và tươi tỉnh thêm ra vì ông đã nhận thấy cái tiếng nói này nghe cũng quen lắm. Và chỉ trong giây lát đủ thời giờ để cái nắm tay lên trán và bỏ tay xuống, ông vồn vã trả lời:

- Ông Đạm! Anh Đạm?

Một tiếng cười ròn làm cho một ít thực khách ngồi trong hàng cà phê phải nhìn ra. Đều nhau như người có quyền thuật, hai người nắm lấy bàn tay nhau một cách mạnh bạo. Cái bắt tay sốt dẻo, kéo lâu trong mấy phút của hai người chỉ mới nói chuyện được với nhau bằng mắt, đủ tỏ cho người chung quanh đó biết rằng đây là cái dấu hiệu của một tình bè bạn thân mật bị gián đoạn đã lâu ngày. Đạm không đợi Cầu mời, vội kéo ghế ngồi dạng chân.

- Trông anh độ này đầy ngày nọ và nét mặt trông “phong trần” lắm. Cho nên lúc mới thoạt thấy, tôi chỉ ngờ ngờ. Tôi ngồi để ý nhìn mãi, lúc nhận ra được cái bộ điệu của anh như lúc ngâm thơ gõ díp giầy và thứ nhất là dụi lia lia tàn thuốc lá, tôi mới dám đánh bạo ra hỏi...

- Thì tôi cũng thế. Tôi cứ định lắng tai nghe xem anh có nói với nhà hàng câu gì không, để nhận tiếng. Giá anh không lại hỏi tôi, tôi không nghe lại tiếng nói của anh thì hôm nay đổ làm sao cho gần lại đượ bạn cũ. Cái cường ký của tôi thuộc về thính giác.

- Thế ra chúng ta đều thay đổi nhiều đến thế kia à! Một nghìn chín trăm hai mươi tám. Mười năm!

- Bây giờ anh làm gì ở Hải Phòng? Anh ở ngoài này?

- Phải, đã mấy năm nay. Làm cho Tây buôn. Thế còn anh? Anh ở ngoài này đã lâu chưa? Tôi ít đi đâu, nên không được gặp.

-Tôi đi qua Phòng thôi. Tôi bây giờ làm nghề “chạy hàng sách”. Bất cứ cái gì cũng làm. Lần này rủi quá người có hàng ở ngoài này lại vừa lên Hà Nội tìm tôi. Tôi phải ngược ngay để đuổi theo họ. May gặp anh, không có từ giới đến 9 rưỡi ô tô ray mới có, thì bực mình và sốt ruột đến chết.

- Anh lại ngược Hà Nội trong đêm nay? Dù có gặp tôi? Tôi muốn giữ anh lại ít ra là một đêm. Nếu việc có cần lắm, thì mai anh đi sớm cũng kịp cán. Chúng ta phải cần một đêm trọn mới đủ để nói chuyện và ôn chuyện.

Cầu viện một vài cố để đòi đi được chuyến ôi tô ray. Đạm, lừ lừ cặp mắt, đầy vẻ trách móc, nói rất cảm động.

- Có thể như thế được chẳng? Anh nhất định đi ngay? Làm lỡ công việc của anh, tôi không dám, vì nhiều khi tôi cũng đã hiểu rằng trong đời khó khăn phải đặt công việc làm ăn lên trên mọi tình cảm. Nhưng như thế này, thì cũng có đều tử cho chút tình cố giao.

Ở hàng cà phê ra, Cầu và Đạm đi sát nhau và không nói một câu gì. Đến gần trại lính khố xanh, Đạm mới bắt đầu nói:

- Giá anh lù lại đến sớm mai hãy đi thì thích quá. Anh về ăn cơm với tôi. Lâu lắm tôi không được uống rượu cùng anh.

Cầu không trả lời. Cầu còn bận nghĩ có nên ở lại với bà một đêm hay là cứ đi cho được việc mình. Đi thì phải hối hận nhiều, vì đã coi rẻ cái tình cũ của bạn gặp mình rất niềm nở, mà ở thì không đành lòng với công việc làm ăn chưa ngã ngũ ra sao. Cầu cho cũng hơi khó nghĩ; nhưng việc khó đến đâu mà chẳng có một giải quyết. Cầu tự nhủ rằng: “đêm nay nên ở lại với Đạm. Công việc kia nó sẽ kết quả như thế nào không cần biết vội. Mà dù có hỏng việc đó chẳng nữa, thì cũng là một sự “hy sinh” về thương mại trước cái tình bằng hữu thiêng liêng. Ở đời, mấy khi người ta có dịp làm được những việc hy sinh như thế”. Cầu thấy vui vẻ trong bụng khi nghĩ đến chuyện thiệt thòi ấy và tươi tỉnh bảo Đạm:

- Ủ, tôi ở lại. Anh đã bằng lòng chưa?

Đạm lấy làm vui sướng, khi nghe bạn thay đổi ý nghĩ mà chàng không ngờ. Chàng sướng quá, quên hẳn đi rằng đây là giữa phố.

- Có thể chứ. Thôi chúng ta gọi xe thôi. Nhà ở hơi xa. Ở gần quán Bà Mau kia đấy. Nhà chật, bừa và tôi lại ở chung với hai chủ nữa. Tôi không có khiếm tốn chút nào khi tôi nói: “mời anh về chơi và nghỉ ngơi tệ xá”. Tôi cần phải nói trước cho anh biết rằng nhà tôi ở thực là một cái “tệ xá”, để lúc tới nhà, anh đỡ phải ngạc nhiên trước một cảnh tồi tàn...

- Anh Đạm, việc gì anh phải nói như thế. Tôi không bằng lòng. Anh hiểu tôi là một người thế nào?

- Anh tưởng tôi đùa sao? Thực đấy, anh không thể tưởng tượng được Đạm phải dùng khó đến như thế. Đối với anh tôi không phải lấy làm ngượng nghịu khi tôi cho anh được chứng kiến cái cảnh phú quý giật lùì của tôi.

Ngồi chung với bạn trên chiếc xe tay lăn bánh trên con đường Lạch Tray. Cầu bắt giác nhìn bộ quần áo tây cũ và đôi giày cũ, đế cao su sũng của Đạm. Đạm nghèo tưng rồ lắm rồi, giày và quần áo kia đã “tố cáo” sự thiếu thốn của Đạm và Cầu càng lấy làm tự hào khi chàng nghĩ rằng chàng đã có một người bạn tín nhiệm ở sự thành thực của chàng đến nỗi quên cả lòng tự ái-lòng tự ái của con người ta trong lúc thất thế.

Cầu ái ngại cho bạn và tự nhủ lòng rằng đáp lại bụng thành thực của bạn cũ và nghèo, chàng cần phải thận trọng từng câu nói, từng cử chỉ và trong khi ở nhà Đạm trọn đêm nay, đang vui vẻ đến mười phần, hình như là chàng không nhận thấy những điều kiện vật chất của một cuộc đời eo hẹp, khó khăn.

Ấy thế rồi Cầu đã tranh lấy việc trả tiền xe, theo Đạm tiến vào một chiếc nhà gạch hẹp bề ngang và sâu lòng, ở xế cửa nhà Bưu chính Hàng Kênh. Nhà cửa tối om om và lạnh lẽo tuy ở phía trong le lói mấy ngọn đèn hoa kỳ và lấp loáng dăm bảy hình người. Đạm mồm bảo Cầu ngồi tạm xuống bộ ngựa, tay đánh diêm châm đèn.

- Tôi nói không ngoa đâu, anh đã nhận ra đây là “tệ xá” chưa? Ở trong kia là hai gia đình của hai nhà ở chung với tôi. Tôi tưởng nhà, ở ngoài này gần cửa, đi về nó tiện.

Cầu sợ bạn ngược, vội nói chữa:

- Anh ở thế này cũng xinh đấy. Chỉ phải cái đi làm hơi xa thôi.

Rồi Cầu tò mò một cách kín đáo nhìn chung quanh chỗ mình ngồi, và nhìn vào phía trong. Chàng nhận thấy ba gia đình ở chung với nhau mà chỉ có những bức màn mỏng ngăn “địa giới” và chia ra từng khu một. Trên nền đất mịn của mỗi khu, mỗi nhà đều bày một bộ nệm và một cái bàn. Sự nghèo túng ở dưới mái nhà này, hình như đã dạy cho họ theo một lối bài trí giản tiện, và giống nhau. Cứ cái cách chung đụng đó với sự bày biện liên tiếp nhau kia thì những câu chuyện của một gia đình lên tiếng than trách số phận lúc đêm hôm, dù khẽ khàng đến thế nào, cũng đều lọt vào tai “hàng xóm” ở cuối giường mình và đầu giường mình. Nhưng, sự “thực thà” của cảnh nghèo đã bày ra đủ mọi vẻ như thế rồi, thì họ còn có điều gì phải úp mở, giấu diếm, mầu mè cùng nhau nữa?

- Cầu vòng tay vào đầu gối của chiếc chân bắt chếp chữ ngũ, nhìn bạn “làm” đèn; có tiếng guốc lẹp lẹp từ trong sàn trong đi ra và tiếng đàn bà khàn khàn, nói nheo nheo.

Truyện đượ dịch tại iREAD.vn...

- Gớm, sao chả để chốc nữa hãy về. Hẳn lại gặp các “bố” lôi vào hàng con mẹ Mít phải không? Ngày mấy hôm nay, ngày nào nó cũng cho người xuống hỏi tiền rượu và thuốc lá đấy. Làm tốt vừa vừa chú!

Cầu đưa mắt, hỏi bạn. Người đàn bà đấy đã có cái giọng đay nghiến ấy cũng vừa tiến ra đến nơi nhìn chòng chọc vào Cầu. Đạm để chiếc đèn ở giữa giường, nhìn về phía Cầu, giới thiệu:

- Nhà tôi.

Đạm lại chạy sang phía vợ, nói luôn với giọng ôn tồn:

- Đây là bác Cầu, một người bạn thân không gặp đã lâu lắm. Bác đi qua Phòng, tình cờ gặp nhau, tôi mời bác về ăn bữa cơm dưa với chúng ta. Mình dọn cơm đi, đói lắm rồi.

Cầu thấy lúng túng, chàng vội đứng dậy thi lễ:

- Lạy bác.

Đạm chăm chú nhìn vợ mọi vẻ hiền từ, hình như van lơn và mong đợi vợ mình nói lên một vài câu dễ dàng, xởi lởi khi chàng đã trót nhỡ, trong lúc cao hứng, làm cái việc bất thường là dẫn bạn về ăn ngủ ở nhà. Vợ Đạm nét mặt vẫn cứ sa sầm xuống như lúc mới ra.

- Không dám.

Nói xong câu đó một cách khó khăn nhạt nhẽo, bác Đạm gái ngây ngấy, lê guốc đi vào. Đạm thấy phiền lòng, cùng theo ngay vợ vào trong, lấy ra đồng hào con đáng lẽ phải tiêu vào chỗ cà phê ban nãy mà Cầu đã nhận trả tiền. Đạm hỏi vợ rất khẽ:

- Có gì ăn không?

- Còn không biết hay sao? Cơm chỉ có dưa và tép rang. Chiều nay vừa mượn bà Tịnh trong nhà được bơ gạo mới có cơm đấy. Không có bà ấy, thì treo miệng lên.

Đạm vẫn cố giữ vẻ hiền từ, tay đưa hoà cho vợ, miệng nói:

- Đây mình cầm tiền mua lấy 5 xu tiết canh. Còn thừa, chốc mình ăn đỡ quà bánh gì vậy. Mình nên biết không mấy khi bác ấy ra chơi, kéo được bác ấy về nhà như thế này là quý lắm đấy.

Vợ Đạm lãnh đạm cầm lấy tiền với một tiếng thở dài, vung vẳng đi ra với bao nhiêu nỗi miễn cưỡng và giận dữ. Đạm cố tin rằng như thế cũng không có hề chi và tí nữa chàng vẫn đủ lạc quan ngồi ăn uống chuyện trò cùng bạn cố tri. Chàng trở ra với bạn, thấy bạn có chiều nghĩ ngợi, liền khua tay nói huyền thuyên:

- Anh nghĩ gì thế? Anh còn đợi gì mà không bỏ giày, bỏ áo ra. Hay là vẫn nhất định về ngay Hà Nội?

- Ai lại như thế. Tôi phải ở lại uống với anh một bữa rượu “trùng phùng” cho say chứ.

Cầu nói, cười, bỏ quần áo cho yên lòng bạn. Nhưng chính thực ra thì dưới cái bề ngoài hỉ hả, Cầu đang bận tâm nhiều lắm. Đạm đã bị bạn lừa dối về tình cảm trong phút giây và chàng vui vẻ ngồi đợi vợ mang đồ nhắm về.

Đạm thấy Cầu tháo xong đôi giày tây, đế và gót mới mòm có một tí, chàng ngăm ngĩa một cách thèm thường và so sánh nói với đôi giày đế cao su sống đã thủng rách của mình. Không biết chàng nghĩ thế nào mà lại đem xỏ chân mình vào giày Cầu ướm và ngăm mãi. Cầu ngả lưng ra bộ ngựa và hỏi:

- Chị ấy làm bạn cùng anh đã lâu chưa? Quê chị ở đâu anh nhỉ?

- Ba năm. Nhà tôi ở Phụng Bốp

- Phụng Bốp? Cầu vừa hỏi lại, vừa liên tưởng nghĩ đến cái dáng điệu cục cằn và ngôn ngữ thô bỉ của bác Đạm gái và đoán gài rằng một làng có cái tên như thế hẳn phải sản xuất ra những người như thế.

- Chính chữ Hán thì gọi là Phụng Pháp. Hồi trước tôi dậy tư ở làng Phụng Pháp, ốm một trận suýt chết, nếu không có nhà tôi bấy giờ thì cũng nguy. Tôi cảm cái ơn sẵn sóc thuốc thang ấy nên lấy về làm vợ...

Câu chuyện gia đình mới kể có đến đấy thì Đạm đã thấy vợ về; chàng vội đứng dậy, với lên cái xích đồng lấy chai rượu con ở ban thờ “Tiền chủ, Hậu chủ”. Cậu cũng không tiện hỏi nữa vì mâm cơm đã bưng ra. Đạm mời bạn nên ăn cho thực thà và nhìn trộm vợ đang so đĩa. Cậu ngạc nhiên thấy có hai đôi đĩa thôi và khăn khăn mời cả bác Đạm gái ngồi ăn luôn thế. Bác Đạm gái không nói lại được một tiếng, thành thử người chồng đang cần nịnh vợ kia phải đỡ lời:

- Nhà tôi thường hay ăn trước tôi. Anh cứ tự nhiên.

Ấy thế rồi bữa rượu đơn bạc được chủ và khách chiếu cố đến một cách quá tự nhiên, đến nỗi đĩa tép rang cũng theo bát tiết canh biến thành món nhắm rượu và đã trở cả lòng “con phượng” ra từ lúc nào. Rồi hai người bạn cố tri trong khi gặp lại nhau, trong lúc gạt gù chén tôi chén bác, đã nhắc nhóm lại cái hồi hai người còn là bạn học một trường ước hẹn với nhau sẽ đi chung một con đường tương lai, đã lên tiếng trách nhau sao không năng có thư từ đi lại để than phiền với nhau rằng cuộc đời xoay mau quá chốc đầy đã mười năm, và khen lẫn nhau rằng như thế mà còn được lành mạnh cả là một điều đáng mừng. Thấy câu chuyện đang vào giữa lúc cao hứng, thấy chai rượu mới cạn được hai phần ba mà đồ ăn không còn, Đạm vụt nhớ vợ còn ít ra là năm xu và đoán chắc chưa dùng đến, chàng vội bảo vợ chạy đi cho thật “ba chân bốn cẳng” mua bát tiết canh nữa. Bác Đạm gái nhìn chồng, lộ hết vẻ nguyên rủa ra cặp mắt. Nhưng thấy chồng trừng mắt, nàng đã phải hậm hực đi ngay để tiêu nốt chỗ tiền còn lại cho vừa lòng kẻ uống rượu dở mồm. Rồi bữa cơm ấy đã kết liễu bằng tảng cháy ròn dùng làm đồ tráng miệng. Cậu đã không từ chối cả đến miếng sém do tay bạn ân cần đưa mời với một câu.

- Anh ăn cho thơm miệng.

Bữa cơm ấy, Cậu đã ăn hơn những bữa thường lệ ở nhà, tuy đồ ăn hôm nay chẳng có gì và gạo thì lẫn cả thóc và lổn nhổn những sạn, vì chàng sợ

nếu mình ăn uế oải thì bạn sẽ tủi lòng và cho là mình chê mâm cơm đạm bạc.

Lúc mà hai người đã xĩa răng uống nước, nằm song song trên giường phỉ phèo điều thuốc lá thì bác Đạm gái cũng cúi xuống dưới bộ ngựa, gạt mạnh những bó củi đóm đánh “suỳnh” một cái, lịch kịch kéo chiếc chõng tre ra gần phía liếp để dọn chỗ ngủ. Và lúc mà bác Đạm gái gần tắt phụt ngọn đèn, bác không quên nhận rõ chõng mình nằm trong và bạn chõng thì nằm ở phía ngoài. Đạm còn dặn vợ:

- Sớm mai, mình đánh thức tôi dậy sớm để đưa bác ra tàu, nhớ nhé!

Bác Đạm gái không những đã không trả lời chõng mà trong bụng còn chứa đầy vẻ căm hờn. Bác đoán thế nào bạn chõng chũng phải ra sau đi tiểu và lúc ấy bác sẽ thừa dịp vắng “ông quý khách” trong giây lát để cho chõng mình một trận... Bụng bác nôn nao cồn cào. Tiếng chõng tre kẽo kẹt hoạ với sương đêm thu rõ giọt ngoài thềm. Bỗng có tiếng ai đang quơ đôi giầy tây ở mặt đất. Bác sẽ nhòm dậy nhìn kỹ về phía giường cử động, rồi tiếng giầy tây lộp cộp đi vào nhà trong. Đúng rồi, ông khách quý hoá đã rời được chõng mình ra để đi giải. Bác Đạm gái còn đợi gì mà không trả thù ngay cái thù chõng mình hiểu khách đến nỗi bắt mình nhịn đói.

Bác vợ lấy cái nồi đồng con thối cơm ban nãy chưa ngâm nước mà bác đã định tâm cất xuống dưới chõng tre, bác chạy mau lại phía giường, cọ mãi dít nồi vào mặt người nằm đấy và ghé sát miệng vào tai người say rượu nằm đấy, nói phào phào rất nhanh:

- Này tiết canh, này sém... Đã sượng chưa! Mai lại kéo vài người về đây bày ra đồ uống nữa cho gái này nhịn nhé!

Bác Đạm gái còn đay nghiến nữa, và cọ đi cọ lại dít nồi vào người nằm đấy, nếu từ nhà trong bác không nghe thấy tiếng người đi giầy tây lộp cộp tiến ra. Bác lại vội chạy ra nằm ở chõng tre. Bác lấy làm hả dạ, bình

tâm ngáy một nhịp khò khò. Đêm thu ở con đường Lạch Chay vẫn im lìm. Nhưng nếu có một người nào phải trần trọc trong đêm ấy với nỗi canh trường tư lự, thì người ấy là Cầu. Cầu đang dùng khăn mùi soa thấm vào nước trong tích nước để lau những muội nổi trên làn da mặt bị nhọ và xây xát. Chàng nằm lắng canh gà gáy và bụng bảo dạ: Mình hiểu câu chuyện rồi. Mình đã bị nhầm lẫn Đạm. Ai bảo người bạn đáng thương hại của mình tự nhiên lại đổi chỗ cho mình bò ra ngoài năm làm gì? Ai bảo anh Đạm xô vào giầy tây của mình mà đi tiểu? Ôi, vợ với con. Câu chuyện này, sống ta để bụng, chết ta mang theo đi, cho anh ấy biết làm gì cho thêm tội nghiệp.

Đông Dương tạp chí số 34 (1938)

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

Nguyễn Tuân

www.dtv-ebook.com

Khoa Thi Cuối Cùng

Ở cuốn lịch niên hiệu Duy Tân năm thứ mười, bìa vàng nhoè nét son dấu kim ấn toà Khâm Thiên Giám, thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm tháng chín chỉ là những giọt than vãn triền miên của kỳ ngâu còn kéo dài mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ đã biến thành một vùng nước rộng nhấp nhô những con đò đồng li ti. Sóng đồng hỗn loạn vỗ vào mép những con đường đất thó nhuyễn và những bờ lũy tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhói lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo xanh một màu hoang vu.

Nước mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên nước đồng mông quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như tre rụng lá mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bình rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những làng cù lao lẻ loi.

Bên bờ đường cái quan, hoa hoè nở vàng ối. Dậm hoà đất Sơn Nam hạ trở bông đã từ lâu. Hoè đã rầu cánh, vàng úa tối mãi xuống.

“Hoè hoa hoàng, cử tử mang”. Thấy dậm hoè ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bặt bệ. Dưới mảnh trời sứt sùi, hoè vàng nở đều, làm ấm lại lòng người sĩ tở tưởng đến sự hiển đạt về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi dậm hoè dài đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ nghĩ đến cái màu vàng một tấm giấy báo trực phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành.

Một hôm kinh truyện sũng ướt nước mưa, ôm khư khư và ngồi trong lòng một chiếc đò đầy đang tìm lại bến cũ, ông Đầu Xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi. Cái nhà bà Phùng quen kia thì đã chật hết chỗ rồi.

Hoa hoè lả tả đản rớt những cánh vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm nay Nhà nước lại mở khoa thi. Một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả màu vì sự đù nhả của công danh đánh lừa suốt mấy phen, chuyến này cũng cố chen ra hồ vớt lấy một chút phần hương cuối chầu của triều đình.

Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ có ông Đầu Xứ Em dự, còn nhận nhíp gấy mấy khoa Ất Mão trước.

Khoa Ất Mão trước, ông Đầu Xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa. Khoa Mậu Ngọ này, ông Đầu Xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu đây là khoa cuối cùng, rồi đây bãi hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là một chuyến thuyền vượt biển cuối cùng. Từ Mậu Ngọ trở về sau, sẽ mở một thời khác, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong học vấn của một lớp người. Từ sau khoa này, cái lều cái chõng chỉ là những vật cổ tích mỗi khi nhắc tới lại gọi lại một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bỡ ngỡ với phong hội mới.

Ông Đầu Xứ Anh nhất định không nộp quyển khoa này, tuy bao nhiêu người, từ Quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thấy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh; sách nhớ có thể vạch ra từng chương từng tiết một. Tính người lại điềm đạm hồn hậu; ai nấy đều khen nhà ông có đất học. Khen rồi lại lấy làm lạ cho ông. Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ hay là khoa này, tại Nhà nước bắt đám sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyển nộp mà ông Đầu Xứ Anh không đi chãng? Có một hôm, đang cùng mấy người dạo chơi ở phố Hàng Thao, nhận được tin này, chính ông Đầu Xứ Anh đã kêu: “Từ trước tới nay, có bao giờ như thế. Nhà nước Bảo hộ,

đãi đám sĩ phu trong nước, thật không ra quái gì. Chụp hết ảnh ông Thám, ông Đề, chụp đến nhà pha, này lại chụp nốt học trò”.

Hôm người em là ông Đầu Xứ Em xôi tỉnh để soạn sửa đi thi; ông Đầu Xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu Xứ Em đã ngồi gọn trong lòng đò đồng ông dặn:

- Xuống tỉnh, nhà bà Phùng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ tạt lại đây mà nhận hộ cho tôi. Đến hôm các quan tiến trường, cỡ hạ tuần tháng này, thế nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Người em đứng dậy, nói với lại, làm chiềng con đò đây.

- Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh? Khoa Tý năm trước anh cũng trọ ở đây phải không?

Người em cũng muốn tiết nỗi vui ra ngoài một cách quá đáng để trấn tĩnh cái rối reng trong bụng một người đi thi. Ông Đầu Xứ Anh nói lảng ra ngoài câu hỏi:

- Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đây dễ gặp anh em các nơi về thi.

Mấy đám hàng xáo người làng trên qua đây ghé đò xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đò vừa rồi. Họ ra vẻ nề nang, ngồi thu hình lai, quơ lại một góc ấy lữ tay nải và bì cói, cốt để động chi cái người học trò xuống tỉnh đi thi kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đây con đòi, dính chắc vào đất sét lòng bến nông. Cô hàng gạo, buộc lại múi khăn mỏ quạ, nhìn cậu Khoá không mỗi mắt, mỗi lúc ngượng nghịu lại nhổ cốt trầu xuống đồng nước. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quét trầu đỏ lặng im giữa làn nước nhợt nhạt, rồi chậm chạp tan hoà vào nước cánh đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rặt mọt màu bao la nhờ nhờ. Người lái đò mặc áo tơi kín phủ thân hình, chụp nón mê lấn cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đây cựa quậy, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu nổi

gió rét. Mưa thu lộp độp gõ xuống áo tươi nón lá của một chuyến dò đồng. Dưới gốc cây hoè già chỗ dốc đê làng, ông đầu Xứ anh vẫn đứng nhìn theo.

Tình mơ ngày hai mươi năm tháng chín, tại khu trường thi Nam Định, các quan làm lễ tiến trường. Hai chiếc lọng vàng nghiêng phủ xuống lá cờ và tấm biển có chữ “phụng chỉ”, “khâm sai”, bốn cây lọng xanh ghé thấp tịt xuống một cái đầu bạc đại khoa. Mùi nghi vệ mới hảng phát ít hôm trước thì sớm nay đã nổi dậy trên khắp một khoảnh đất mà mọi khi chỉ có gió chạy trên hoa cỏ may hiu hắt từng cơn.

Ánh sáng ban ngày vắng đi mãi đến những đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bắc đến nay, chưa bao giờ thấy cái âm u tế lạnh đến nhường ấy. Gần giữa giờ thìn rồi mà tối và sáng chưa phân tách hẳn được ra. Người đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lạp rọi vào đàn tế, trên đàn phủ phục ba cỗ tam sinh cồng queo: một con trâu và một con dê đen thui kèm con lợn cạo trắng mở to cặp mắt chết.

Mặt đầy sáng hơn nền trời. Cuộc tế tiến trường như đang lắng chờ một sự biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vệt khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thắn trên bàn tam sinh. Nền trời phương Đông đáng lẽ đã phải hửng lên rồi. Thế mà ở đấy chỉ rất một thứ mây đục đùn lên những hình quỷ Đông. Phía Tây, một cái cầu vồng cụt một chân, tô lên tạo vật những màu xanh đỏ đại đại và nghịch mắt. Trong cảnh âm dương không chia biệt rõ, quan Chánh Chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ, đang tế cáo giới, đất, vua, thần và thánh; xuýt xoa khai xong tên, tuổi, quê, quán, ngài khẩn to:

“... Báo oán giả, tiên nhập; báo ân giả, thứ nhập...”

Có lẽ đoạn khẩn này là khoản chú trọng nhất cả lễ tam sinh và đã được quỷ thần chứng giám. Người lính tuần mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đồng vàng đang hoá dở thì những đầu ngọn

cỏ may im lìm nơi bãi trường thi đều rung lên một nhịp và rung theo một chiều. Người ta, hồi này sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tàn dần. Một thứ gió u hiềm thổi thốc vào bãi trường, nghe ào ào như có tiếng các hồn oan hồn lành chen chúc và ùa vào choán chỗ. Những cây nến cháy vạt ngọn bỗng tắt phụt hết. Không gì xa vắng bằng cái động đậy trong đìu hiu của muôn loài.

Trời đất trong sáng lại dần dần:

Hai anh em ông Đầu Xứ Ngoặt-lấy tên tục của làng nguyên quán Cổ Nguyệt-lững thững ra về. Ông Đầu Xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.

Ba năm trước, cũng ngày tế tiến trường, năm Tý, cảnh trời đất cũng âm thầm giông giống như ngày này. Quan Chánh Chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khẩn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết để mà báo oán trả thù. Rồi ông Đầu Xứ vào trường, rồi oan hồn hiện liên, ngay ở kỳ đệ nhất. Một người đàn bà, xoã tóc, ẵm con, hiện ngay lên dưới lều, ngay chỗ đầu chõng, kêu khóc giữ rịt lấy tay không cho viết quyển nữa. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy mớ tóc xoã quất vào mặt ông cứ bỗng rát lên. Lại cười sằng sặc, lấy nghiên mực hắt vào quyển của ông. Lần ấy ông xin đổi quyển đến hai ba lần. Vẫn người đàn bà ấy quấy nhiễu không tha để quyển ông cứ tỳ ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hoặc loạn, phải bỏ dở kỳ thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kỳ kinh nghĩa. Một người đầu xứ hay chữ và được quan Đốc khen ngợi luôn mà hỏng ngay nhất trường thì có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo nháp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia sáo biết là chừng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, đem xem lại bản nháp và đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế, có vào đến kỳ hội thi cũng cứ lọt. Mọi người đều chặc lưỡi tiếc rẻ. Cái người bạn cùng ngồi một vi với ông,

sau khi đem trả ông cái bản nháp đó, đã tìm đến phòng trọ đưa tạ ông ba chục quan tiền kẽm: “đại huynh lúc không may lâm bệnh rời bãi trường, phải bỏ lại trên cỏ bản nháp bài kinh nghĩa. Là một người tự biết là bất tài, tiểu đệ đã mạo phép hiền huynh điền vào quyển của đệ những lời gấm hoa danh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kỳ đệ nghị, gọi là có món quà mọn gửi lại, xin đại huynh nhận cho”.

Biết là có oan hồn hiện lên cố phá không cho mình mở mắt với thiên hạ, ông Đầu Xứ Anh để tâm tra cứu lại chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn để ra ông đã phạm vào một việc thất đức. Hồi còn mồ ma cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một người nàng hầu tài hoa nổi tiếng một thời. Người thiếp đó, lúc tự ải, có mang được sáu bảy thán. Cái ân oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông cú còn lều chiếu ở cửa trường thi. Đây là lời người thiếp đó lúc ộp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đầu Xứ Anh là nó, cười sặc sụa và giọng nói the thé. “nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à! Cô muốn, cô muốn nó phạm húy, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn. Nên nó chưa viết phạm đến tên các vua”. Con đồng lắc lư nói có thể. Có gắng hỏi thêm thì chỉ khóc hu hu rồi lại lặn ra mà cười như bị ma ếm. Ông Đầu Xứ thấy lạnh đến tủy xương sống. Và đâm ra lo nghĩ từ ấy.

Khoa thi này, ông đành nhẽ không ra nữa, để ông Đầu Xứ Em nộp quyển thôi, thử xem hồn oan có còn đòi báo nữa không. Ông tin ở học lực người em ruột, sao cũng ấy về cho làng Ngoạt, có hèn ra cũng được cái Cử nhân. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và phép đo lường tính theo lối học mới, nhưng chủ nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tân thư và toán pháp đọc cũng nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm. Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một người thi chữ Hán, biết sao mà định trước được.

Còn năm hôm nữa nhập trường. Mãi đến ngày sóc tháng mạnh đông mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kỳ đệ nhất. Cơm nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Hai anh em ông Đầu Xứ, những lúc trời ngớt hạt mưa, vào mấy ngày mong chờ, thường nhẩn nha ở phố Hàng Giấy, chọn một thỏi mực, thử lông một cây bút thỏ hay là soi một tờ giấy bản lên ánh sáng. Ông Đầu Xứ Anh cố quên chuyện cũ, hết sức vui vẻ trong khi đi lục lợi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố Hàng Giấy. Những người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không thể nào mà nhớ được mặt, vì có gặp lại ngay đó một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ xinh xắn được nhiều thầy Khóa lui tới nhất là của hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua hàng, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương ở phố Hàng Giấy, ngày trước là một người đánh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần, một cậu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô đưa bút Song Lan, Thanh Chi, Nhất Chi, rồi Kiều Lan, rồi đến Trúc Lan; người thư sinh mặt trắng rút tháp bút, cho bút vào miệng, ấn tòi đầu bút vào lòng bàn tay xòe, để thử soi lông bút lên ánh sáng có đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy Khóa ăn mặc đồ vải xuềnh xoàng, cô Phương ra giọng bỉ thử: “Có Tảo Thiên Quân lông trắng nhưng mà những hai quan một chiếc”. Tiếp cái nguýt dài của cô hàng sách càng ngời dãi thè thêm ra, người thư sinh mặt trắng chỉ tay lên tí trên đầu tú: “Phải, Tảo Thiên Quân lông trắng; có còn thứ nào những năm sáu quan một quả, cô lấy cho tôi chọn”. Lúc nói câu này, thầy Khóa cố dẫn giọng vào chữ những, có ý bảo thầm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người vừa vừa chú. Cô Phương bẽn ẽn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tọt lớp tủ, đưa cho thầy Khóa, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét. Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tảo Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng đúng một ngòi bút mới vào nghiên mực, vờ thử ngòi bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những dòng chữ viết rất tốt kia, sự thật, chỉ là một bài thơ chữ nói mát mẻ cô hàng có

tính chông lôn. Từ đấy, cô Phương đâm ra gồm những thầy Khóa có tính ỡm ờ và trẻ nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh rất khó tính trong sự lựa bút và tác giả bài thơ bóng gió ấy à cậu Đầu Xứ Ngoạt. Năm Mão, phong thành người thiếu niên tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nho phố Hàng Giấy, đang nhú lên cái mầm sơ đầu của yêu thương gần bó và đợi chờ.

Cho đến mãi năm Ngọ năm nay, ông Đầu Xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu Xứ Em còn lần lữa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mẽ gỗ nhô hẳn ra vỉa hè, một cuốn Chinh phụ ngâm diễn nôm đã ghìem bước ông Đầu Xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn truyện Lục Vân Tiên xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang “đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê”, sắp cất tiếng chào khách, bỗng cô ngờ ngợ, tùm tùm muốn bật như cười. Cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt đào-cái màu đào một ngày năm nọ.

Ông Đầu Xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu Xứ Em đã tiến thêm phá hộ cái yên lặng:

- Này anh, lấy một cuốn Chinh phụ bản nôm, về nhà trọ, ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi bảng nhập trường.

- Ờ thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Và chẳng hồi gần đây, cô có nghe đồn ông Đầu Xứ Anh cũng có một người em đỗ Đầu Xứ và tài hoa đã làm trội cả một vùng tỉnh Nam. Chắc là người mua truyện này đây. Chưa biết câu chuyện ông Đầu Xứ Anh không nộp quyển thi khoa này, cô Phương tự nói với mình: “Huynh đệ đồng khoa! Cái làng Cổ Nguyệt

chueyén này tha hồ mà rước xách. Trong hai anh em, chả biết ai sẽ Tú tài, ai Cử nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sau mười tư Cử nhân. Năm nay khoa rớt. Nhà nước đặc cách lấy những chín mươi Cử nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một Cử nhân thì ba Tú tài. Lọt sao được tay hai cậu Đầu Xứ này”. Cô kéo cái ấm giở trong bọc trong ra, giở nắp ấm thăm cái nóng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cô hạ thấp vòi ấm xuống để nước không nổi bọt.

Tru-yện được dịch- tại iR-EAD.vn-

- Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước. Nước trà nụ ướp sồi vừa pha đấy, nên mới dám mời hai ngài tân khoa.

Cô Phương đưa tay che miệng cười, tự cho câu chúc sớm sửa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay và anh em ông Đầu Xứ Cổ Nguyệt phải thưởng thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đấy, cô Phương thu dần nét mặt xởi lởi lại và ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi. Ai người ta đã thi cử được một kỳ nào, mà đã chúc tụng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời:

- Hai thầy xơi chén nước.

Ông Đầu Xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hễ cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền xơi ngay nước mời. Khốn nạn, nào từ trước tới giờ anh mình có bao giờ nói cho nghe cái đoạn tình duyên thâm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô hàng sách đâu mà biết. Ông Đầu Xứ Em thấy anh còn tròng trĩnh chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước mà đầu lưỡi rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ồn mãi lên.

Cô Phương, cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu Xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tinh thần sớm không cho mình phỉ sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và

ngủ đáng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt, thì cái cười ấy thật là thỏa đáng, thật là đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thể chỗ nét mặt trang nghiêm luôn luôn của ông Đầu Xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật riêng tây đã không cần thắm kín nữa:

- Khoa Ngọ này là khoa cuối cùng. ông Đầu Xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kỳ năm Mão để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy, ông ạ.

Đến chữ “ông ạ” ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật và cảm động, cô hàng sách cố làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sâu vào một tấm lòng khác bấy nay cũng vẫn chờ lúc được đãi đàng. Sự rất hữu tình mà cố làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lấy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu Xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tính bảo cho ông biết thế. Nhưng từ ngày vấp ngay khoa thi đầu tiên, ở một kỳ đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình ra có còn lều chõng nữa cũng là chỉ để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xưa cũ của ông cha di lại. Một cái oan hồn đã hiện lên, đã ộp đồng vào miệng người sống mà thốt ra toàn những lời hăn học, cái oan hồn ấy hăn không chịu buông tha ông nữa rồi. Hóa cho nên, rớt khoa ất Mão ngay kỳ kinh nghĩa, ông nhận luôn cho nó là khoa cuối cùng, chẳng cần phải đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông đã tuyên bố rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thôi. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự lều chõng.

Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Còn muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi nữa vào việc đánh giá cái đẹp, nhưng ông Đầu Xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì-quái, sao mãi đến giờ, ông mới nhớ nhận ra-khuôn mặt cô Phương đã hao hao tợ như diện mạo người đàn bà ẵm con xoa tóc ngồi rù than khóc nơi đầu chiếc chõng tre

trong trường thi khoa nọ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không hiền hậu nữa. Ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một cái sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những truyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hãm hại học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quất đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hồn mê đi và cầm nghiên mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thề quyết làm cho người sống phải lụi bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nàng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hiết theo ông? Chuyện cũ của cha, hồi sinh thời lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu đuôi như thế nào.

- Vâng, nhà có thứ mực Kiều Ky đấy ạ-Cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu Xứ Em.

Choàng tỉnh cơn suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực, khuyên em không nên lấy mực Kiều Ky:

- đi thi không ai dùng mực Kiều Ky. Mực của xã Kiều Ky chết rất tốt, chỉ hiềm mỗi khi viết xuống giấy, nó cản xuống giấy chắc quá khó tây đi lắm. Cô lấy cho mấy thỏi Hoàng tam xương-vàng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô có thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu tự, “nhà ta” bán có được chạy lắm không hả cô?

Chà, người ăn nói sao mà xuôi tai, dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu Xứ Anh, nhắm trong óc mấy chữ “nhà ta”, tưởng đến cái lạc thú ngây thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc đầu gối tay ấp nửa mặt lên trần giời cao mà bảo nhau rằng trước khi mà bạn với nhau, mỗi người có một ông giảng, và nay thì mảnh giảng của cả thiên hạ kia cũng chỉ là vâng giảng của riêng của “nhà ta”. Cô vui lòng quá, xuýt quên cả việc soạn thoi mực cho khác.

- Luôn thế cô cho tôi ít chục tờ giấy lịch nữa.

- Máy chục tờ ạ?

- Cô đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngân nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít, mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều-bao giờ được nên thân tình nữa nhì! –cô Phương cô tay tính nhẩm những cái gì gì, rồi cô gác đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu Xứ Em, giọng nhẹ nhót mà tự nhiên:

- Nộp ba quyển: kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ, kỳ đệ nhị, thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng. Ông định mua trữ giấy mang vào trường để phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi những trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng kỳ một.

Ông Đầu Xứ Anh, vừa soi giấy lịch, vừa hỏi:

- Tại sao thế hở cô?

- Thưa, tại... tại là giấy chuyển này, thú thật với hai ông rằng không được mịn lắm. Chuyển sau, có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đấy. Để tôi xem nào.

Cô hàng sách, bán giấy bút cho học trò trường Nam đã mười năm có lẽ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục nơi trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhẩm một hồi.

- Được rồi. Mừng một tháng mười là ngày vào kỳ đệ nhất. Có chóng lắm thì cũng phải hết cử thượng tuần tháng mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thế nào cũng có thuyền về bên trên mom sông trước ngày mừng mười. Đúng hôm tết trùng thập cúng cơm mới, các ông lại đây mua mở hàng cho kiện giấy lịch Bưởi. Giờ các ông lấy tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thối những tờ giấy chập đôi, nâng tờ giấy lên với cái nâng nịu nhẹ nhàng của một người chị cả sẵn sóc em thơ lúc mẹ già đi chợ xa. Chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thối được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đầu hai chục tờ, đùn một xấp vào phía ông Đầu Xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột đệp khác, cô trao tận tay ông Đầu Xứ Anh, cặp mắt tình tứ linh động như muốn nhắc thăm ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước, và sự đối xử chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của hai anh em ông Đầu Xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói mà ở một cái miệng khác thì không khỏi thành ra thiếu lễ phép:

- Cánh quyển mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi. Phải thay quyển, đôi quyển đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngòi mà lẳng ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn...

Lúc ra về, ông Đầu Xứ Anh, trong một phúc sâu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thăm bảo cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông Khoa Ngộ này, ông có đi thi đâu.

... Mấy bữa nay mưa to gió nặng. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thiu và cảnh ướt át sống trong một bầu không khí nồm ê ẩm và lo lắng. Trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại mới nhận được thêm cái tin đê vỡ đường trên vùng Kinh Bắc.

Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngộ, ông Đầu Xứ Anh, những hết lo xa rồi lại nghĩ gần. “Mình không đi. Chú nó đi khoa này, hay dở sao đây...”. Trong một lúc mơ hoảng, ông lại trông thấy bóng người đàn bà mặc đồ trắng, xõa tóc, kiễng gót, tu một đứa trẻ con vào tà áo sớ gấu, đi tuột vào phía nhà ngang. Ông ú ớ như người bị ma mộc đê, cố gắng mà không quấy mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lén trở ra, và, khi lướt qua mặt

ông, cười gằn mà không nghe thấy tiếng, tà áo quất vào má ông, nhức nhối và buốt lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.

- Anh nói mê những gì thế?

Ông Đầu Xứ Em lắc mãi, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi:

- Chú đã soạn sửa lều chõng đủ cả rồi?

Trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng giục. Uống hết một nai rượu để chống lạnh và trừ gió mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông Đầu Xứ Anh bỏ thêm một đỉnh vàng lá vào tráp của em.

- Khi nào thấy “khang khác” trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gong lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyển và tráp. Đi đôi tất vào cho nó ấm.

Đêm mưa dầm vẫn tối như ửng lấy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, công lại không được bốn mươi năm tuổi đầu, bì bõm dắt nhau đi về phía cửa trường thi. Có tấm mưa gió và đi đêm như thế này, người ta mới thấy bước công danh là một con đường chật vật, nên xét lại xem có nên tiếp tục đi nốt không ! Giá cô Phương Hàng Giấy có đứng đây mà nhìn này! Ông Đầu Xứ Anh cắn vào môi mà bước. Trong tối tăm, tiếng hơi thở người anh dẫn lối cho người em lặng thinh từng bước một.

Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh. Nước mưa lụt dồn về, cỏ may chôn ngập lút cả ngọn. Đứng a trong những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xấp nước, người không có chữ tướng đầu như dân cả một làng chài nào đang đốt đuốc làm nghề trên bãi nước. Càng tiến gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật lửa hồng phá nhà lấy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thủy tai, quân cướp toàn đi bằng thuyền. Cái tiếng mắt nửa nổ to

ở cây đình liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng quân hồi vô lệnh đốt ống lệnh bật hồng của phường đạo tặc.

... Ông Đè Diệu đã leo lên ghế chéo. Một người lính thể sát bắc ống loa, lia ống lao qua lại. Giọng loa hô:

"_ Báo oán giả tiên nhập;

"_ Báo ân giả thứ nhập;

"_ Sĩ tử thứ thứ nhâ...ập" (1)

(1) “Những hồn báo oán vào trước; Những hồn báo ân vào sau; Các thầy Khóa vào sau rốt”

Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. TRỜI còn tối đất. Ông Đầu Xứ Anh nghe tiếng hô, mặt nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cột cứng đờ mà sự thi cử đã mắc vào đấy biết đến bao nhiêu thứ múi dây lòng thông: dây lều, dây chông, dây buộc bộ bọng, ống quyển, ... Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng nghẽnh mãi cổ lên, kiễng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xướng danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sũng nước, lòng dạ người người đều bàng hoàng. Bỗng ông Đầu Xứ Anh dun mạnh người em:

- Kia... làng Cổ Nguyệt! Tên chú! Vào đi.

Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da mồi, đã bị xé thủng. Ông Đầu Xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chông còn vướng mắc lại sau lưng, gỡ mãi mới ra. Nhốn nháo một lúc lâu, cái bề người, đã lấp được chỗ trống của một con sóng người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi đời khác. Ông Đầu Xứ Anh ra về, chỉ hận rằng, lúc

tới tấp, quên không dặn lại em nên đốt một lúc cho hết đỉnh vàng lá trong tráp nếu ở trong trường có thấy “cái gì khang khác”. Dọc đường, ông gặp một toán lính khố xanh đội nón đĩa, nai nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta ảo tưởng là bọn lính Nhà nước phái thêm vào trường giữ trật tự.

...Ông Đầu Xứ Em dựng lều, dọn chỗ ngồi thì giữa sự giằng dỗi của trời đất. Mưa to gió lớn trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ Ngọ, cho đến quá giờ Mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không qua Ngọ gió không qua Mùi. Sĩ tử khắp bốn vi giáp ất tả hũu, co ro trong lều dột, thật đã coi tính mạng mình không quý bằng một quyển thi chỉ luôn luôn muốn những chuyện tì ố. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và độn thêm lên chõng ngồi.

Cái bản nháp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngồi bút lên mặt quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quần quai tựa chứng hoắc loạn cứ như dùi vào từng miếng tì vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng, vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt trên bãi cỏ ngập, lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vắng vẻ lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài: “Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lắm, anh em có muốn như thế làm gì...”

Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sức nhớ đến đỉnh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gõ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chặn cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm môi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đồng lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lạnh lảng. Khói bốc lên, khói trụ tỏa xuống soai soải, như những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vách gạch những đèn chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu phong dấu. Những vờn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mặt ông Đầu Xứ Em mê mết và hoảng hốt,

những vờn khói-thoảng mùi gậy gậy, khen khét, và tanh lợm-bồng sẫm hẳn lại thành một bó tóc xõa u hiêm đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gần lụi, vụt bùng lên. Trời đất tối sầm xuống. Ông Đầu Xứ Em thấy bãi trường thi hình như nó rộng lớn hơn cả cái kiếp người. Trường thi âm u và không quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em gắng nhào người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bóc khỏi mặt tráp. Ông hụp tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng nổi lên giữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu Xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẳn, tưởng chừng như cơn đau bụng dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngơ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điếm mau hồi trống ngoại hạn.

Ông Đầu Xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vền vện có một bản nháp, ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong một giấc thần thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.

Tại nhà trọ bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hồng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượu cúc, vào một đêm dài nhất trong một đời người.

Hà Nội tháng Giêng-tháng Mười 1939

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Bữa Rượu Máu](#)

[Chữ Người Tử Tù](#)

[Vườn Xuân Lan Tạ Chủ](#)

[Những Chiếc Ấm Đất](#)

[Thả Thơ](#)

[Đánh Thơ](#)

[Ngôi Mả Cũ](#)

[Đánh Mất Ví](#)

[Gỡ Cái Vịt Ra](#)

[Một Vụ Bắp Rượu Lậu](#)

[Hương Cuội](#)

[Một Đám Bất Đắc Trí](#)

[Chén Trà Sương](#)

[Đèn Đêm Thu](#)

[Trên Đỉnh Non Tản](#)

[Đối - Roi](#)

[Mười Năm Trời Mới Lại Gặp Cổ Nhân](#)

[Khoa Thi Cuối Cùng](#)